



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỘC - HÓA DẦU BÌNH SƠN
Quảng Ngãi, tháng 12/2017



LIÊN DANH TƯ VẤN BSC - PSI



BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỘC – HÓA DẦU BÌNH SƠN KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 16, Đường Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (084) 28 38217713

Fax: (084) 28 38217452



TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỘC - HÓA DẦU BÌNH SƠN

Địa chỉ: Số 208, Đường Hùng Vương, Phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: (084) 255 3825825

Fax: (084) 255 3825826



TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ

THÀNH VIÊN ĐỪNG ĐẦU LIÊN DANH TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 10,11 - Tháp BIDV, Số 35, Phố Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (084) 24 39352722

Fax: (084) 24 22200669



THÀNH VIÊN LIÊN DANH: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà Hà Nội Tourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (084) 24 39343888

Fax: (084) 24 39343999



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÀI LIỆU SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ VÀ CÁC ĐẠI LÝ ĐẤU GIÁ THEO QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ.

Mục lục

PHẦN I: LỜI NÓI ĐẦU	6
PHẦN II: TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỘC – HÓA DẦU BÌNH SƠN	7
1. Thông tin về đợt chào bán	7
2. Quy mô và cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	8
2.1. Quy mô vốn điều lệ dự kiến	8
2.2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	8
PHẦN III: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	9
1. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	9
1.1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước	9
1.2. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn.....	9
2. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	11
2.1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần	11
2.2. Tổ chức phát hành	11
2.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước	11
3. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	12
3.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn.....	12
3.2. Đại diện Tổ chức phát hành.....	12
3.3. Tổ chức tư vấn	12
4. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	13
5. CÁC TUYÊN BỐ CÓ TÍNH CHẤT TƯƠNG LAI	17
6. NGUỒN DỮ LIỆU VÀ VIỆC LÀM TRÒN SỐ LIỆU TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	18

PHẦN IV: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA BSR TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	19
1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH MTV LỘC – HÓA DẦU BÌNH SƠN	19
1.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn	19
1.2. Hồ sơ pháp lý về thành lập Công ty	19
1.3. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh.....	19
1.4. Lịch sử hình thành và phát triển	20
1.5. Các thành tích của Công ty.....	22
1.6. Cơ cấu tổ chức và quản lý	23
1.7. Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc, công ty con.....	28
1.8. Danh sách công ty liên kết/Công ty có vốn đầu tư/Đầu tư dài hạn của BSR	29
1.9. Sản phẩm, dịch vụ	29
2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG GIAI ĐOẠN 2013-2016 VÀ CẬP NHẬT ĐẾN NGÀY 30/09/2017	34
2.1. Tổng quan về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	34
2.2. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	51
2.3. Tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh	58
2.4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	61
2.5. Một số chỉ tiêu tổng hợp.....	63
2.6. Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động của BSR trong giai đoạn 2013-2016 và 9T/2017.....	64
2.7. Vị thế và năng lực hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn trong ngành Lộc – Hóa dầu Việt Nam.....	65
2.8. Tình hình lao động tại thời điểm lập phương án cổ phần hóa.....	68
3. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	69
3.1. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	69
3.2. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và những vấn đề cần tiếp tục xử lý.....	74
3.3. Thực trạng sử dụng đất.....	78

PHẦN V: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA	79
1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....	79
1.1. Tên gọi và các thông tin cơ bản.....	79
1.2. Ngành nghề kinh doanh.....	79
1.3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	80
1.4. Mô hình tổ chức hoạt động dự kiến.....	81
1.5. Xử lý vốn góp bổ sung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thực hiện Dự án NCMR từ sau thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2015) đến thời điểm 30/09/2017.....	84
1.6. Thoái vốn tại các công ty con, công ty liên kết từ thời điểm 30/09/2017 đến thời điểm công bố thông tin	84
2. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG SAU CỔ PHẦN HÓA	85
3. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA.....	86
4. KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA..	90
4.1. Mục tiêu chiến lược	90
4.2. Định hướng phát triển của Công ty	90
4.3. Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2018 - 2022	99
4.4. Kế hoạch trả cổ tức	102
4.5. Các giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh	102
5. KẾ HOẠCH NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN.....	106
PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	107
1. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN.....	107
1.1. Rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.....	107
1.2. Rủi ro liên quan đến thị trường.....	109
1.3. Rủi ro của đợt chào bán	109
1.4. Rủi ro khác.....	110
2. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN	110

2.1. Chào bán cổ phần cho các nhà đầu tư đại chúng (IPO).....	110
2.2. Chào bán cổ phần cho người lao động	112
2.3. Chào bán cổ phần cho tổ chức công đoàn	114
2.4. Chào bán cổ phần cho cổ đông chiến lược	114
2.5. Các giải pháp xử lý cổ phần không bán hết.....	116
3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC BÁN CỔ PHẦN	118
3.1. Dự toán chi phí	118
3.2. Quản lý và sử dụng tiền thu được.....	118
PHẦN VII: KẾT LUẬN	120
PHẦN VIII: DANH SÁCH TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM.....	122
1. DANH MỤC ĐẤT CÔNG TY ĐANG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG.....	122

PHẦN I: LỜI NÓI ĐẦU

Bản Công bố thông tin này nhằm mục đích công bố thông tin phục vụ việc bán đấu giá cổ phần lần đầu theo hình thức đấu giá công khai, là một nội dung của quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn.

Với tư cách là tổ chức công bố thông tin và tổ chức phát hành cổ phần theo Bản công bố thông tin này, Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn (BSR) xin lưu ý rằng các nhà đầu tư nên dựa vào các thông tin được trình bày trong (i) Bản công bố thông tin này, (ii) mẫu Đơn đăng ký đấu giá cổ phần và (iii) Quy chế đấu giá do Tổ chức thực hiện đấu giá ban hành để đưa ra quyết định đầu tư cho mình. BSR chưa ủy quyền cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào cung cấp cho nhà đầu tư bất kỳ thông tin nào khác ngoài các thông tin được trình bày trong Bản công bố thông tin này. Ngoài ra, nếu các nhà đầu tư chưa hiểu rõ về bất kỳ nội dung hay thông tin nào được trình bày trong Bản công bố thông tin này, các nhà đầu tư nên hỏi ý kiến tư vấn của các tổ chức tư vấn độc lập.

Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn hiện thuộc 100% vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm đại diện vốn và đang trong quá trình thực hiện cổ phần hóa theo hình thức bán bớt một phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, qua đó giảm tỷ lệ sở hữu của Nhà nước xuống 43% sau cổ phần hóa.

Công ty Cổ phần Lộc – Hóa dầu Bình Sơn được thành lập sau khi cổ phần hóa sẽ kế thừa các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn hiện nay theo quy định của pháp luật. Công ty Cổ phần Lộc – Hóa dầu Bình Sơn sẽ có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Lộc – Hóa dầu Bình Sơn, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Việc phát hành cổ phần theo hình thức đấu giá theo Bản công bố thông tin này là một phần của quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn, góp phần hình thành Công ty Cổ phần Lộc – Hóa dầu Bình Sơn. Cổ phần được phát hành theo Bản công bố thông tin này là cổ phần của Công ty Cổ phần Lộc – Hóa dầu Bình Sơn. Các nhà đầu tư mua cổ phần theo Bản công bố thông tin này sẽ trở thành cổ đông của Công ty Cổ phần Lộc – Hóa dầu Bình Sơn và có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lộc – Hóa dầu Bình Sơn và quy định của pháp luật.

PHẦN II: TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỘC – HÓA DẦU BÌNH SƠN

1. Thông tin về đợt chào bán

Số lượng cổ phần bán đấu giá	241.556.969 cổ phần
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm	14.600 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu	100 cổ phần
Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được mua tối đa ..	241.556.969 cổ phần
Phương thức đấu giá	Đấu giá tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
Đối tượng tham gia	Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn.
Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin đấu giá ..	Tại các đại lý đấu giá được công bố trong Quy chế đấu giá. Bản công bố thông tin được đăng tải trên website http://www.hsx.vn ; http://bsc.com.vn ; http://psi.vn ; http://bsr.com.vn và website của các đại lý đấu giá.
Địa điểm đăng ký tham dự đấu giá	Tại các đại lý đấu giá được công bố trong Quy chế đấu giá.
Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc và nhận Phiếu đấu giá	Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn.
Quy chế về nộp tiền đặt cọc	Đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.
Thời gian các Đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá ..	Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn.
Địa điểm tổ chức đấu giá	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc do không mua được cổ phần.

Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn.

2. Quy mô và cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

2.1. Quy mô vốn điều lệ dự kiến

Trên cơ sở nguyên tắc để xác định quy mô vốn điều lệ và căn cứ pháp lý, quy mô vốn điều lệ dự kiến của Công ty để thực hiện cổ phần hóa được trình bày trong bảng sau:

Quy mô vốn điều lệ dự kiến	Giá trị (đồng)
Giá trị phần vốn của Nhà nước theo số liệu trên sổ kế toán tại thời điểm XĐGTDN	31.004.996.159.995
Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để CPH	31.004.996.159.995
Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (làm tròn)	31.004.996.160.000
Tổng quy mô vốn điều lệ	31.004.996.160.000

2.2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ
Nhà nước	1.333.214.835	13.332.148.350.000	43,00%
Cổ phần bán ưu đãi chào bán cho CBCNV	6.483.000	64.830.000.000	0,21%
<i>Cổ phần bán ưu đãi chào bán cho CBCNV theo thâm niên công tác</i>	<i>1.437.000</i>	<i>14.370.000.000</i>	<i>0,05%</i>
<i>Cổ phần bán ưu đãi chào bán cho CBCNV theo cam kết làm việc tiếp cho công ty cổ phần</i>	<i>5.046.000</i>	<i>50.460.000.000</i>	<i>0,16%</i>
Cổ phần bán ưu đãi chào bán cho Tổ chức Công đoàn	-	-	0,00%
Cổ phần chào bán công khai trong đợt IPO	241.556.969	2.415.569.690.000	7,79%
Cổ phần chào bán cho NĐTCL	1.519.244.812	15.192.448.120.000	49,00%
Tổng cộng	3.100.499.616	31.004.996.160.000	100,00%

PHẦN III: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1.1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 7 năm 2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động- Thương Binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động- Thương Binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

1.2. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

- Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020;
- Nghị quyết số 84/2017/NQ-CP ngày 06/09/2017 của Chính Phủ về phiên họp Chính Phủ thường kỳ tháng 8 năm 2017;

- Quyết định số 2665/QĐ-DKVN ngày 06/11/2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn (BSR);
- Quyết định số 2721/QĐ-DKVN ngày 16/11/2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn (BSR);
- Quyết định số 2747/QĐ-DKVN ngày 19/11/2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn (BSR);
- Quyết định số 1106/QĐ-DKVN ngày 02/06/2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Bổ sung Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn (BSR);
- Quyết định số 1259/QĐ-DKVN ngày 24/06/2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Bổ sung Ủy viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn (BSR);
- Quyết định số 383/QĐ-DKVN ngày 28/02/2017 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thay thế Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn (BSR);
- Quyết định số 1039/QĐ-DKVN ngày 06/06/2017 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thay thế Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn (BSR);
- Quyết định số 1938/QĐ-BCT ngày 31/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) để cổ phần hóa;
- Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 08/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

2. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

2.1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

Tên tiếng Việt:	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Tên Tiếng Anh:	Hochiminh Stock Exchange
Trụ sở:	Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84.28) 38217713
Fax:	(84.28) 38217452
Website:	www.hsx.vn

2.2. Tổ chức phát hành

Tên tiếng Việt:	Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn
Tên Tiếng Anh:	Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited
Tên viết tắt:	BSR
Trụ sở:	Số 208, Đường Hùng Vương, Phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Điện thoại:	(84.255) 3825825
Fax:	(84.255) 3825826
Website:	www.bsr.com.vn

2.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Trụ sở:	Tầng 10, 11, Tháp BIDV, Số 35, Phố Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(84.24) 39352722
Fax:	(84.24) 22200669
Website:	www.bsc.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Trụ sở:	Tầng 2, Tòa nhà Hanoi Tourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(84.24) 3934 3888
Fax:	(84.24) 3934 3999
Website:	www.psi.vn

3. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

3.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

Ông Phan Đình Đức Thành viên HĐQT Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Trưởng ban

3.2. Đại diện Tổ chức phát hành

Ông Trần Ngọc Nguyên Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

Những người có tên được nêu trên đây đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3.3. Tổ chức tư vấn

Ông Đỗ Huy Hoài Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Đơn vị đứng đầu Liên danh BSC – PSI

Ông Đặng Minh Quang Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí – Thành viên Liên danh BSC – PSI

(Theo ủy quyền số 37A/UQ-NDD-CKDK ngày 04/10/2017 của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí về việc Giấy ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật cho các cấp thuộc PSI)

Việc đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Công bố thông tin này đã được Liên danh tư vấn BSC – PSI thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn cung cấp. Chúng tôi đã thực hiện các bước xây dựng nội dung Bản công bố thông tin tuân thủ đúng trình tự bắt buộc theo quy định của pháp luật nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

4. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

“BSR”, “Công ty”	Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn
“Nghị định 59”	Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần
“Nghị định 189”	Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 7 năm 2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần
“Nghị định 116”	Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 7 năm 2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần
“Quyết định 58”	Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020
9T/2016, 9T/2017	Số liệu 9 tháng đầu năm 2016/2017
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BCTC.....	Báo cáo tài chính
BKHCN.....	Bộ Khoa học Công nghệ
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BQL.....	Ban quản lý
BSR-BF.....	Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung
Carbon Black	Là một loại carbon vô định hình, phụ gia sản xuất cao su và xăm lốp
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CDU.....	Crude Distillation Unit/Phân xưởng chưng cất dầu thô
CPH	Cổ phần hóa
CTCP	Công ty Cổ phần
DEZA	Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất

DO	Diesel Oil/Nhiên liệu điêzen được dùng làm nhiên liệu cho động cơ điêzen của xe cơ giới.
DQRE	Ban quản lý Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy Lộc dầu Dung Quất
DN	Doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DTT	Doanh thu thuần
DWT	Là đơn vị đo năng lực vận tải an toàn của tàu thủy tính bằng tấn
Điều chỉnh lại SSKT	Điều chỉnh lại sổ sách kế toán/điều chỉnh lại sổ sách kế toán theo giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp được đánh giá lại
ĐTDH	Đầu tư dài hạn
E5 RON92.....	Là sản phẩm xăng E5 (hỗn hợp của xăng không chì và etanol nhiên liệu với hàm lượng etanol từ 4 % đến 5 % thể tích) có trị số RON \geq 92
EURO II, III, IV, V	Hệ thống tiêu chuẩn khí thải Châu Âu
FCA, FOB, CIF	Là các loại điều kiện giao hàng đặc thù theo Incoterms 2010
FO	Fuel Oils/Nhiên liệu đốt lò
FTAs	Là các Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và các tổ chức, quốc gia khác
GTDN	Giá trị doanh nghiệp
HĐTV	Hội đồng Thành viên
HGO.....	Heavy Gas Oil/Phân đoạn Diesel nặng
IPO	Chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng
Jet A-1	Nhiên liệu phản lực tước bin hàng không Jet A-1
KKT	Khu kinh tế
KO	Kerosene/Dầu hỏa dân dụng
LGO.....	Light Gas Oil/Phân đoạn Diesel nhẹ
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LPG	Khí dầu mỏ hóa lỏng

LSO	Loại dầu được sử dụng trong hệ thống phun sương dầu bôi trơn
LSWR	Low Sulfur Waxy Residue/Cặn chung cất có hàm lượng lưu huỳnh thấp dùng làm nguyên liệu cho phân xưởng RFCC.
MTBE	MTBE là cấu tử có trị số octan rất cao, được sử dụng chủ yếu để pha vào xăng nhằm cải thiện chất lượng và giảm ô nhiễm môi trường
NĐT	Nhà đầu tư
NĐTCL	Nhà đầu tư chiến lược
NVL	Nguyên vật liệu
NMLD	Nhà máy lọc dầu
NCMR	Nâng cấp mở rộng/Dự án nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QLDA	Quản lý dự án
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PMS	Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí
PP	Polypropylen/Polypropylene/Hạt nhựa PP
PV-Building	Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí
PVOil	Tổng Công ty Dầu Việt Nam
PVOS	Công ty TNHH Kho ngầm xăng dầu dầu khí Việt Nam
PVTrans	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí
Reformate Residue	Cặn Reformate
SAO	Hệ thống quản lý điện tử
SPM	Single Mooring Point/Hệ thống nhập dầu không bến
Tập đoàn, PVN	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
TGD	Tổng Giám đốc
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
TTS	Tổng Tài sản
RFCC	Residue Fluidised Catalytic Cracking Unit/Phân xưởng cracking xúc tác

ROA	Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản
ROE	Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
RON92	Là sản phẩm xăng không chì có trị số ốctan ≥ 92
RON95	Là sản phẩm xăng không chì có trị số ốctan ≥ 95
Sulfur	Lưu huỳnh
SXKD	Sản xuất kinh doanh
UBND	Ủy ban nhân dân
TA.....	Turn Around, bảo dưỡng tổng thể Nhà máy
TCCS	Tiêu chuẩn cơ sở cho từng loại sản phẩm do Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn ban hành
TCKT	Tài chính kế toán
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
XĐGTDN	Xác định giá trị doanh nghiệp

5. CÁC TUYÊN BỐ CÓ TÍNH CHẤT TƯƠNG LAI

Bản công bố thông tin này trình bày một số tuyên bố có tính chất tương lai liên quan đến các kế hoạch, ý định, sự tin tưởng, dự kiến và các dự đoán của BSR về tương lai, đặc biệt trong Phần ”Phương hướng phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa”. Về bản chất, các tuyên bố có tính chất đó hàm chứa yếu tố rủi ro và có thể sẽ không chắc chắn chính xác trong tương lai và BSR không thể đảm bảo chắc chắn về các sự kiện và/hoặc dữ liệu mang tính chất dự báo trong tương lai

Ngoài những nội dung khác, các tuyên bố có tính chất tương lai trình bày trong Bản công bố thông tin này bao gồm các tuyên bố liên quan đến:

- Cơ cấu tổ chức của BSR sau cổ phần hóa;
- Môi trường pháp lý và triển vọng chung của ngành dầu khí và lọc – hóa dầu trên thế giới và tại Việt Nam;
- Chiến lược phát triển kinh doanh của BSR và các giải pháp để triển khai chiến lược này;
- Kế hoạch kinh doanh dự kiến của BSR giai đoạn 2018-2022;

Ngoài ra, các tuyên bố về tình hình tài chính, mục tiêu và chiến lược, tái cơ cấu mô hình tổ chức hoạt động, bộ máy quản lý điều hành, định hướng kinh doanh sau cổ phần hóa, kế hoạch và giải pháp thực hiện của BSR cũng là các tuyên bố có tính chất tương lai. Trong một số trường hợp, BSR sử dụng các từ như “sẽ”, “tin tưởng”, “dự đoán”, “dự kiến”, “dự định”, “có thể”, “kế hoạch”, “khả năng”, “rủi ro”, “nên” và các từ tương tự khác để xác định các tuyên bố có tính chất tương lai. Mặc dù BSR tin tưởng rằng các dự kiến được phản ánh trong các tuyên bố có tính chất tương lai là hợp lý nhưng BSR không thể đảm bảo rằng các dự kiến đó sẽ được chứng minh là chính xác và BSR xin lưu ý các nhà đầu tư không nên tin tưởng quá vào các tuyên bố đó, các quyết định đầu tư của các nhà đầu tư nên xuất phát từ các đánh giá, nhận định đầu tư của các nhà đầu tư và không nên phụ thuộc vào các tuyên bố được đưa ra trong phạm vi Bản công bố thông tin.

Ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần, công ty đại chúng và doanh nghiệp niêm yết sau này, BSR không có nghĩa vụ phải cập nhật, công khai hoặc sửa đổi các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin này, dù xuất phát từ nguyên nhân có các thông tin mới, các sự kiện xảy ra trong tương lai hoặc do các nguyên nhân khác hay không. Các nhà đầu tư cần lưu ý đến tuyên bố có tính chất cảnh báo này khi xem xét các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin.

6. NGUỒN DỮ LIỆU VÀ VIỆC LÀM TRÒN SỐ LIỆU TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Toàn bộ nguồn dữ liệu trong Bản công bố thông tin này, trừ trường hợp có chú thích khác, được tổng hợp từ số liệu nội bộ của doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin. Nguồn số liệu này bao gồm, nhưng không giới hạn bởi các số liệu trong báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động định kỳ, và các báo cáo hoạt động khác của doanh nghiệp. Một số dữ liệu trong bản công bố thông tin đã được thể hiện dưới hình thức làm tròn, tuy nhiên việc làm tròn các dữ liệu này được đánh giá là không gây ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng nhận định, đánh giá giá trị tiềm năng của chứng khoán được chào bán cho nhà đầu tư.

PHẦN IV: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA BSR TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH MTV LỘC – HÓA DẦU BÌNH SƠN

1.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

Tên Tiếng Việt	Công ty TNHH Một thành viên Lộc - Hóa dầu Bình Sơn
Tên Tiếng Anh	Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited
Tên viết tắt	BSR
Đơn vị chủ quản	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Loại hình doanh nghiệp	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
Trụ sở chính	208 Đại lộ Hùng Vương, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Điện thoại	0255.3825825
Website	www.bsr.com.vn
Mã số đăng ký doanh nghiệp.....	4300378569



Biểu tượng (logo)

1.2. Hồ sơ pháp lý về thành lập Công ty

- Quyết định số 1018/QĐ-DKVN ngày 9 tháng 5 năm 2008 về việc Thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300378569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 5 tháng 6 năm 2008, và các bản sửa đổi.

1.3. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300378569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 05/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10/02/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 03/11/2017, Công ty đăng ký hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau:

- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế. Chi tiết: Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc – hóa dầu.
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc – hóa dầu.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

- Giám sát lắp đặt thiết bị công trình; dàn dựng, hoàn thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí.
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Đào tạo nguồn nhân lực, thuê và cung cấp chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc – hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc – hóa dầu.
- Bán buôn chuyên doanh khác.
- Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc – hóa dầu.
- Cung cấp các dịch vụ phân tích dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hóa chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc – hóa dầu.
- Dịch vụ hàng hải, cảng biển liên quan đến ngành lọc – hóa dầu.
- Đầu tư và phát triển các dự án lọc – hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.

1.4. Lịch sử hình thành và phát triển

Giai đoạn triển khai dự án (từ năm 2005 đến năm 2008)

Dự án Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư, chính thức được khởi công vào ngày 28/11/2005 tại Khu kinh tế (KKT) Dung Quất, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; với tổng mức đầu tư là 2,5 tỉ USD, được phê duyệt điều chỉnh lên 3 tỷ USD vào năm 2009¹ có công suất chế biến 6,5 triệu tấn dầu thô/năm, đáp ứng trên 30% nhu cầu xăng dầu cả nước. Dự án NMLD Dung Quất là công trình trọng điểm quốc gia về dầu khí, có ý nghĩa hết sức to lớn đối với việc phát triển kinh tế xã hội.

Việc đầu tư xây dựng NMLD Dung Quất cho phép Việt Nam chế biến dầu thô trong nước, đảm bảo từng bước về an ninh năng lượng, giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn cung cấp xăng dầu từ nước ngoài, tạo ra diện mạo mới trong tiến trình phát triển khu vực miền Trung, đặc biệt là tỉnh Quảng Ngãi.

Dự án NMLD Dung Quất là một bước tiến quan trọng, đặt nền móng cho ngành công nghiệp mũi nhọn của đất nước, giải quyết có hiệu quả các nhu cầu về việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng nguồn thu ngân sách và phát triển các ngành dịch vụ khác của địa phương từ giai đoạn xây dựng đến giai đoạn vận hành sản xuất.

¹ Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 17/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh dự án đầu tư NMLD số 1 Dung Quất, Tổng mức đầu tư được phê duyệt tại thời điểm này là 2.501 triệu USD.

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 17/08/2009 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh dự án NMLD Dung Quất, Tổng mức đầu tư dự án được điều chỉnh lên 3.053.556.339 USD (~ 3 tỷ USD).

Giai đoạn thành lập và chạy thử (từ năm 2008 đến 2011)

Để quản lý và vận hành NMLD Dung Quất, Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn (BSR) được thành lập trên cơ sở Quyết định số 1018/QĐ-DKVN ngày 9 tháng 5 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn được giao nhiệm vụ quản lý, điều hành sản xuất Nhà máy Lộc dầu Dung Quất và kinh doanh các sản phẩm lọc, hóa dầu của Nhà máy.

Ngày 22/02/2009, Nhà máy đã sản xuất ra dòng sản phẩm đầu tiên và được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Bộ Khoa học & Công nghệ chính thức công bố giấy xác nhận chất lượng sản phẩm xăng dầu của Nhà máy.

Ngày 25/5/2010, quá trình chạy nghiệm thu đã thành công, Nhà máy đã vận hành 100% công suất thiết kế, đảm bảo an toàn, sản xuất ra tất cả các chủng loại sản phẩm theo đúng thiết kế, đạt chất lượng cao. Ngày 30/5/2010, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chính thức nhận bàn giao NMLD Dung Quất từ Tổ hợp nhà thầu Technip và giao cho Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) trực tiếp quản lý điều hành, đưa nhà máy vào vận hành thương mại, chủ động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm xăng dầu đạt chất lượng cao để cung cấp cho thị trường trong nước.

Tính từ ngày 22/02/2009 đến hết tháng 12/2010, BSR đã tiếp nhận 8,3 triệu tấn dầu thô, chế biến và cung cấp cho thị trường 7,2 triệu tấn sản phẩm các loại. Trong năm 2010, BSR đạt doanh thu thuần khoảng 58,46 ngàn tỉ đồng, lợi nhuận đạt trên 119,11 tỉ đồng và nộp ngân sách Nhà nước hơn 10 ngàn tỉ đồng.

Giai đoạn hoàn thiện và vận hành sản xuất (từ năm 2011 đến nay)

Ngày 06/01/2011, NMLD Dung Quất chính thức được Thủ tướng Chính phủ cắt băng khánh thành. Kể từ khi Công ty tiếp nhận NMLD Dung Quất, công suất trung bình của nhà máy luôn được duy trì ở mức trên 95% và sau khi nhà máy được bảo dưỡng lần thứ 1 thành công, nhà máy luôn vận hành ở mức 100% công suất.

Năm 2012, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do phải dừng tổng cộng 68 ngày để bảo dưỡng, xử lý dứt điểm tồn tại kỹ thuật. Tuy nhiên, nhà máy đã chế biến và xuất bán ra thị trường 5,6 triệu tấn sản phẩm xăng, dầu các loại, doanh thu đạt 127,78 ngàn tỉ đồng, nộp Ngân sách Nhà nước trên 17,61 ngàn tỉ đồng.

Năm 2013, Công ty đã hoàn thành vượt mức toàn bộ các mục tiêu đã đề ra, nhập 7,3 triệu tấn dầu thô (vượt hơn so với thiết kế là 6,5 triệu tấn), sản xuất và bán ra thị trường 6,6 triệu tấn sản phẩm các loại, tổng doanh thu trên 154,27 ngàn tỉ đồng, đạt 141% kế hoạch năm; nộp Ngân sách Nhà nước trên 28,42 ngàn tỉ đồng, đạt 212% kế hoạch năm.

Tính đến năm 2014, NMLD Dung Quất đã đạt mốc vận hành 630 ngày liên tục không có sự cố trước khi dừng để thực hiện đợt bảo dưỡng tổng thể lần thứ 2 do chính cán bộ của Công ty hoạch định và quản lý - một khối lượng công việc khổng lồ trong đợt bảo dưỡng tổng thể lần thứ 2. Ngày 14/08/2014, Công ty đã tổ chức tổng kết công tác bảo dưỡng tổng thể lần 2 NMLD Dung Quất. Công tác bảo dưỡng tổng thể lần 2 Nhà máy hoàn thành trước 4 ngày so với kế hoạch với chất lượng và độ an toàn cao.

Trong giai đoạn 2011-2016, tổng sản lượng của nhà máy giai đoạn này đạt khoảng 37 triệu tấn sản phẩm, doanh thu đạt trên 693 nghìn tỉ đồng, nộp Ngân sách Nhà nước trên 118 nghìn tỷ đồng, góp phần quan trọng trong công tác đảm bảo an ninh năng lượng của đất nước, tham gia tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng nguồn thu ngân sách và phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ khác của tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 2016, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất đề ra sớm trước 52 ngày. Theo đó, trong năm 2016, Công ty đạt khoảng 6,83 triệu tấn sản phẩm, vượt kế hoạch sản xuất khoảng 1 triệu tấn.

Về chiến lược phát triển của Công ty, ngày 22 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ra quyết định số 9016/QĐ-DKVN chính thức phê duyệt Dự án Nâng cấp mở rộng (NCMR) NMLD Dung Quất. Theo đó, Dự án NCMR với tổng mức đầu tư 1.813 triệu USD. Dự án dự kiến sẽ được hoàn thành vào năm 2021 và chính thức đi vào hoạt động từ năm 2022. Sau khi hoàn thành, công suất chế biến dầu thô của Nhà máy dự kiến sẽ đạt 8,5 triệu tấn/năm và chất lượng sản phẩm đầu ra đáp ứng tiêu chuẩn EURO V. Bên cạnh đó, mức độ linh động trong việc lựa chọn dầu thô đầu vào của Công ty sẽ được nâng cao, không còn phụ thuộc vào nguồn dầu thô từ mỏ Bạch Hổ đang dần tụt giảm về sản lượng.

Mục tiêu phát triển được PVN đề ra cho Công ty trong giai đoạn tới là xây dựng BSR trở thành công ty lọc – hóa dầu chủ động, năng động, có năng lực cạnh tranh ở trong nước và quốc tế, đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức cao gắn liền với bảo vệ môi trường, an toàn và tích cực tham gia hoạt động an sinh xã hội. Trong đó, các mục tiêu chính được đề ra cho đến năm 2022 như sau:

- Tập trung tổ chức hoạt động sản xuất an toàn, ổn định, hiệu quả, làm chủ công nghệ và bền vững.
- Hoàn thành và đưa vào hoạt động Dự án NCMR NMLD Dung Quất.
- Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và làm tốt công tác an sinh xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương.

1.5. Các thành tích của Công ty

- Các sản phẩm của NMLD Dung Quất đã đạt Huy Chương Vàng Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt Nam (Vietnam Expo 2010, 2011, 2012).
- Năm 2013: Các sản phẩm của NMLD Dung Quất đạt Cúp Vàng Chất lượng tại Hội chợ tôn vinh sản phẩm Doanh nghiệp Việt năm 2013.
- Năm 2013: Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; Giải Vàng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2013.
- Năm 2014: Các sản phẩm của NMLD Dung Quất đạt giải thưởng “Cúp vàng TOP TEN Thương hiệu Việt”.
- Năm 2014: Công ty được Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.
- Năm 2015: Các sản phẩm của NMLD Dung Quất đạt danh hiệu Sao Vàng Đất Việt.
- Năm 2016: Công ty đạt Giải vàng Giải thưởng chất lượng quốc gia và Giải thưởng chất lượng quốc tế châu Á – Thái Bình Dương do Bộ KH-CN tổ chức.

1.6. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Theo Quyết định số 5362/QĐ-HĐTV ngày 21/12/2016 về việc ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ các ban, phòng và định biên lao động năm 2017 của Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn, Công ty được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ.

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành, giám sát của Công ty gồm có:

A. Công ty

- Hội đồng thành viên
- Ban Tổng Giám đốc
- Ban Kiểm soát
- Bộ máy giúp việc (Văn phòng/Ban/các phòng)

B. Nhà máy

- Ban Giám đốc nhà máy
- Các ban/phòng trực tiếp sản xuất

C. Chi nhánh: Ban quản lý dự án (QLDA) Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất

D. Công ty con/Công ty liên kết/Công ty có vốn đầu tư của BSR:

- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung
- Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí
- Công ty TNHH Kho ngậm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam

1.6.1. Bộ máy quản lý điều hành

Cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành của Công ty gồm có:

Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên là cơ quan đại diện của chủ sở hữu tại Công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Công ty, tại các công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ và của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác. Hội đồng thành viên Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu.

Theo Điều lệ của Công ty, các thành viên Hội đồng thành viên do chủ sở hữu bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên gây thiệt hại cho chủ sở hữu, trừ thành viên biểu quyết không tán thành quyết định này. Hội đồng thành viên có tối đa 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên là 05 năm.

Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc: Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc: Các Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn do Tổng giám đốc phân công phù hợp với Điều lệ của Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, hạch toán, thống kê của Công ty; Giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính kế toán, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt chủ sở hữu đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc theo đúng quy định trong Điều lệ, các Nghị quyết, Quyết định của chủ sở hữu.

Bộ máy giúp việc (Văn phòng/Ban/các Phòng)

Bộ máy giúp việc: Bao gồm Văn phòng, các ban/phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương, có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong quản lý điều hành Công ty cũng như thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, của thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác.

Ban Giám đốc Nhà máy

Giám đốc Nhà máy là người điều hành toàn bộ hoạt động hằng ngày của Nhà máy theo mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và các quyết định của Tổng Giám đốc phù hợp với các quy định của Công ty để đảm bảo nhà máy vận hành tuyệt đối an toàn và hiệu quả theo mục tiêu đề ra; thực hiện nhiệm vụ quyền hạn do Tổng Giám đốc phân công; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Giám đốc Nhà máy giúp Giám đốc điều hành Nhà máy, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn do Giám đốc phân công phù hợp với quy định của Công ty; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Ban lãnh đạo chi nhánh Công ty – Ban QLDA Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất (DQRE)

Trưởng ban là người điều hành toàn bộ hoạt động hằng ngày của Ban QLDA theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc phù hợp với các quy định của Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của Ban QLDA; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

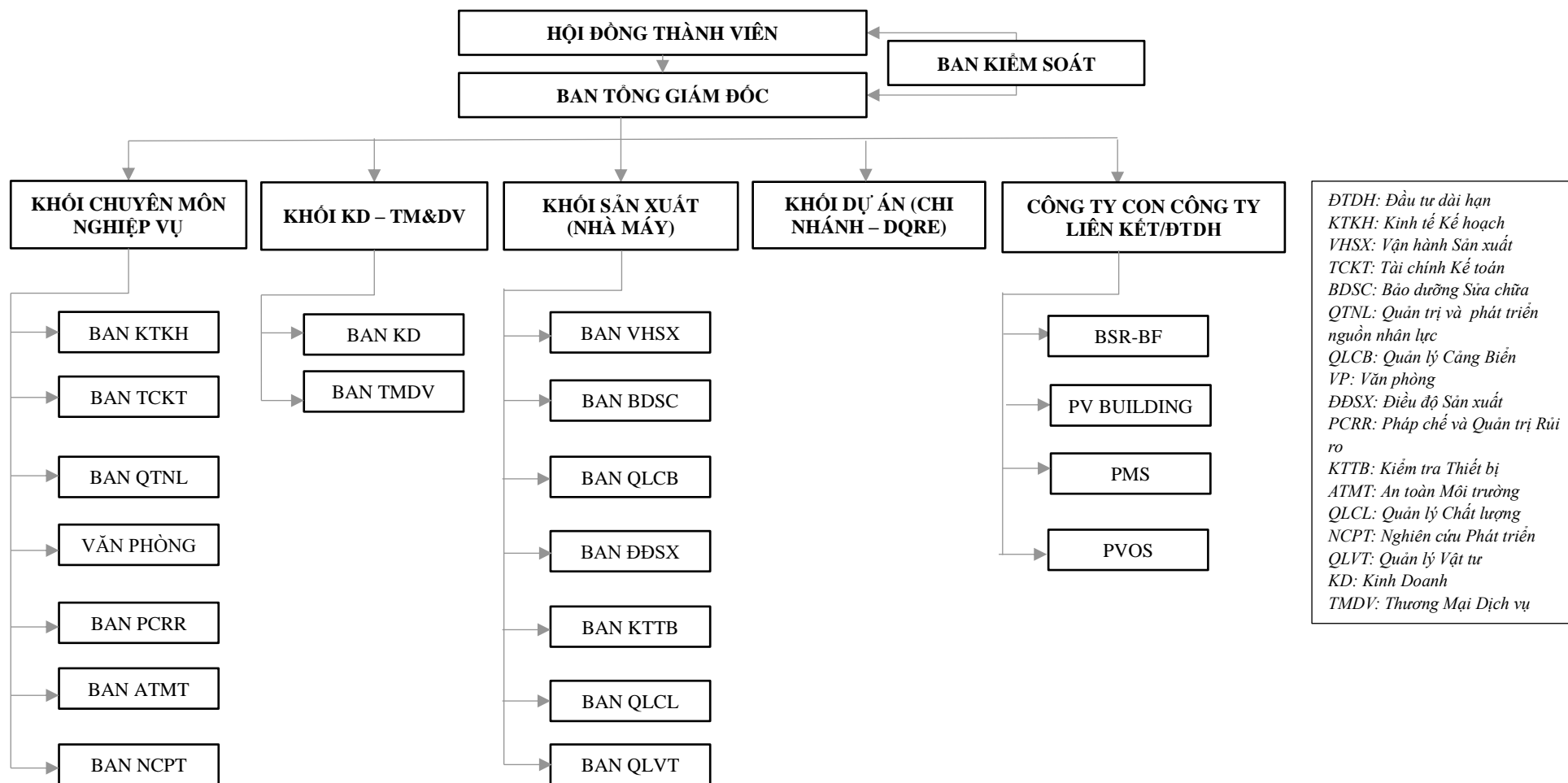
Các Phó Trưởng ban giúp Trưởng ban điều hành Ban QLDA, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn do Trưởng ban phân công phù hợp với quy định của Công ty/Ban QLDA; chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Công ty con, Công ty liên kết

Người đại diện của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết thực hiện theo các quy định Quy chế người đại diện của công ty và các quy định của pháp luật.

1.6.2. Sơ đồ tổ chức

Căn cứ quyết định số 5362/QĐ-HĐTV ngày 21 tháng 12 năm 2016 v/v ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ các ban, phòng và định biên lao động năm 2017 của BSR, cơ cấu tổ chức của Công ty tại thời điểm đệ trình phương án cổ phần hóa như sau:



*ĐTDH: Đầu tư dài hạn
 KTKH: Kinh tế Kế hoạch
 VHSX: Vận hành Sản xuất
 TCKT: Tài chính Kế toán
 BDSC: Bảo dưỡng Sửa chữa
 QTNL: Quản trị và phát triển nguồn nhân lực
 QLCB: Quản lý Cảng Biển
 VP: Văn phòng
 ĐĐSX: Điều độ Sản xuất
 PCRR: Pháp chế và Quản trị Rủi ro
 KTTB: Kiểm tra Thiết bị
 ATMT: An toàn Môi trường
 QLCL: Quản lý Chất lượng
 NCPT: Nghiên cứu Phát triển
 QLVT: Quản lý Vật tư
 KD: Kinh Doanh
 TMDV: Thương Mại Dịch vụ*

1.6.3. Hội đồng thành viên²

Tên thành viên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hoài Giang	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Nguyên	Thành viên
Ông Vũ Mạnh Tùng.....	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hòa.....	Thành viên

1.6.4. Ban Kiểm soát

Tên thành viên	Chức vụ
Ông Phạm Ngọc Quý	Kiểm soát viên

1.6.5. Ban Tổng giám đốc

Tên thành viên	Chức vụ
Ông Trần Ngọc Nguyên	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Mạnh Tùng.....	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hội	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng.....	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Anh.....	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lý Hồng Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Khương Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Quang	Kế Toán trưởng

² Danh sách thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban TGD tại ngày 30/11/2017.

1.7. Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc, công ty con

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2015), Công ty có 1 đơn vị hạch toán phụ thuộc và 2 công ty con hạch toán độc lập. Danh sách các công ty con và lĩnh vực kinh doanh được thể hiện trong bảng dưới đây:

<u>Các đơn vị hạch toán phụ thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu</u>			
Chi nhánh Công ty TNHH Một Thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn – Ban Quản lý Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy Lộc dầu Dung Quất	Số 208, Hùng Vương, Phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế Đầu tư và phát triển các dự án Lộc – Hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.			
<u>Các công ty con sở hữu trực tiếp</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Vốn điều lệ (tỷ đồng)</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết của Công ty</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu</u>
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Khu Đô thị mới Vạn Tường, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	175,22	96,53%	96,53%	Quản lý nhà ở và kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	KCN phía Đông, KKT Dung Quất – Bình Thuận, Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	1.120,45 ³	65,86%	65,86%	Sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm nhiên liệu sinh học

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

³ Tại thời điểm 31/12/2015, vốn điều lệ của BSR – BF đã được các cổ đông thực góp là 1.120,45 tỷ đồng. Trong đó, vốn góp của BSR tại BSR – BF là 737,92 tỷ đồng, chiếm 65,86% vốn điều lệ. Tuy nhiên tại thời điểm này, BSR – BF chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 28/02/2014, vốn điều lệ của BSR – BF là 982 tỷ đồng.

1.8. Danh sách công ty liên kết/Công ty có vốn đầu tư/Đầu tư dài hạn của BSR

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2015), Công ty không sở hữu trực tiếp công ty liên kết nào. Ngoài ra, Công ty có 2 khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ đã góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS)	Võ Văn Kiệt, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	80,00	8,75%	8,75%	Cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng các máy móc thiết bị và công trình dầu khí
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS)	Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn, xã Long Sơn, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	55,69	7,99%	7,99%	Đầu tư xây dựng và vận hành kho ngầm chứa xăng dầu

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

1.9. Sản phẩm, dịch vụ

Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn thường được biết đến với tên gọi là Nhà máy Lộc dầu Dung Quất có công suất chế biến 6,5 triệu tấn dầu thô/năm, đáp ứng trên 30% nhu cầu xăng dầu cả nước. Nhà máy chính gồm 15 phân xưởng công nghệ, 10 phân xưởng năng lượng phụ trợ, khu bể chứa dầu thô, bể chứa sản phẩm, hệ thống ống dẫn dầu thô và sản phẩm. Hệ thống phụ trợ cho hoạt động Nhà máy là các hạng mục cảng biển gồm hệ thống tiếp nhận dầu thô (SPM) cho tàu trọng tải đến 110 nghìn DWT. Tháng 7 năm 2014, hệ thống SPM được cải hoán để tiếp nhận tàu có trọng tải 150 nghìn DWT. Bên cạnh đó, Công ty cũng có hệ thống đê chắn sóng và cảng xuất sản phẩm cho tàu trọng tải đến 30 nghìn DWT nhập cảng.

Ngoài hoạt động chính là chế biến các sản phẩm lọc, hóa dầu, Công ty còn có nguồn thu nhỏ đến từ thu phí dịch vụ các tàu dầu nhập cảng của Công ty.

Hiện tại, sản phẩm RON92, DO của Công ty đạt mức 2 theo quy định tại QCVN 1:2015/BKHCN, còn sản phẩm RON95 đạt mức 3 theo quy định tại QCVN 1:2015/BKHCN. Ngoài ra, các sản phẩm khác như Jet A-1, FO, LPG, lưu huỳnh, PP và Propylen đều được kiểm soát chất lượng đầu ra theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Tiêu chuẩn cơ sở của Công ty.

Sản lượng thiết kế các sản phẩm của BSR được tổng hợp trong bảng sau:

STT	Tên sản phẩm	Sản lượng thiết kế (Đơn vị: nghìn tấn/năm)
1	RON92	1.400 – 1.800
2	RON95	600 – 700
3	DO	2.900 – 3.200
4	FO	60 – 100
5	Jet A-1	80 – 400
6	Khí dầu hóa lỏng (LPG)	400 – 420
7	Hạt nhựa PP	135 – 150
8	Propylen	136 – 150

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

Danh mục các sản phẩm và các tiêu chuẩn, chứng nhận về chất lượng sản phẩm được trình bày trong bảng sau:

TT	Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Các quy chuẩn	Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm	Các chứng nhận chất lượng đã được cấp
1	DO	Nhiên liệu điêzen (DO), là hỗn hợp hydrocacbon lỏng có nguồn gốc từ dầu mỏ với khoảng nhiệt độ sôi trung bình phù hợp để sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ điêzen làm việc theo nguyên lý tự cháy khi nén dưới áp suất cao trong xy lanh.	QCVN 1:2015/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học	TCVN 5689:2013 Nhiên liệu Điêzen (DO)-Yêu cầu kỹ thuật TCCS 02:2016/BSR-Nhiên liệu Điêzen (DO) -Yêu cầu kỹ thuật	Chứng nhận hợp quy số 17.009.02-HQ5/N2 có giá trị đến 31/5/2020 Chứng nhận hợp chuẩn số 17.001.02-HC5/N2 có giá trị đến 31/5/2020

TT	Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Các quy chuẩn	Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm	Các chứng nhận chất lượng đã được cấp
2	RON92	RON92 là hỗn hợp dễ bay hơi của hydrocarbon lỏng có nguồn gốc từ dầu mỏ với khoảng nhiệt độ sôi thông thường từ 30 °C đến 215 °C, thường có chứa lượng nhỏ phụ gia phù hợp, nhưng không có phụ gia chứa chì, được sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ đốt trong.	QCVN 1:2015/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học	TCVN 6776:2013 Xăng không chì -Yêu cầu kỹ thuật TCCS 01:2016/BSR-Xăng không chì -Yêu cầu kỹ thuật	Chứng nhận hợp quy số 17.009.01-HQ5/N2 có giá trị đến 31/5/2020 Chứng nhận hợp chuẩn số 17.001.01-HC5/N2 có giá trị đến 31/5/2020
3	E5 RON92	E5 RON92 là hỗn hợp của xăng không chì và etanol nhiên liệu, có hàm lượng etanol từ 4% đến 5% theo thể tích với trị số ốc tan ≥ 92	QCVN 1:2015/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học	TCVN 8063:2015 Xăng không chì pha 5% ethanol - Yêu cầu kỹ thuật TCCS 11:2016/ BSR -Xăng E5-Yêu cầu kỹ thuật	Chứng nhận hợp quy số 15.034-HQ5/N2 có giá trị đến 30/6/2018
4	RON95	RON95 là hỗn hợp dễ bay hơi của hydrocarbon lỏng có nguồn gốc từ dầu mỏ với khoảng nhiệt độ sôi thông thường từ 30 °C đến 215 °C, thường có chứa lượng nhỏ phụ gia phù hợp, nhưng không có phụ gia chứa chì, được sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ đốt trong.	QCVN 1:2015/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học	TCVN 6776:2013 Xăng không chì-Yêu cầu kỹ thuật TCCS 01:2016/BSR- Xăng không chì-Yêu cầu kỹ thuật	Chứng nhận hợp quy số 16.021-HQ5/N2 có giá trị đến 27/12/2019 Chứng nhận hợp chuẩn số 16.001-HC5/N2 có giá trị đến 27/12/2019

TT	Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Các quy chuẩn	Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm	Các chứng nhận chất lượng đã được cấp
5	LPG	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) là sản phẩm hydrocarbon có nguồn gốc dầu mỏ với thành phần chính là propan (C_3H_8) hoặc butan (C_4H_{10}) hoặc hỗn hợp của cả hai loại này. Tại nhiệt độ, áp suất bình thường các hydrocarbon này ở thể khí và khi được nén đến một áp suất nhất định hoặc làm lạnh đến nhiệt độ phù hợp thì chúng chuyển sang thể lỏng.	QCVN 08:2012/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	TCVN 6548:1999- Khí đốt hóa lỏng-Yêu cầu kỹ thuật TCCS 06:2016/BSR-Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)-Yêu cầu kỹ thuật	Chứng nhận hợp quy số 1535-16-01 có giá trị đến 08/5/2019 Chứng nhận hợp chuẩn số 15.001.02-HC5/N2 có giá trị đến 30/6/2018
6	Lưu huỳnh	Lưu huỳnh là sản phẩm của phân xưởng thu hồi lưu huỳnh, được sản xuất ở dạng lỏng.	Chưa có quy chuẩn cụ thể	TCCS 08:2016/BSR-Lưu huỳnh- Yêu cầu kỹ thuật	Nhà nước quy định không phải hợp quy, hợp chuẩn
7	Propylen	Sản phẩm propylen được sản xuất, tồn trữ và xuất bán ở dạng lỏng.	Chưa có quy chuẩn cụ thể	TCCS 07:2016/BSR-Propylen- Yêu cầu kỹ thuật	Nhà nước quy định không phải hợp quy, hợp chuẩn
8	PP	Polypropylen (PP) được sản xuất từ propylen, hydrogen và xúc tác. PP được sử dụng cho các ứng dụng khác nhau, đáp ứng một phần nhu cầu hạt nhựa của thị trường trong nước.	Chưa có quy chuẩn cụ thể	TCCS 09:2016/BSR Polypropylen - Yêu cầu kỹ thuật	Nhà nước quy định không phải hợp quy, hợp chuẩn

TT	Sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Các quy chuẩn	Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm	Các chứng nhận chất lượng đã được cấp
9	FO	Nhiên liệu đốt lò (FO) là loại nhiên liệu dùng cho các thiết bị lò đốt trong các điều kiện vận hành và khí hậu khác nhau, gọi tắt là nhiên liệu đốt lò (dầu mazut).	Chưa có quy chuẩn cụ thể	TCCS 05:2016/BSR-Nhiên liệu đốt lò (FO) - Yêu cầu kỹ thuật	Không phải hợp quy, hợp chuẩn
10	KO	Dầu hỏa dân dụng (KO) dùng cho mục đích dân dụng như thắp sáng và đun nấu.	Chưa có quy chuẩn cụ thể	TCVN 6240:2002 – Dầu hỏa dân dụng - Yêu cầu kỹ thuật TCCS 04:2016/BSR-Dầu hỏa dân dụng (KO) - Yêu cầu kỹ thuật	Không phải hợp quy. Không thực hiện hợp chuẩn do không sản xuất thường xuyên.
11	Jet A-1	Nhiên liệu phản lực tước bin hàng không Jet A-1 là loại nhiên liệu phản lực được sử dụng cho động cơ phản lực tước bin của tàu bay.	Chưa có quy chuẩn cụ thể	AFQRJOS issue 29 – 10/2016 DEF STAN 91-091 issue 9 – 10/2016 TCVN 6426:2009 Nhiên liệu phản lực tước bin hàng không Jet A-1-Yêu cầu kỹ thuật TCCS 03:2016/BSR-Nhiên liệu phản lực tước bin hàng không Jet A-1 -Yêu cầu kỹ thuật	Chứng nhận hợp chuẩn số 15.001.01-HC5/N2 có giá trị đến 30/6/2018. Giấy chứng nhận số 255/QA/FC/01 Chứng nhận Công ty BSR là nhà cung cấp nhiên liệu Jet A-1 cho Vietnam Airlines.

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG GIAI ĐOẠN 2013-2016 VÀ CẬP NHẬT ĐẾN NGÀY 30/09/2017

2.1. Tổng quan về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1.1. Tình hình hoạt động sản xuất

a. Sản lượng sản xuất

Sản phẩm	2013	2014	2015 (Nghìn tấn)	2016	9T/2017
E5 RON92.....	-	24,72	32,55	27,18	23,94
RON95	963,08	847,17	1.341,03	1.295,35	776,52
RON92	1.579,64	1.335,91	1.372,86	1.454,38	1.010,73
Jet A-1	28,02	96,97	195,93	376,81	249,77
Nhiên liệu điêzen . . .	3.359,60	2.892,07	3.067,58	2.891,74	1.824,67
FO	112,09	138,77	137,65	120,75	98,75
LPG	409,49	357,32	448,43	489,99	315,57
PP.....	156,92	135,85	168,80	166,19	99,39
Propylen	8,90	5,89	-	2,96	-
Lưu huỳnh.....	1,13	0,95	1,57	1,89	1,16
Tổng	6.618,87	5.835,62	6.766,39	6.827,24	4.400,50
<i>Dầu thô tiêu thụ.....</i>	<i>7.409,14</i>	<i>6.321,24</i>	<i>7.252,86</i>	<i>7.522,29</i>	<i>4.616,97</i>

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

Nguồn cung dầu thô chính của Công ty vẫn là mỏ Bạch Hổ, chiếm khoảng 60% tổng khối lượng dầu thô đưa vào chế biến của Công ty. Hiện tại, mỏ Bạch Hổ và các mỏ dầu trong nước (chủ yếu là ngọt, nhẹ) chiếm đến 90% cơ cấu dầu thô của Công ty, còn lại là dầu nhập khẩu. Hiện tại, Công ty đang thực hiện đa dạng hóa nguồn dầu thô bằng các cải hoán nhỏ để tăng cường khả năng phối trộn. Nhà máy có thể hoạt động ổn định và đảm bảo an toàn ở mức 70:30 (70% là dầu Bạch Hổ và tương tự).

PVOil đang là đơn vị duy nhất đại diện cung cấp dầu thô cho Công ty, trong đó bao gồm cả nhận ủy thác nhập khẩu dầu thô nước ngoài cho BSR. Giá dầu thô hiện tại được xây dựng trên cơ sở giá dầu thô Dated Brent của hãng tin Platts. Các hợp đồng cung cấp đều có thời hạn từ 6 tháng đến 1 năm với thời hạn thanh toán khoảng 30 ngày. Giá hợp đồng được tính bằng USD, Công ty có thể thanh toán bằng USD và/hoặc VND tùy theo điều kiện cụ thể của từng hợp đồng.

Dầu thô nguyên liệu được tàu tải có tải trọng khoảng 110.000-150.000 DWT vận chuyển đến cảng nhập dầu qua hệ thống SPM (phao rót dầu không bến), bơm vào khu bể chứa dầu thô. Sau quá trình lắng xả nước, dầu thô được đưa vào phân xưởng chưng cất dầu thô CDU thực hiện quá trình phân tách (vật lý) thành các cấu tử phối trộn trực tiếp (như LGO/HGO) sản xuất diesel và các cấu tử trung gian (như khí, LPG, Naphtha, cặn dầu thô residue) được chế biến ở các công đoạn tiếp theo để tạo ra cấu tử/sản phẩm cuối cùng. Trong đó, phân đoạn cặn dầu thô chiếm tỷ trọng lớn nhất (40-50% thể tích so với dầu thô nguyên liệu) sẽ được đưa vào chế biến ở phân xưởng RFCC nhằm chuyển hóa các phân đoạn nặng, ít giá trị thành các cấu tử/sản phẩm nhẹ, có giá trị cao hơn.

Trong tổng số hơn 6,5 triệu tấn sản phẩm đầu ra bình quân năm giai đoạn 2013-2016, Công ty duy trì cơ cấu khoảng 40-45% RON92, RON95 và 45% DO⁴ và 10-15% các sản phẩm khác trong đó đáng kể nhất là Jet A-1/Kerosen và hạt nhựa PP (sản phẩm hóa dầu có giá trị cao). Sản phẩm Jet A-1 tăng nhanh qua các năm do khả năng chế biến của Công ty tăng lên qua từng năm cùng với đó là khả năng đáp ứng được yêu cầu của thị trường nội địa. Trong khi đó, LPG và FO (nhiên liệu đốt lò) là các sản phẩm không tăng trưởng cao do hiện tại đây vẫn là các sản phẩm không hiệu quả về mặt kinh tế.

Trong giai đoạn 2013-2016, sản lượng sản xuất của Công ty tăng trung bình 1,05%/năm nhờ các sáng kiến cải tiến của bộ phận kỹ thuật để nâng dần công suất chế biến lên một mức độ nhất định. Trung bình tổng khối lượng sản phẩm Công ty sản xuất được tăng thêm khoảng 70.000 tấn/năm sản phẩm đầu ra các loại trong giai đoạn vừa qua. Tuy vậy, để tiếp tục tăng được công suất chế biến dầu thô, cũng như tăng cường hiệu quả hoạt động của Nhà máy, Công ty cần triển khai dự án NCMR.

Riêng trong năm 2014, do công tác bảo dưỡng tổng thể theo kế hoạch năm 2014 làm Nhà máy phải ngừng hoạt động khoảng gần 2 tháng khiến sản lượng đầu ra của Công ty giảm khoảng 11,83% so với năm 2013.

Trong 9 tháng đầu năm 2017, Công ty đã sản xuất được khoảng 4,4 triệu tấn sản phẩm các loại, trong đó có hơn 1,8 triệu tấn xăng nhiên liệu (bao gồm: RON92, RON 95 và E5 RON92) và khoảng 1,8 triệu tấn nhiên liệu điêzen.

b. Tỷ trọng sản phẩm trong cơ cấu giá vốn hàng bán

Sản phẩm	2013	2014	2015	2016	9T/2017
	(Tỷ đồng)				
E5 RON92	-	497	464	303	285
RON95	21.408	17.984	17.934	13.737	8.447
RON92	34.604	29.359	18.171	15.358	11.018
Jet A-1	605	1.842	2.298	3.499	2.686
Nhiên liệu điêzen. ...	71.699	60.147	37.932	26.874	19.128
FO	2.092	2.372	1.639	1.107	986
LPG	8.683	7.030	5.081	4.465	3.376
PP	3.896	3.139	2.602	2.209	1.446
Propylen	184	120	0	22	1
Lưu huỳnh ⁵	-	-	-	-	-
Tổng⁶	143.172	122.490	86.121	67.575	47.373
<i>Tổng giá trị Dầu thô tiêu thụ</i>	<i>129.750</i>	<i>106.425</i>	<i>70.050</i>	<i>58.243</i>	<i>45.905</i>

⁴ Cơ cấu xăng dầu có thể được linh hoạt điều chỉnh tùy theo nhu cầu thị trường và hiệu quả kinh tế của các dòng sản phẩm tại từng thời điểm.

⁵ Do lưu huỳnh chỉ là sản phẩm phụ thu từ quá trình lọc dầu nên lưu huỳnh không có giá vốn. Mức độ của lưu huỳnh đóng góp vào doanh thu của BSR cũng chỉ ở mức 1-2 tỷ đồng/năm.

⁶ Giá vốn hàng bán nêu trên không bao gồm giá vốn cho dịch vụ cảng biển, dịch vụ khác và dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tỷ trọng	2013	2014	2015	2016	9T/2017
E5 RON92	-	0,41%	0,54%	0,45%	0,60%
RON95	14,95%	14,68%	20,82%	20,33%	17,83%
RON92	24,17%	23,97%	21,10%	22,73%	23,26%
Jet A-1	0,42%	1,50%	2,67%	5,18%	5,67%
Nhiên liệu điêzen. . .	50,08%	49,10%	44,04%	39,77%	40,38%
FO	1,46%	1,94%	1,90%	1,64%	2,08%
LPG	6,06%	5,74%	5,90%	6,61%	7,13%
PP	2,72%	2,56%	3,02%	3,27%	3,05%
Propylen	0,13%	0,10%	0,00%	0,03%	0,00%
Lưu huỳnh	-	-	-	-	-
Tổng	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán các năm 2013 - 2016 và BCTC Quý III năm 2017 của BSR

Các sản phẩm truyền thống (RON92, RON95 và nhiên liệu điêzen DO) chiếm đến 80-90% giá vốn hàng bán của Công ty. Tỷ trọng của sản phẩm DO có xu hướng giảm qua các năm do sự thay đổi về sự chênh lệch giữa giá RON92 và giá nhiên liệu điêzen DO. Tuy nhiên, DO vẫn chiếm giá trị lớn nhất trong cơ cấu giá vốn sản phẩm của Công ty. Sản phẩm RON92, RON95 có xu hướng gia tăng về sản lượng để đáp ứng nhu cầu thị trường. Tổng giá trị của các sản phẩm RON92, RON95 và E5 RON92 cũng tương đương với nhiên liệu điêzen, đạt khoảng trên 40% trên cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty.

Mặt khác, sản lượng Jet A-1 gia tăng cũng do giá Jet A-1 trên thị trường có những diễn biến thuận lợi, vì vậy Công ty sản xuất tối đa Jet A-1. Jet A-1 lần lượt chiếm 5,18% và 5,67% giá vốn sản phẩm của Công ty trong năm 2016 và 9 tháng đầu năm 2017.

Propylen là sản phẩm trung gian cho quá trình sản xuất hạt nhựa PP, do đó, nếu phân xưởng PP hoạt động 100% công suất sẽ không dư thừa khí Propylen để bán. Điều này cũng giải thích cho tỷ trọng của Propylen gần như bằng không trong cơ cấu giá vốn hàng bán.

2.1.2. Tình hình hoạt động kinh doanh

a. Sản lượng tiêu thụ

Sản phẩm	2013	2014	2015	2016	9T/2017
			(Nghìn tấn)		
E5 RON92.....	-	24,63	32,62	27,18	23,94
RON95	958,61	843,25	1.342,51	1.298,89	741,73
RON92	1.555,06	1.359,63	1.368,29	1.455,61	965,47
Jet A-1	30,69	95,84	194,12	375,23	243,31
Nhiên liệu điêzen ..	3.372,64	2.901,21	3.078,40	2.891,67	1.731,78
FO	109,76	141,16	134,24	121,81	94,07
LPG	405,59	359,08	445,67	493,32	313,78
PP	156,88	135,86	168,74	166,19	95,53
Propylen	8,90	5,89	0,00	2,96	-

Lưu huỳnh.	1,13	0,95	1,49	1,88	1,17
Tổng	6.599,27	5.867,51	6.766,07	6.834,76	4.210,79

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

Sản phẩm của Công ty sản xuất ra được tiêu thụ gần như 100%, do đó, sản lượng tiêu thụ cũng xấp xỉ sản lượng sản xuất.

Tổng khối lượng sản phẩm các loại trung bình đạt khoảng trên 6,5 triệu tấn/năm. Trong cơ cấu sản phẩm tiêu thụ của Công ty, tỷ trọng các sản phẩm có sự thay đổi nhỏ qua các năm phụ thuộc vào nhu cầu thị trường và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì Công ty xuất bán hết gần như toàn bộ sản phẩm sản xuất ra nên cơ cấu sản phẩm tiêu thụ của Công ty tương tự như cơ cấu sản phẩm sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty luôn đảm bảo các sản phẩm đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Nhà nước, đồng thời duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các đầu mối thân thiết và không ngừng tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ để giữ vững vị thế là lá cờ đầu trong ngành dầu khí nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung.

Từ năm 2014, Công ty có thêm sản phẩm xăng sinh học E5 RON92 để tích cực tham gia hưởng ứng chủ trương sử dụng các sản phẩm xanh, bảo vệ môi trường của Chính phủ.

Trong 9 tháng đầu năm 2017, Công ty đã xuất bán được hơn 4,2 triệu tấn sản phẩm các loại, trong đó khối lượng xăng nhiên liệu (bao gồm: RON 92, RON 95 và E5 RON92) và nhiên liệu điêzen tương đương nhau đạt khoảng trên 1,7 triệu tấn mỗi loại.

b. Tỷ trọng các sản phẩm trong cơ cấu doanh thu

Sản phẩm	2013	2014	2015	2016	9T/2017
	(Tỷ đồng)				
E5 RON92.	-	483	524	332	339
RON95	26.272	19.543	21.649	16.061	10.755
RON92	42.574	31.864	21.411	17.471	13.746
Jet A-1	690	1.971	2.502	3.857	3.020
Nhiên liệu điêzen.	74.208	59.560	38.657	26.779	19.536
FO	1.587	1.932	996	606	694
LPG	8.314	6.764	4.933	4.548	3.770
PP ⁷	5.072	4.475	4.236	3.751	2.444
Propylen	223	150	-	37	-
Lưu huỳnh.	1	2	2	0	0
Tổng	158.942	126.744	94.912	73.442	54.305
Tỷ trọng	2013	2014	2015	2016	9T/2017
E5 RON92.	0,00%	0,38%	0,55%	0,45%	0,63%
RON95	16,53%	15,42%	22,81%	21,87%	19,81%
RON92	26,79%	25,14%	22,56%	23,79%	25,31%

⁷ Đã bao gồm doanh thu cấp bù PP trong giai đoạn 2013-2016.

Jet A-1	0,43%	1,56%	2,64%	5,25%	5,56%
Nhiên liệu điêzen	46,69%	46,99%	40,73%	36,46%	35,97%
FO	1,00%	1,52%	1,05%	0,82%	1,28%
LPG	5,23%	5,34%	5,20%	6,19%	6,94%
PP.....	3,19%	3,53%	4,46%	5,11%	4,50%
Propylen	0,14%	0,12%	0,00%	0,05%	0,00%
Lưu huỳnh.....	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Tổng	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán các năm 2013-2016 và BCTC Quý III năm 2017 của BSR

Tuy sản lượng của Công ty tăng qua các năm (trừ những năm diễn ra bảo dưỡng tổng thể) nhưng do giá dầu thô tác động trực tiếp đến giá bán sản phẩm của Công ty nên doanh thu của Công ty không diễn biến tuyến tính với sản lượng xuất bán. Tùy từng thời điểm, do chênh lệch trong thị trường cung – cầu dầu thô và cung – cầu thị trường xăng, dầu DO có thể khiến mức chênh lệch giá đầu vào – đầu ra thay đổi. Doanh thu của Công ty chủ yếu vẫn đến từ các sản phẩm truyền thống là DO và RON92, RON95, các sản phẩm chính của quá trình lọc dầu, chiếm đến trên 85%. Mặc dù sản lượng khiêm tốn hơn DO, nhưng các sản phẩm xăng của Công ty có giá bán tốt hơn dẫn đến tỷ trọng trong doanh thu của các sản phẩm xăng cũng cao hơn so với cơ cấu sản lượng tiêu thụ. Từ năm 2015, doanh thu của hai sản phẩm xăng truyền thống là RON92 và RON95 đã chiếm đến 46% doanh thu, trở thành dòng sản phẩm có doanh thu lớn nhất của Công ty.

Các sản phẩm LPG và FO mặc dù mang lại hiệu quả kinh tế chưa tốt nhưng đây là các sản phẩm không thể tách rời của quá trình lọc – hóa dầu theo đặc thù tự nhiên của thiết kế kỹ thuật của nhà máy lọc dầu. Đặc biệt, gia tăng năng lực thu hồi các sản phẩm Lưu huỳnh, FO có ý nghĩa đặc biệt trong quá trình chuyển đổi nguồn nguyên liệu chiến lược và tiết kiệm năng lượng cho nhà máy, do đó giá trị lợi nhuận biên thấp chủ yếu do quá trình phân bổ chi phí. Vì vậy, Công ty đang thực hiện các biện pháp hạn chế tác động của các sản phẩm này tới lợi nhuận của Công ty chứ không thể loại bỏ hoàn toàn các sản phẩm này khỏi chu trình sản xuất của mình.

Mặt khác, Công ty đang thực hiện đa dạng hóa các sản phẩm của mình bằng cách tăng công suất của phân xưởng RFCC, trong đó, đặc biệt là các sản phẩm hóa dầu (hạt nhựa PP). Hạt nhựa PP tuy chỉ chiếm khoảng 4-5% doanh thu nhưng lại đóng góp trên 1.000 tỷ đồng vào lợi nhuận gộp hàng năm của Công ty. Đáng chú ý, năm 2016 dòng sản phẩm hạt nhựa PP đã đem lại đến trên 1.500 tỷ đồng, chiếm 24% lợi nhuận gộp Công ty.

Trong 9 tháng đầu năm 2017, doanh thu từ các sản phẩm xăng dầu của Công ty giữ ở mức ổn định. Trong đó, xăng nhiên liệu (bao gồm: RON92, RON95 và E5 RON92) đạt mức khoảng 24.841 tỷ đồng và doanh thu của sản phẩm DO là 19.536 tỷ đồng.

Trên thực tế, từ đầu năm 2017, sản phẩm PP của Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ hàng nhập khẩu và nguồn cung dồi dào trên thị trường nội địa. Tuy nhiên, bằng các chính sách chăm sóc khách hàng linh hoạt như tăng mức chiết khấu thương mại hay giãn thời gian thanh toán cho các khách hàng thân thiết, đến hết tháng 9/2017, Công ty đã xuất bán được khoảng gần 100.000 tấn sản phẩm PP, đạt doanh thu khoảng 2.444 tỷ đồng, đạt 70,1% kế hoạch năm 2017.

c. Hình thức phân phối và cơ cấu khách hàng

Đối với sản phẩm xăng dầu (có doanh thu chiếm khoảng 90% doanh thu toàn Công ty)

Theo quy định của Bộ Công thương tại Quyết định số 2411/QĐ-BCT, khách hàng mua xăng dầu của Công ty là các công ty đầu mối có giấy phép nhập khẩu và kinh doanh xăng dầu. Do đó, mô hình kênh phân phối của Công ty tương đối tinh giản. Trong đó, Công ty thực hiện xuất bán trực tiếp cho các đầu mối mà không thông qua trung gian nào khác.

Công ty thực hiện bán hàng theo hai phương thức với hai loại hợp đồng tương ứng: Hợp đồng Term/Hợp đồng dài hạn và Hợp đồng Spot/Hợp đồng chuyển.

Đối với hợp đồng Spot: Hàng tháng, sau khi cân đối lượng hàng, Công ty sẽ thông báo cho tất cả các khách hàng về nhu cầu bán spot xăng dầu trong tháng của Công ty. Sau khi nhận được chào mua của các khách hàng, Công ty sẽ tiến hành đàm phán và thỏa thuận các điều khoản mua bán cũng như giá cả mỗi lần giao dịch với từng khách hàng. Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu mua spot, Công ty sẽ tiến hành cân đối lượng hàng và đàm phán với khách hàng.

Đối với hợp đồng Term: Công ty và khách hàng sẽ ký hợp đồng theo từng năm, quy định thời điểm và khối lượng giao hàng theo từng tháng trong năm, giá mua hàng được điều chỉnh 6 tháng/lần theo tình hình thị trường.

Công ty luôn chú trọng đẩy mạnh phát triển hệ thống khách hàng: Từ mạng lưới với 8 khách hàng mua dài hạn năm 2008, đến năm 2016 Công ty đã ký hợp đồng dài hạn cung cấp sản phẩm cho 11 khách hàng mua dài hạn là những đầu mối phân phối lớn, có uy tín trên thị trường Việt Nam. Tính đến thời điểm cuối năm 2016, tổng số đầu mối nhận sản phẩm của Công ty (bao gồm cả Term và Spot) là 18 đầu mối. Các khách hàng lớn của Công ty bao gồm: Petrolimex (chiếm khoảng 41% doanh thu bán hàng xăng dầu của Công ty), PV Oil (25%), Saigon Petro (6%), Dầu khí Đồng Tháp (5%), Thanh Lễ (4%). Bên cạnh việc gìn giữ và phát huy mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng truyền thống, Công ty đang thực hiện đa dạng hóa cơ cấu khách hàng xăng dầu của mình, nhờ đó tỷ lệ các khách hàng khác tăng từ 9,68% năm 2013 lên 18,76% năm 2016.

Năm 2017, Công ty đã tăng số lượng khách hàng ký kết hợp đồng dài hạn cung cấp sản phẩm lên 13 đơn vị, đồng thời đang gia tăng số lượng khách hàng mua hàng từ NMLD Dung Quất bằng cách chào bán spot xăng dầu cho 24/29 đầu mối trong cả nước.

Phương thức giao hàng của Công ty chủ yếu theo điều kiện FOB⁸ tại cảng Dung Quất (trừ LPG theo điều kiện CIF tại cảng người mua). Ngoài ra, Công ty vẫn chủ động giao hàng theo điều kiện CIF⁹ tại cảng người mua khi khách hàng có yêu cầu. Về cơ cấu sản phẩm, RON92, RON95 và DO là các mặt hàng truyền thống và chủ lực của Công ty, chiếm đến 90% doanh thu.

⁸ FOB (Free On Board) nghĩa là *Miễn trách nhiệm Trên Boong tàu* nơi đi còn gọi là "Giao lên tàu". Đây là một thuật ngữ trong thương mại quốc tế, được thể hiện trong Incoterms.

⁹ CIF (Cost, Insurance and Freight): *Giá thành, bảo hiểm và cước phí*, nó có nghĩa là giá của bên bán hàng đã bao gồm giá thành của sản phẩm, cước phí vận chuyển và phí bảo hiểm. Đây là một thuật ngữ trong thương mại quốc tế, được thể hiện trong Incoterms.

Hàng năm, Công ty đánh giá năng lực các khách hàng thông qua các tiêu chí như năng lực tài chính, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện tại, hạn ngạch nhập khẩu xăng dầu, tình hình thực hiện hợp đồng và điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp.

Về phân loại nhóm khách hàng, Công ty có hai nhóm khách hàng là các khách hàng lớn và khách hàng thông thường:

- Nhóm những khách hàng lớn (Petrolimex, PV Oil, SaigonPetro, Thanh Lễ, Dầu khí Đồng Tháp) chiếm khoảng 81,24% doanh thu xăng dầu của Công ty trong năm 2016. Trong 9 tháng đầu năm 2017, tỷ trọng của nhóm khách hàng lớn vẫn ổn định ở mức chiếm xấp xỉ 80% cơ cấu doanh thu xăng dầu của Công ty.
- Nhóm những khách hàng thông thường (MIPECO, Skypec, Nhiên liệu bay Petrolimex, Hải Hà, Hải Linh, Hòa Khánh...) chiếm khoảng 18,76% doanh thu xăng dầu trong năm 2016 và khoảng trên 20% trong 9 tháng đầu năm 2017.

Đề tri ân và xây dựng mối quan hệ với khách hàng, Công ty có các chính sách ưu đãi đối với khách hàng chiến lược như linh hoạt cách tính giá MOPS¹⁰, giãn thanh toán, chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, các chính sách thưởng phạt như quyền ưu tiên được mua hàng trước, ưu tiên xếp lịch tàu nhận hàng, ưu tiên cấp hàng khi Nhà máy ngừng sản xuất hoặc khi thị trường gặp khó khăn về nguồn hàng, tổ chức cho khách hàng tham gia các chương trình hội thảo, học hỏi kinh nghiệm, khảo sát thực tế thị trường trong nước.

Cơ cấu theo doanh thu tiêu thụ theo từng khách hàng xăng dầu

Tên khách hàng	2013	2014	2015	2016	9T/2017
Petrolimex	37,75%	41,18%	42,66%	40,96%	40,39%
PVOil	29,27%	28,96%	22,45%	25,27%	21,55%
Saigon Petro	8,00%	7,11%	8,71%	6,03%	6,03%
Thanh Lễ	9,10%	7,99%	7,39%	4,04%	3,69%
Dầu khí Đồng Tháp	6,21%	6,46%	6,77%	4,93%	5,65%
Khách hàng khác	9,68%	8,29%	12,02%	18,76%	22,70%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

Đối với LPG, PP (doanh thu đóng góp khoảng 10% doanh thu toàn Công ty)

Khách hàng tiêu thụ LPG là các đơn vị kinh doanh LPG đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của văn bản pháp lý hiện hành về kinh doanh LPG. Việc lựa chọn đơn vị tiêu thụ LPG và PP theo hợp đồng dài hạn sẽ được thực hiện theo hình thức đấu giá bán sản phẩm theo kỳ hạn 6 tháng hoặc 1 năm hoặc hình thức bao tiêu sản phẩm. Trong đó, khối lượng bao tiêu chiếm khoảng 50% tổng sản lượng sản xuất hàng năm và khối lượng còn lại được tổ chức đấu giá bán tiêu thụ.

¹⁰ MOPS: Mean of Platts Singapore, giá xăng dầu thành phẩm được giao dịch thực tế trên thị trường Singapore và lấy theo mức giá giao dịch bình quân hàng ngày được công bố bởi Hãng tin Platt's.

Đối với phần khối lượng LPG và PP sản xuất vượt kế hoạch (nếu có), Công ty sẽ tổ chức bán chuyên (spot) theo hình thức chào giá cạnh tranh hoặc bán bổ sung cho các khách hàng có hợp đồng dài hạn (theo tỷ lệ tương ứng) nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, bình đẳng cho tất cả các khách hàng.

Đối với FO, Propylene (nếu có)

Công ty tiến hành xuất khẩu hai mặt hàng này theo hình thức hợp đồng term và spot đối với FO, hình thức hợp đồng spot đối với Propylen.

Ngoài yếu tố giá dầu, doanh thu trong thời gian tới của Công ty (sau khi NMLD Nghi Sơn vận hành sản xuất thương mại từ năm 2018) còn phụ thuộc vào sức cạnh tranh của Công ty với các sản phẩm nhập khẩu và thị trường xuất khẩu của Công ty. Hiện tại, Công ty đang có lợi thế về sự linh hoạt trong cơ chế giá theo Quyết định 1725/2016/QĐ-TTg (sẽ được trình bày chi tiết trong phần chính sách thuế ở phần sau). Bên cạnh đó, thị trường xuất khẩu cũng đang được Công ty tìm kiếm để mở rộng.

2.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	2013	2014 ¹¹	2015	2016	9T/2017
			(Tỷ đồng)		
Tổng doanh thu và thu nhập khác	154.270	128.374	95.885	74.565	54.982
Doanh thu thuần	152.792	126.845	95.064	73.598	54.387
Doanh thu hoạt động tài chính	1.368	1.475	792	941	580
Thu nhập khác	111	53	29	25	14
Tổng chi phí	151.339	128.224	89.402	69.812	49.228
Giá vốn hàng bán	143.994	124.877	85.047	67.191	48.124
Chi phí tài chính	6.343	2.462	2.308	1.135	470
Chi phí bán hàng	745	557	594	615	405
Chi phí quản lý doanh nghiệp	249	285	1.052	834	225
Chi phí khác	8	43	400	36	4
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	2.829	139	6.854	4.764	5.744
Lợi nhuận trước thuế	2.932	149	6.483	4.753	5.754
Thuế TNDN phải nộp	-	-	314	261	288
Lợi nhuận sau thuế	2.932	149	6.170	4.492	5.466

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán các năm 2013-2016 và BCTC Quý III năm 2017 của BSR

a. Doanh thu và thu nhập khác

Tương quan doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của BSR được tổng hợp trong bảng sau:

Phân loại doanh thu	2013	2014	2015	2016	9T/2017
			(Tỷ đồng)		
Doanh thu bán hàng	158.942	126.744	94.912	73.442	54.305
<i>Trong đó: Doanh thu cấp bù PP</i>	-	87	41	38	-

¹¹ Các số liệu tài chính của BSR năm 2014 được ghi nhận theo Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của Công ty năm 2015 để đảm bảo tính thống nhất.

Doanh thu dịch vụ cảng biển	103	97	122	128	81
Doanh thu dịch vụ khác	6	4	30	29	1
Tổng	159.051	126.845	95.064	73.598	54.387

Tỷ trọng	2013	2014	2015	2016	9T/2017
Doanh thu bán hàng.	99,93%	99,92%	99,84%	99,79%	99,85%
<i>Trong đó: Doanh thu cấp bù Polypropylene</i>	<i>0,00%</i>	<i>0,07%</i>	<i>0,04%</i>	<i>0,05%</i>	<i>0,00%</i>
Doanh thu dịch vụ cảng biển	0,06%	0,08%	0,13%	0,17%	0,15%
Doanh thu dịch vụ khác	0,00%	0,00%	0,03%	0,04%	0,00%
Tổng	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán các năm 2013-2016 và BCTC Quý III năm 2017 của BSR

Doanh thu của Công ty hầu hết đến từ hoạt động lõi của doanh nghiệp là lọc – hóa dầu, doanh thu đến từ dịch vụ cảng biển và các dịch vụ khác không đáng kể, chỉ chiếm khoảng 0,1 – 0,2%. Doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu đến từ các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cấp bù PP là doanh thu điều tiết được Tập đoàn thanh toán theo chênh lệch giữa giá trị ưu đãi (3%) và thuế nhập khẩu đối với sản phẩm hóa dầu theo Điều 2 Quyết định 952/2012/QĐ-TTg về thu điều tiết. Trong giai đoạn 2014-2016, thuế nhập khẩu đối với sản phẩm hạt nhựa PP là 1-2%, do đó, Công ty được nhận thêm phần doanh thu chênh lệch nêu trên. Tuy nhiên, khoản doanh thu được cấp bù này cũng không đáng kể và không mang tính thường xuyên, nhất là trong bối cảnh Quyết định 1725/QĐ-TTg chính thức có hiệu lực từ ngày 03/09/2016. Bắt đầu từ 01/01/2017, Công ty không còn chịu cơ chế thu điều tiết cũng như không tiếp tục hưởng doanh thu cấp bù (nếu có).

Trong 9 tháng đầu năm 2017, doanh thu của Công ty đạt mức 54.387 tỷ đồng, bằng 105,44% so với cùng kỳ năm 2016 do giá dầu thô nguyên liệu và xăng dầu ổn định và có xu hướng tăng trong năm 2017.

Chi tiết các chính sách thuế và ưu đãi thuế được áp dụng cho Công ty được trình bày tại mục 2.4.

b. Chi phí sản xuất kinh doanh

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của Công ty được tổng hợp trong bảng sau:

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	9T/2017
			(Tỷ đồng)		
Nguyên vật liệu	134.087	107.414	73.396	61.318	48.304
Công cụ dụng cụ	21	23	29	28	4
Nhân công	509	459	985	515	373
Khấu hao tài sản cố định	2.280	2.314	2.334	2.439	1.858
Dịch vụ mua ngoài	2.305	1.733	2.127	2.428	1.427
Khác	208	95	773	767	146
Tổng	139.410	112.039	79.644	67.496	52.113

Tỷ trọng trong cơ cấu chi phí	2013	2014	2015	2016	9T/2017
Nguyên vật liệu	96,18%	95,87%	92,15%	90,85%	92,69%
Công cụ dụng cụ	0,02%	0,02%	0,04%	0,04%	0,01%
Nhân công	0,37%	0,41%	1,24%	0,76%	0,72%
Khấu hao tài sản cố định	1,64%	2,07%	2,93%	3,61%	3,56%
Dịch vụ mua ngoài	1,65%	1,55%	2,67%	3,60%	2,74%
Khác	0,15%	0,08%	0,97%	1,14%	0,28%
Tổng	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán các năm 2013-2016 và BCTC Quý III năm 2017 của BSR

Trong giai đoạn 2013-2016 và 9T/2017, chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm trên 90% trong cơ cấu chi phí SXKD của Công ty, trong đó chi phí cho dầu thô cũng chiếm đến trên 90% chi phí nguyên vật liệu. Do đó, biến động của giá dầu thô sẽ tác động trực tiếp tới cơ cấu chi phí của Công ty.

Chi phí khấu hao TSCĐ không thay đổi nhiều trong giai đoạn 2013 – 2016 và dự kiến năm 2017, ở mức bình quân khoảng 2.300 tỷ đồng/năm, sự gia tăng tỷ trọng của chi phí khấu hao trong cơ cấu chi phí do sự giảm giá dầu thô dẫn đến tổng chi phí giảm tương ứng.

Chi phí dịch vụ mua ngoài trong đó chủ yếu là chi phí thuê ngoài bảo dưỡng Nhà máy, thuê chuyên gia vận hành, chi phí bảo hiểm và trích trước chi phí sửa chữa lớn (Turn Around).

Tổng hợp kết quả thực hiện chi phí

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	9T/2017
			(Tỷ đồng)		
Giá vốn hàng bán	143.994	124.877	85.047	67.191	48.124
Chi phí tài chính	6.343	2.462	2.308	1.135	470
Trong đó: Lãi tiền vay	1.845	1.551	812	605	369
Lỗi chênh lệch tỷ giá	4.417	798	1.329 ¹²	437	37
Chi phí bán hàng	745	557	594	615	405
Chi phí quản lý doanh nghiệp	249	285	1.052	834	225
Tổng chi phí	151.331	128.181	89.002	69.776	49.224
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.051	126.845	95.064	73.598	54.387

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán các năm 2013-2016 và BCTC Quý III năm 2017 của BSR

Trong giai đoạn 2013-2016 và 9T/2017, giá vốn hàng bán chiếm khoảng 90% doanh thu của Công ty, trong đó chủ yếu là chi phí mua dầu thô.

Về chi phí tài chính, tỷ lệ nợ dài hạn¹³/tổng tài sản (TTS) của Công ty dao động ở mức 21-32% trong giai đoạn 2013-2016 và 9T/2017. Mặt khác, để tài trợ cho vốn lưu động trong giai đoạn 2013 – 2014, Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn (chủ yếu bằng VND), chiếm khoảng 25-27% Tổng nguồn

¹² Đã bao gồm lỗi chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng

¹³ Đã bao gồm Nợ dài hạn đến hạn trả

vốn của Công ty. Ngoài ra, lãi suất bằng USD của các khoản vay dài hạn ổn định trong khoảng 1,8-4%/năm trong khi các khoản vay ngắn hạn được áp dụng lãi suất thả nổi. Do đó, chi phí lãi vay năm 2013 và 2014 của Công ty lần lượt là 1.845 tỷ đồng và 1.551 tỷ đồng. Từ năm 2015, Công ty hầu như không sử dụng các khoản vay ngắn hạn do quy mô vốn lưu động giảm. Vì vậy, chi phí lãi vay của Công ty giảm đi đáng kể còn 812 tỷ đồng và 605 tỷ đồng trong các năm 2015, 2016.

Các khoản vay dài hạn của Công ty đều được ghi nhận bằng đồng USD, do đó, các biến động về tỷ giá có ảnh hưởng nhất định đến tình hình tài chính của Công ty. Trong giai đoạn 2013-2016, tỷ giá USD/VND tăng 5,34%, dẫn tới hàng năm Công ty đều ghi nhận các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty ghi nhận khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá khoảng 437 tỷ đồng.

Trong giai đoạn 2013-2016 và 9T2017, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp được duy trì ở mức ổn định không có nhiều biến động lớn và chiếm tổng cộng khoảng 1% so với quy mô doanh thu của Công ty. Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 và 2016 tăng đột biến lên 1.052 tỷ đồng và 834 tỷ đồng do Công ty thực hiện trích Quỹ khoa học công nghệ lần lượt trong hai năm là 640 và 545 tỷ đồng.

Từ ngày 01/01/2017, do cơ chế thu điều tiết “3-5-7” đã được bãi bỏ hoàn toàn (kể cả đối với các sản phẩm xăng của Công ty), tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu của BSR trong 9T/2017 giảm xuống còn 88,48% doanh thu, giảm 8,76% so với cùng kỳ năm 2016. Lợi thế này đã góp phần giúp biên lợi nhuận gộp của Công ty cải thiện đáng kể tăng từ mức 2,76% (9T/2016) lên mức 11,52% (9T/2017). Về giá trị, lợi nhuận gộp của Công ty trong 9T/2017 đạt mức 6.263 tỷ đồng, gấp 4,4 lần so với 9T/2016.

2.1.4. Trình độ công nghệ, bản quyền, môi trường và nghiên cứu phát triển

a. Trình độ công nghệ

Nhà máy Lộc dầu Dung Quất được đưa vào vận hành vào 2009, với công suất chế biến 6,5 triệu tấn dầu thô/năm và bao gồm các sản phẩm: LPG, KO/Jet A-1 (nhiên liệu phản lực), RON92/RON95, DO, FO, hạt nhựa PP, propylen, lưu huỳnh.

Các phân xưởng chính của Nhà máy sử dụng bản quyền công nghệ của các nhà cung cấp hàng đầu thế giới, cụ thể như phân xưởng NHT/CCR/IZOM (UOP, Mỹ), phân xưởng RFCC/LCO-HDT (AXENS, Pháp), phân xưởng KTU/LTU/NTU/CNU (Merichem, Mỹ). Nhà máy được thiết kế chi tiết và xây dựng, chạy thử bởi Tổ hợp Nhà thầu Technip Pháp, JGC-Nhật,...

Nhà máy được trang bị hệ thống điều khiển vận hành bởi hệ thống Điều khiển phân tán (Distributed Control System – DCS), Hệ thống bảo vệ an toàn công nghệ (Emergency Shutdown System – ESD), Hệ thống phát hiện rò rỉ và báo cháy đầy đủ và hiện đại.

Nhà máy Lộc dầu Dung Quất được đánh giá là có công nghệ tương đối hiện đại so với các nhà máy lọc dầu trong khu vực và trên thế giới.

b. Nhãn hiệu thương mại, bản quyền

c. Tình hình vận hành hiện tại

Hiện tại Nhà máy đang vận hành ổn định ở mức 103% - 105% công suất thiết kế, Công ty đã thử nghiệm thành công 110% và đang có kế hoạch thử nghiệm mức 120% công suất. Để duy trì khả năng

vận hành cường độ cao, hoạt động bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc được Công ty tiến hành thường xuyên, trong đó đáng kể nhất là hoạt động bảo dưỡng lớn với chu kỳ 3 năm/lần. Công ty cũng đang thuê đơn vị thực hiện thiết kế FEED để nâng cấp, mở rộng Nhà máy, công suất trước và sau khi mở rộng dự kiến như sau:

Phân xưởng hiện hữu

Tên Phân xưởng	Công suất thiết kế hiện tại (Thùng/ngày) 100% công suất	Khả năng vận hành ở hiện tại (% công suất)	Công suất dự kiến sau NCMR (Thùng/ngày)
CDU	148.000	110	192.000
NHT	23.500	117	23.500
CCR	21.100	100	26.200
Kerosene Treater Unit	10.000	130	15.800
RFCC	69.700	100	71.500
LPG Treater Unit	21.000	115	21.500
RFCC Naphtha Treating (NTU)	45.000	100	Idle
PRU	21.000	115	21.500
SRU (Tấn/ngày)	5	100	Idle
Isomer.....	6.500	117	10.200
LCO HDT	29.000	100	28.000
SRU 2 (Tấn/ngày).....	13	100	Idle
Polypropylene (Tấn/ngày)....	450	107	450
SWS (Tấn/ngày)	1.944	100	1.944
ARU (Tấn/ngày).....	39	100	39

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

Phân xưởng bổ sung sau khi mở rộng Nhà máy (Dự án NCMR)

Tên Phân xưởng	Công suất thiết kế (Thùng/ngày)
NHT 2.....	21.200
VDU	55.000
SDA	14.900
DHDT.....	48.000
GHDT.....	38.000
Alkylation	12.400
SRU 2 (Tấn/ngày).....	210
HGU (Nm ³ /ngày)	~63.650
SWS 2 (Tấn/ngày)	77
ARU 2 (Tấn/ngày)	220

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

2.1.5. Hoạt động nghiên cứu – phát triển (R&D)

a. Cơ chế chính sách

Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu phát triển đối với sự thành công của hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã xây dựng hệ thống chính sách đãi ngộ xứng đáng nhằm khuyến khích sự cống hiến của các cán bộ công nhân viên (CBCNV).

Một mặt, Công ty đề ra các chính sách nhằm thu hút nguồn cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học để áp dụng vào thực tế sản xuất của đơn vị. Mặt khác, Công ty cũng chú trọng nguồn cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi để tạo động lực cho đội ngũ chuyên gia nghiên cứu yên tâm thực hiện công tác xây dựng và phát triển đội ngũ khoa học – công nghệ (KHCN) nòng cốt.

Bên cạnh đó, Công ty cũng ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ đồng thời thành lập Hội đồng khoa học kỹ thuật – sáng kiến (KHKT-SK) để định hướng, lập lộ trình cho hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như giám sát quá trình thực hiện.

Cùng với các chính sách thu hút nhân tài, việc tạo nguồn cho công tác nghiên cứu phát triển hoạt động là hết sức quan trọng. Do đó, Công ty đã thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ trích từ doanh thu/lợi nhuận của công ty đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ công tác nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ KHCN. Số dư Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ tại thời điểm 31/12/2016 là 1.186 tỉ đồng.

b. Công tác đối ngoại

Công ty đã và đang tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước nhằm đảm bảo nguồn nhân lực KHCN lâu dài trong ngành Dầu khí như các trường đại học, trung tâm đào tạo và thông tin dầu khí, ... thông qua các khóa đào tạo, thực tập, chương trình học bổng.

Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng và phát triển các mối quan hệ mật thiết với các nhà máy lọc dầu trong khu vực và trên thế giới nhằm tìm kiếm sự chia sẻ và hỗ trợ về các vấn đề cải tiến kỹ thuật, công nghệ, phát triển năng lực nghiên cứu cũng như trong vấn đề vận hành sản xuất, kinh doanh.

Ngoài ra, Công ty đang chú trọng mở rộng hợp tác với các đơn vị tư vấn, nhà bản quyền, viện nghiên cứu (JGC, VPI, JXNRI, Solomon...) để triển khai các nhiệm vụ KHCN của Công ty.

Công ty cũng thường xuyên trao đổi, phối hợp với các ban, ngành, sở hoạt động trong lĩnh vực KHCN để việc thực hiện các hoạt động KHCN đảm bảo đúng chủ trương của Tập đoàn, Nhà nước, qua đó triển khai và sử dụng kết quả nghiên cứu một cách hiệu quả nhất.

c. Kết quả đạt được

Từ năm 2010 đến tháng 10/2016, Công ty đã triển khai áp dụng và công nhận 130 sáng kiến, hiệu quả kinh tế ước đạt 128,9 triệu USD. Bên cạnh đó, việc áp dụng các sáng kiến đã góp phần nâng cao an toàn vận hành, đảm bảo các vấn đề môi trường, nâng cao hiệu quả lao động. Các giải pháp, sáng kiến hợp lý hóa sản xuất tập trung vào ba lĩnh vực chính: các giải pháp tối ưu hóa công nghệ, các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành, áp dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến. Công ty đã chủ trì và cùng phối hợp với các đơn vị khác chủ trì 32 nhiệm vụ/đề tài khoa học công nghệ, trong đó nhiều nghiên cứu đã được thực hiện triển khai, như thiết lập ngân hàng các loại dầu thô đơn lẻ và/hoặc phối trộn có thể chế biến tại NMLD Dung Quất, nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý SAO điện tử,

nghiên cứu tái sử dụng dầu LSO của hệ thống phun sương dầu bôi trơn, nghiên cứu tăng sản lượng xăng, giảm sản lượng dầu DO trong cơ cấu sản phẩm của Nhà máy lọc dầu Dung Quất bằng phương pháp điều chỉnh chế độ vận hành và sử dụng phụ gia tăng chỉ số Octan.

2.1.6. An toàn, sức khỏe và môi trường (ATSKMT)

a. Hệ thống quản lý ATSKMT

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định trong Thông tư 43/2010/TT-BCT ngày 29/12/2010 quy định công tác quản lý an toàn trong ngành Công thương, cụ thể như sau:

- Tổ chức phòng chuyên trách để quản lý công tác ATSKMT với tổng số nhân viên 97 người. Công ty đã phân định trách nhiệm ATSKMT tại Quyết định số 1306/QĐ-BSR ngày 26/5/2011.
- Công ty đã xây dựng Hệ thống quản lý ATSKMT phù hợp với Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2005 và Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001: 2007 được Det Norske Veritas cấp chứng nhận lần đầu 8/3/2011 và Bureau Veritas tái chứng nhận vào ngày 28/3/2014. Hiện nay công ty đang thực hiện nâng cấp hệ thống quản lý môi trường lên tiêu chuẩn ISO 14001:2015.
- Công ty đã thiết lập chính sách ATSKMT và phổ biến đến cho người lao động và các đối tác/khách hàng; Hàng năm Công ty xây dựng mục tiêu ATSKMT và kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu đề ra. Song song, Công ty cũng đã ban hành Quy chế thưởng an toàn kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-BSR ngày 25/3/2014 và định kỳ tổ chức đánh giá và bình xét công tác ATSKMT.
- Hệ thống quy trình vận hành và bảo dưỡng của Công ty bao gồm 2.158 quy trình, nhằm đảm bảo cho nhà máy vận hành an toàn và ổn định. Khi có quy trình được ban hành, Công ty sẽ tiến hành phổ biến và đào tạo cho người vận hành/công nhân và các đối tượng liên quan khác nhằm đảm bảo người sử dụng hiểu và thực hiện đúng theo quy trình đã được đề ra.

b. Quản lý máy, thiết bị, vật tư, hóa chất

Việc kiểm định, bảo dưỡng máy móc hiện tại được thực hiện bởi phòng Bảo dưỡng sửa chữa với các kế hoạch, chương trình bảo dưỡng được xây dựng, phê duyệt và kiểm soát thông qua hệ thống CMMS. Công tác bảo dưỡng sửa chữa luôn được thực hiện thường xuyên, đầy đủ đảm bảo tính an toàn và nâng cao độ tin cậy của tất cả máy móc, thiết bị trong quá trình hoạt động, vận hành.

Đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và vệ sinh lao động, Công ty đã ký hợp đồng với công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ thuật an toàn dầu khí Việt Nam – PVEIC để thực hiện việc kiểm tra định kỳ theo yêu cầu pháp luật. Hiện tại Công ty đã thực hiện kiểm định 3.674/3.674 máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động vệ sinh lao động. Việc kiểm soát các thiết bị nghiêm ngặt về an toàn lao động vệ sinh lao động thông qua phần mềm quản lý CMMS.

Công tác quản lý an toàn hóa chất được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 về việc “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất” và hướng dẫn tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26/8/2010 của Bộ Công thương về việc “Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 7/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất” và định kỳ báo cáo công tác quản lý an toàn cho cơ quan quản lý Nhà nước.

c. Công tác huấn luyện, đào tạo về an toàn

Công ty đã tuân thủ đầy đủ việc đào tạo an toàn theo Thông tư số 27/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Năm 2016, tính đến thời điểm báo cáo, Công ty đã tổ chức 70 khóa đào tạo HSE (Health and Safety Executive), với 36.095 giờ công đào tạo, 9.872 lượt CBCNV, trung bình mỗi CBCNV Công ty đạt 23 giờ/người; 8.102 giờ công đào tạo cho 4.051 lượt nhà thầu.

Công ty đã tổ chức 12 cuộc họp HSE toàn Nhà máy nhằm mục đích tạo kênh trao đổi thông tin giữa lãnh đạo Công ty và người lao động về kết quả hoạt động trong công tác an ninh, an toàn, sức khỏe, môi trường & PCCC (ATSKMT), tình hình tuân thủ, thực hiện các nội quy, quy định của người lao động, kỷ luật lao động.

d. Về công tác quản trị rủi ro

Công ty đã thực hiện xác định mối nguy và đánh giá rủi ro của các phòng chức năng, khu vực sản xuất và các bộ phận bảo dưỡng sửa chữa hàng năm. Bên cạnh đó, Công ty đồng thời tổng hợp và ban hành bảng tổng hợp các mối nguy đáng kể của Công ty và mục tiêu chương trình kiểm soát mối nguy hàng năm.

Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên phổ biến, cập nhật các mối nguy và biện pháp trước khi thực hiện công việc nhằm kiểm soát các mối nguy và đảm bảo an toàn công việc. Bất cứ sự thay đổi nào về công nghệ, máy móc, quy mô, địa điểm sản xuất sẽ được thực hiện theo Quy trình thay đổi và được cập nhật, đánh giá lại các mối nguy mới sau khi có sự thay đổi.

Vào tháng 4/2015, Công ty đã phối hợp với PwC Việt Nam đào tạo cho toàn thể cán bộ nhân viên nhận thức về các khái niệm, cách thức xây dựng hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp và phổ biến một số bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng hệ thống này trên thế giới. Trong giai đoạn tiếp theo, năm 2016, Công ty đã cùng với Tư vấn quản trị rủi ro Marsh Singapore (i) xây dựng khung quản trị rủi ro doanh nghiệp gồm các quy trình và hướng dẫn xây dựng hệ thống theo tiêu chí đánh giá và phân loại rủi ro phù hợp với thông lệ tại các nhà máy tương tự, (ii) đào tạo, hướng dẫn cho 3 Ban chức năng (Ban Kinh doanh, Ban An toàn Môi trường và Ban Vận hành sản xuất) thực hành xây dựng hồ sơ quản trị rủi ro, đánh giá, xếp hạng và xử lý rủi ro phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, Tư vấn quản trị rủi ro Marsh Singapore đã cấp chứng nhận hoàn thành xây dựng khung quản trị rủi ro doanh nghiệp tại BSR, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ tốt nhất tại các nhà máy cùng lĩnh vực.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã hoàn thiện bộ tài liệu về Chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo hướng dẫn tại Quyết định số 04/2015/QĐ-TTg ngày 20/1/2015 của Thủ tướng chính phủ Quy định về an toàn trong các hoạt động dầu khí và được Bộ Công thương phê duyệt theo quyết định số 1192/QĐ-BCT ngày 29/3/2016.

e. Công tác PCCC và ứng cứu tình huống khẩn cấp

Các biện pháp đảm bảo an toàn và phòng chống cháy nổ: Hệ thống PCCC của Nhà máy lọc dầu Dung Quất được thiết kế và xây dựng hiện đại tuân thủ theo các yêu cầu của pháp luật và tiêu chuẩn PCCC của Việt Nam và tiêu chuẩn thế giới.

Lực lượng PCCC tại Nhà máy được thành lập theo Quyết định số 283/QĐ-BSR ngày 11/5/2009 và kiện toàn tại Quyết định số 4045/QĐ-BSR ngày 16/12/2013 bao gồm 51 người chia làm 03 ca, 04 kíp, mỗi ca trực có 12 người. Ngoài ra, Công ty đã thành lập lực lượng PCCC bán chuyên trách gồm 40 người ở các phân xưởng, khu vực tại Quyết định số 602/QĐ-BSR ngày 10/8/2010; Ngày 30/5/2012 Công ty đã ban hành Quyết định số 1319/QĐ-BSR về việc đào tạo lực lượng chữa cháy tại chỗ cho 149 người.

Các hệ thống, trang thiết bị để phát hiện rủi ro hỏa hoạn cũng như để ứng phó với hỏa hoạn được Công ty trang bị đầy đủ: 4 xe chữa cháy chuyên dụng, 1.000 bình chữa cháy xách tay, hệ thống chữa cháy bằng bột, hệ thống làm mát và chữa cháy bằng nước, 287 trụ nước chữa cháy dưới mặt đất và trên cao... Để đảm bảo nguồn kinh phí cho hoạt động, hàng năm Công ty đã dành khoảng 50 tỷ (2016) cho việc mua sắm bổ sung thiết bị PCCC dự phòng, bảo dưỡng hệ thống PCCC, chi phí đào tạo và huấn luyện PCCC.... Theo đúng quy định của pháp luật về PCCC.

Công ty đã phối hợp với cơ quan chức năng về PCCC xây dựng hoàn thành phương án chữa cháy tổng thể Nhà máy lọc dầu Dung Quất bao gồm 13 tình huống cháy phức tạp có huy động nhiều lực lượng quân đội, công an, y tế.... cùng tham gia. Phương án chữa cháy tổng thể đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 31/12/2010. Năm 2016, Công ty đã thực hiện 68 lần diễn tập ứng phó sự cố khẩn cấp tại các phân xưởng, tổ chức 45 lần đào tạo nâng cao kỹ năng ứng cứu sự cố cho lực lượng chữa cháy kiêm nhiệm, đồng thời huấn luyện PCCC định kỳ cho hơn 1.500 CBCNV.

Đối với sự cố tràn dầu, Công ty đã xây dựng phương án ứng phó và đã được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 23/7/2008. Trên cơ sở đó, Công ty đã tổ chức diễn tập và mua sắm các trang thiết bị cần thiết.

f. Giám sát môi trường và sức khỏe người lao động

Năm 2016, Công ty đã thuê Trạm phân tích và Quan trắc môi trường lao động (WEMOS) thuộc Viện nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật Bảo hộ Lao động tiến hành đo kiểm tra môi trường lao động với tần suất 2 lần/năm tại tất cả các khu vực sản xuất và văn phòng làm việc. Trên cơ sở kết quả đo kiểm tra môi trường lao động, Công ty đã đưa ra các biện pháp khắc phục điều kiện, yếu tố vệ sinh lao động chưa đáp ứng tiêu chuẩn cho phép đồng thời có chế độ bồi dưỡng hiện vật và khám sức khỏe định kỳ và nghề nghiệp cho người lao động.

Tất cả khí thải và nước thải từ Nhà máy đều được phân loại và xử lý theo đúng tiêu chuẩn pháp luật trước khi thải ra môi trường. Thông qua quá trình quan trắc và theo dõi thường xuyên, hàm lượng các chất gây ô nhiễm từ khí thải và nước thải từ Nhà máy đều thấp hơn so với quy chuẩn Việt Nam. Trong năm 2016, sau quá trình thanh kiểm tra từ trung ương, Công ty đã được chứng nhận hoàn toàn tuân thủ các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường.

Đối với công tác khám sức khỏe định kỳ và khám sức khỏe nghề nghiệp, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho tất cả các cán bộ nhân viên.

g. Công tác an ninh

Nhà máy lọc dầu Dung Quất được Thủ tướng Chính phủ đưa vào danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 22/10/2010. Để đảm bảo công tác an ninh, an toàn Nhà máy, Công ty đã đầu tư xây dựng và trang bị các hệ thống kiểm soát an ninh như hệ thống camera, hệ thống phát hiện đột nhập, máy dò chất nổ di động, hệ thống kiểm soát ra vào...

Thực hiện chỉ đạo từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty đã phối hợp với phòng chức năng của các lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi triển khai công tác bảo đảm an ninh trật tự Nhà máy cả trên đất liền và trên biển đúng với tính chất công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. Các cuộc diễn tập chống khủng bố với sự phối hợp các cơ quan có liên quan cũng được tổ chức hàng năm, đảm bảo sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra.

2.2. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Số hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (đồng)
Hợp đồng đầu tư xây dựng					
1	Hợp đồng số 280815/FEED/BSR-AFW ngày 28/8/2015	Từ tháng 06/2015 đến tháng 03/2017 ¹⁴	Hợp đồng Tư vấn lập thiết kế tổng thể (FEED) dự án NCMR NMLD Dung Quất	Công ty Amec Foster Wheeler (Anh)	538.493.120.000
2	Hợp đồng số 160712/DHDT/BSR-AXN	Từ tháng 07/2016 đến tháng 02/2022	Hợp đồng Bản quyền công nghệ phân xưởng Diesel Hydrotreating (DHDT)	Công ty AXENS (Pháp)	70.063.284.280
3	Hợp đồng số 160630/SDA/BSR-UOP	Từ tháng 07/2016 đến tháng 02/2022	Hợp đồng Bản quyền công nghệ phân xưởng SDA	Công ty UOP (Mỹ)	83.205.595.220
4	Hợp đồng số 160630/AKLY/BSR-UOP	Từ tháng 07/2016 đến tháng 01/2022	Hợp đồng Bản quyền công nghệ phân xưởng Alkylation	Công ty UOP (Mỹ)	77.378.028.860
5	Hợp đồng số 160712/GHDT/BSR-AXN	Từ tháng 07/2016 đến tháng 01/2022	Hợp đồng Bản quyền công nghệ phân xưởng Gasonline Hydrotreating (GHDT)	Công ty AXENS (Pháp)	87.536.610.700
6	Hợp đồng số 160616/HGU/BSR-KTS	Từ tháng 07/2016 đến tháng 02/2022	Hợp đồng Bản quyền công nghệ phân xưởng Hydrogen Generation (HGU)	Công ty KT (Ý)	24.023.998.900
7	Hợp đồng số 160715/SRU/BSR-JNL	Từ tháng 07/2016 đến tháng 02/2022	Hợp đồng Bản quyền công nghệ phân xưởng thu hồi lưu huỳnh (SRU)	Công ty JACOBS (Hà Lan)	29.526.518.780

¹⁴ Hợp đồng này vẫn còn hiệu lực do thiết kế FEED chưa được phê duyệt và hai bên chưa thực hiện thanh lý hợp đồng.

TT	Số hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (đồng)
8	Hợp đồng số 160630/NHT2/BSR-UOP	Từ tháng 07/2016 đến tháng 02/2022	Hợp đồng Bản quyền công nghệ phân xưởng NHT	Công ty UOP (Mỹ)	38.357.067.540
9	Hợp đồng số 327/2017/HĐKT/BSR-PTSC ngày 17/4/2017	Từ tháng 04/2017 đến tháng 04/2018	Hợp đồng thi công xây lắp công trình Nâng cấp mở rộng cãngtin NMLD Dung Quất	Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	12.582.703.301
10	Hợp đồng số 327/2017/HĐKT/BSR-PTSC ngày 17/4/2017	Từ tháng 08/2017 đến tháng 12/2017	Hợp đồng thi công xây lắp công trình xây dựng cải tạo cảnh quan đường vào Khu hành chính NMLD Dung Quất	Liên danh Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC và Công ty TNHH MTV xây dựng Tân Phong	10.537.971.373
Hợp đồng mua dầu thô và bán sản phẩm xăng dầu, LPG, FO, và PP (Cả term và spot)					
1	Phụ lục 1.10 Hợp đồng 189/PVOIL-BSR/06-10/K (giai đoạn từ 1/2017-12/2017)	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Phụ lục Hợp đồng cung cấp dầu thô Bạch Hổ năm 2017	PVOIL/VIETSOVPE TRO	32.024.025.000.000
2	No. 04T-SD/PVOIL-BSR/2017 (Term 6 tháng cuối năm 2017)	Từ 01/08/2017 đến 31/12/2017	Hợp đồng cung cấp dầu thô Sư Tử Đen 5 tháng cuối năm 2017	PVOIL/(PVN, PVEP, UK, KNOC, GEOPETRO)	5.291.370.000.000
3	No. TGT-008/T/PVOIL-BSR/2017 (Term 6 tháng cuối năm 2017)	Có hiệu lực từ ngày 14/05/2017	Tê Giác Trắng	PVOIL/(PVEP, SOCO, OPECO, PTTEP, TVL 15-2/11)	4.241.268.000.000

TT	Số hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (đồng)
4	Phụ lục 2.38 Hợp đồng 189/PVOIL-BSR/06-10/K/ & Hợp đồng ngoại Số 1095590 (term 2 lô chắc chắn, 2 lô lựa chọn)	Từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2017	Phụ lục Hợp đồng ủy thác nhập khẩu dầu thô Azeri dài hạn năm 2017 do SOCAR Trading Singapore Pte Ltd cung cấp NMLD Dung Quất	PVOIL/SOCAR TRADING SINGAPORE	2.634.054.319.948
5	1150/HĐKT/BSR-PETROLIMEX/2017	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm xăng dầu của NMLD Dung Quất	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 2.800 tỷ đồng.
6	1144/HĐKT/BSR-PVOIL/2017	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Hợp đồng bao tiêu sản phẩm xăng dầu NMLD Dung Quất	Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 1.500 tỷ đồng.
7	1143/HĐKT/BSR-SAIGONPETRO/2017	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm xăng dầu của NMLD Dung Quất	Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 424 tỷ đồng.

TT	Số hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (đồng)
8	1113/BSR-PVGAS NORTH	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Hợp đồng bao tiêu sản phẩm khí hóa lỏng LPG của NMLD Dung Quất giai đoạn từ 01/01/2017 - 31/12/2017	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 104 tỷ đồng.
9	1119/BSR-P&C DA NANG	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Hợp đồng mua bán sản phẩm Polypropylene Dung Quất năm 2017	Công ty Cổ phần Hóa chất Nhựa Đà Nẵng	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 157 tỷ đồng.
10	CONTRACT NO. 1221-2016/BSR-VIETSEA	Từ 02/2017 đến tháng 06/2017	Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm FO NMLD Dung Quất	VIETSEA COMPANY PTE, LTD	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 87 tỷ đồng.
Hợp đồng mua nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng, hóa phẩm xúc tác					
1	74-2014/PTSC-QN/BDV-NAM2017	Có hiệu lực từ 21/11/2016	Thuê tàu lai dắt tại cảng SPM và Jetty phục vụ sản xuất năm 2017	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	135.649.746.100

TT	Số hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (đồng)
2	10-2017/ĐĐH-BSR-01-PVBLD	Có hiệu lực từ 05/01/2017	Mua pallet cho phân xưởng PP	Công ty Cổ Phần Nhà Và Thương Mại Dầu Khí (PV Building)	16.504.400.000
3	21-2017/ĐĐH-BSR-02-PVBLD	Có hiệu lực từ 09/01/2017	Mua bao đóng gói hạt nhựa Polypropylen theo Đơn hàng số 087/ĐH-ĐĐSX ngày 30/11/2016	Công ty Cổ Phần Nhà Và Thương Mại Dầu Khí (PV Building)	19.800.000.000
4	PL02-HD200-2015/HĐ/BSR-07-PMS	Có hiệu lực từ 07/02/2017	Ký hợp đồng đơn giá cung cấp dịch vụ lắp đặt giàn giáo để thực hiện các công việc BDSC thường xuyên của Nhà máy năm 2017	Công ty Cổ phần Bảo Dưỡng và Sửa Chữa Công Trình Dầu Khí (PMS)	17.625.288.787
5	100-2017/BSR-01-FIS	Có hiệu lực từ 09/02/2017	Mua vật tư thiết bị và dịch vụ củng cố hệ thống an ninh thông tin và khắc phục các điểm yếu phòng chống tấn công mạng	Công Ty TNHH Hệ Thống Thông Tin FPT	19.429.950.000
6	287-2017/HĐ/BSR-ANDK	Có hiệu lực từ 10/04/2017	Cung cấp dịch vụ bảo vệ an ninh cho NMLD Dung Quất năm 2017	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh Dầu Khí Việt Nam - CN Miền Trung	37.548.567.000
7	292-2017/HĐ/BSR-01FPT	Có hiệu lực từ 10/04/2017	Triển khai nâng cấp chuẩn hóa hạ tầng mạng theo kiến trúc SOA/SONA và trang bị vật tư thay thế đã bị cũ và hỏng	Công Ty TNHH Hệ Thống Thông Tin FPT	18.207.550.000

TT	Số hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (đồng)
8	ADDENDUM07-HD091015/BSR-HONEYWEL	Có hiệu lực từ 26/04/2017	Thuê dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật dài hạn LTSA cho các hệ thống điều khiển do Honeywell cung cấp	Honeywell Pte Ltd	27.915.011.670
9	393-2017/ĐĐH-BSR-04-PVBLD	Có hiệu lực từ 27/04/2017	Mua bao đóng gói hạt nhựa PP	Công ty Cổ Phần Nhà Và Thương Mại Dầu Khí (PV Building)	19.800.000.000
10	ADDENDUM01-775-2016/HĐ/BSR-SHELL	Có hiệu lực từ 17/05/2017	Thuê dịch vụ tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật với Công ty Shell Global Solutions năm 2017	Shell Global Solutions International B.V	17.446.073.400
11	416-2016/HĐ/BSR-04PTSC-PLBS01	Có hiệu lực từ 05/06/2017	Thực hiện sơn sửa chữa, chống ăn mòn tại khu vực P3-Jetty	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	16.954.616.168
12	AMENDMENT-ESA-BSR-UOP	Có hiệu lực từ 19/06/2017	Triển khai dự án tư vấn hỗ trợ vận hành, tối ưu hóa và quản lý độ tin cậy trực tuyến cho cụm Phân xưởng NHT-CCR-ISOM	Uop Llc	19.316.250.000
Các hợp đồng khác (Bảo hiểm)					

TT	Số hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (đồng)
1	489-2017/HĐ-BSR-PVIBH	Từ 26/05/2017 đến 26/5/2018	Hợp đồng cấp và quản lý đơn bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm bảo hiểm đồ vỡ máy móc, gián đoạn kinh doanh và bảo hiểm cháy nổ bắt buộc) và đơn bảo hiểm trách nhiệm thương mại chung của NMLD Dung Quất thời hiệu 2017 - 2018	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	226.354.431.230

2.3. Tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày				Tại thời điểm ngày
	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,70	0,66	0,46	0,47	0,40
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,35	1,95	0,86	0,89	0,66
Tỷ suất tự tài trợ	0,30	0,34	0,54	0,53	0,60
Vốn vay/Vốn chủ sở hữu	1,78	1,60	0,58	0,48	0,35
Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu	3,35	2,95	1,86	1,89	1,66
Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản					
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	59,85%	57,27%	45,23%	49,01%	47,77%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	40,15%	42,73%	54,77%	50,99%	52,23%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán nhanh	0,93	1,07	1,84	1,59	1,81
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,29	1,28	2,36	2,05	2,58
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay tổng tài sản	1,82	1,50	1,37	1,23	0,90
Vòng quay tài sản cố định	4,20	3,70	2,93	2,37	1,78
Vòng quay vốn lưu động	15,43	11,52	7,50	4,80	3,33
Vòng quay các khoản phải trả (ngày)	27,30	24,53	23,05	27,41	30,74
Vòng quay các khoản phải thu (ngày)	36,41	39,90	38,99	44,38	46,76
Vòng quay hàng tồn kho (ngày) ¹⁵	38,00	34,81	32,21	35,66	46,64
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Lợi nhuận biên gộp	5,76%	1,55%	10,54%	8,71%	11,52%
Lợi nhuận biên thuần	1,85%	0,11%	7,21%	6,47%	10,56%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,92%	0,12%	6,49%	6,10%	10,05%
ROE	12,05%	0,55%	21,07%	14,06%	16,09% ¹⁶
ROA	3,50%	0,18%	8,92%	7,49%	9,08% ¹⁷

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán các năm 2013-2016 và BCTC Quý III năm 2017 của BSR

¹⁵ Giá vốn hàng bán được dùng cho chỉ số này không bao gồm khoản thu điều tiết phải nộp để phản ánh đúng thực trạng lưu kho của Công ty.

¹⁶ Xác định tại thời điểm 9T/2017, chưa được dự phóng cho cả năm 2017

¹⁷ Xác định tại thời điểm 9T/2017, chưa được dự phóng cho cả năm 2017

2.3.1. Quy mô và cơ cấu tài sản, nguồn vốn

Về quy mô tài sản: Tổng tài sản (TTS) của Công ty trung bình giai đoạn 2013-2016 đạt khoảng 72.323 tỷ đồng, có xu hướng giảm dần về quy mô, giảm khoảng 10,52%/năm. Nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm TTS của Công ty đến từ việc giảm quy mô vốn lưu động do sự sụt giảm giá dầu thô trong các năm qua¹⁸. Mặt khác, các tài sản cố định của Công ty chủ yếu là hệ thống máy móc, thiết bị, phân xưởng công nghệ cao, có giá trị, khấu hao hàng năm lớn (khoảng ~2.300 tỷ/năm). Tại thời điểm 30/09/2017, TTS của Công ty là 59.063 tỷ đồng, giảm khoảng 2.256 tỷ đồng so với cuối năm 2016 chủ yếu do định kỳ thực hiện trích khấu hao TSCĐ. Trong giai đoạn tới, quy mô tài sản của Công ty sẽ có sự tăng trưởng mạnh do dự án NCMR¹⁹ đang được triển khai và dự kiến sẽ đi vào hoạt động từ năm 2022.

Về cơ cấu tài sản: Cơ cấu tài sản trong giai đoạn 2013 – 2016 thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng tài sản dài hạn, giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn. Tuy vậy, mức thay đổi không có nhiều đột biến. Tại thời điểm 31/12/2013, tỷ trọng tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn chiếm lần lượt 40,15% và 59,85% trong tổng quy mô tổng tài sản. Đến thời điểm 31/12/2016, tỷ trọng trên đã có sự thay đổi lần lượt là 50,99% và 49,01%. Phần lớn sự thay đổi này đến từ việc quy mô vốn lưu động sụt giảm do giá dầu thô nguyên liệu giảm mạnh. Tại thời điểm 30/09/2017, tài sản ngắn hạn của Công ty giảm khoảng 1.842 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2016, chủ yếu do Công ty nộp lại lợi nhuận về PVN dẫn đến giảm tiền và các khoản tương đương tiền. Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty tại thời điểm 30/09/2017 là 11.217 tỷ đồng, giảm 1.547 tỷ đồng so với đầu kỳ.

Về cơ cấu nguồn vốn: Trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty, tỷ lệ nợ phải trả và vốn chủ sở hữu thay đổi theo hướng giảm tỷ lệ nợ từ mức 70,18% tại thời điểm 31/12/2013 xuống còn 47,21% tại thời điểm 31/12/2016. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thay đổi này do sự giảm về nhu cầu vốn lưu động dẫn đến Công ty không còn nhu cầu đối với các khoản vay ngắn hạn. Nợ ngắn hạn của BSR chủ yếu là các khoản nợ dài hạn đến hạn trả. Mặt khác, vay nợ dài hạn của Công ty giảm trung bình 3.130 tỷ đồng/năm trong giai đoạn 2013-2016, được Công ty thanh toán theo lịch trả nợ các khoản vay trong quá trình xây dựng NMLD Dung Quất. Tại thời điểm 30/09/2017, cơ cấu nguồn vốn của Công ty bao gồm 39,78% Nợ phải trả và 60,22% Vốn chủ sở hữu.

Về nguồn vốn chủ sở hữu: Trong giai đoạn 2013-2016, Công ty được Tập đoàn cấp bổ sung vốn khoảng 1.340 tỷ đồng, trong đó có 713 tỷ đồng được cấp trong năm 2016, sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2015). Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn của Công ty đạt 52,79% tại thời điểm 31/12/2016. Trong 9 tháng đầu năm 2017, Công ty đã được PVN cấp bổ sung khoảng 414 tỷ đồng để thực hiện dự án NCMR, ngoài ra Công ty cũng thực hiện trích bổ sung Quỹ đầu tư phát triển khoảng 1.150 tỷ đồng theo quy định hiện hành.

¹⁸ Giá dầu thô từ trên 100 USD/thùng cuối năm 2013 xuống còn chưa đến 40 USD/thùng vào cuối năm 2015, trước khi quay trở lại mức 50 USD/thùng trong giai đoạn cuối năm 2016 – Theo Cơ quan thông tin năng lượng Hoa kỳ, Bộ Năng lượng Hoa kỳ.

¹⁹ Dự án NCMR sẽ đi vào hoạt động từ năm 2022 với tổng mức đầu tư dự kiến ban đầu 1,8 tỷ USD (tương đương với khoảng 38.990 tỷ đồng) với tỷ lệ VCSH/Vốn vay là 30/70 (theo Quyết định số 9016/QĐ-DKVN ngày 22/12/2014)

2.3.2. Khả năng thanh toán

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều tăng qua các năm, ở mức lần lượt là 1,74 và 1,36 lần trung bình giai đoạn 2013 – 2016. Mặt khác, Công ty thường xuyên theo dõi các tiêu chuẩn về thanh khoản hiện tại và dự kiến tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đảm bảo đáp ứng được các khoản vay đến hạn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản. Tại thời điểm 30/09/2017, hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của BSR lần lượt là 2,58 và 1,81 lần. Các chỉ số này được cải thiện do nợ phải trả của Công ty giảm 3.730 tỷ đồng so với đầu kỳ trên cơ sở Công ty đã đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn và thực hiện nghĩa vụ nộp về PVN lợi nhuận sau thuế năm 2016.

2.3.3. Hiệu quả hoạt động

Vòng quay TTS của Công ty đạt trung bình khoảng 1,48 lần trong giai đoạn 2013 – 2016. Vòng quay vốn lưu động giảm khoảng 50% do quy mô vốn lưu động giảm do giá dầu thô giảm. Vòng quay tiền mặt của Công ty bình quân giai đoạn 2013-2016 là 49,52 ngày. Công ty chú trọng quy trình thực hiện theo dõi các khoản phải thu của khách hàng và đảm bảo thanh toán cho nhà cung cấp đúng thời hạn. Tại thời điểm 30/09/2017, hàng tồn kho của BSR ở mức 8.480 tỷ đồng, tăng 1.644 tỷ đồng so với đầu kỳ do Công ty thực hiện tăng lưu kho định kỳ theo mùa để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường, đặc biệt trong mùa mưa bão. Theo đó, số ngày lưu kho bình quân tính đến tháng 9/2017 là 46,64 ngày tăng khoảng 11,47 ngày so với bình quân các năm trước. Ngoài ra, số ngày phải trả và phải thu của Công ty không có nhiều biến động so với các năm trước, ở mức lần lượt là 30,74 ngày và 46,76 ngày.

2.3.4. Khả năng sinh lời

Kết quả lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2013, 2014, 2015 và 2016 lần lượt là 2.932 tỷ đồng; 149 tỷ đồng; 6.170 tỷ đồng và 4.492 tỷ đồng. Lợi nhuận năm 2014 sụt giảm là do các biến động về giá dầu thô dẫn tới giá trị trích lập hàng tồn kho tăng và giảm sản lượng sản xuất do tác động của thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần II (TA II) trong năm. ROE và ROA trung bình giai đoạn 2013 – 2016 lần lượt là 11,94% và 5,02%. Với diễn biến thị trường thuận lợi trong năm 2015 khiến cho lợi nhuận biên của Công ty được tăng lên đáng kể, trong đó chi phí giá vốn chỉ chiếm 89,46% doanh thu, giảm 32% và 41% so với mức chi phí giá vốn trong năm 2014, 2013, theo đó, lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 6.170 tỷ đồng. Mặt khác, tuy gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ hàng nhập khẩu từ Hàn Quốc và ASEAN, Công ty vẫn đạt 4.492 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế trong năm 2016 nhờ có sự linh hoạt và chủ động trong khâu bán hàng cũng như quản trị hiệu quả chi phí sản xuất kinh doanh. Trong 9 tháng đầu năm 2017, kết quả kinh doanh của Công ty có nhiều yếu tố tích cực khi Công ty hoạt động theo cơ chế thị trường do cơ chế thu điều tiết “3-5-7” chính thức được bỏ hoàn toàn từ ngày 01/01/2017. Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2017 của Công ty đạt 5.466 tỷ đồng, bằng 122% cả năm 2016 và gấp 4,73 lần cùng kỳ năm 2016.

2.4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

2.4.1. Các chính sách ưu đãi thuế đối với Công ty

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:** Căn cứ Quyết định 952/QĐ-TTg năm 2012, Công ty được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 30 năm, được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.
- **Thuế nhập khẩu đối với sản phẩm lọc – hóa dầu:** Biểu thuế suất nhập khẩu ưu đãi (MFN)²⁰ đang áp dụng các sản phẩm xăng dầu như sau:

Sản phẩm	Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (MFN)	Thuế suất nhập khẩu đối với BSR theo cơ chế thu điều tiết (Sau khi khấu trừ phần TNK được giữ lại)	Thuế suất nhập khẩu đối với BSR sau khi bãi bỏ hoàn toàn cơ chế thu điều tiết (Từ ngày 01/01/2017)
Xăng các loại	20%	13%	-
Nhiên liệu điêzen (DO) . .	7%	0%	-
Jet A-1/KO	7%	0%	-
FO	7%	0%	-
LPG	5%	0%	-
Hạt nhựa PP	3%	0%	-

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

Từ năm 2012 đến tháng 9/2016, Công ty được hưởng cơ chế ưu đãi theo quy định tại Quyết định 952/QĐ-TTg/2012. Theo đó, Công ty được giữ lại 7% Thuế nhập khẩu (TNK) với Sản phẩm Xăng dầu, 5% với LPG và 3% với Hóa dầu. Phần chênh lệch giữa TNK và mức ưu đãi này là khoản thu điều tiết nộp lại Ngân sách Nhà nước. Nếu TNK thấp hơn mức ưu đãi này, PVN thực hiện thanh toán mức chênh lệch giữa TNK và mức ưu đãi cho Công ty. Căn cứ Quyết định số 1725/QĐ-TTg năm 2016 về sửa đổi một số điều QĐ 952/QĐ-TTg năm 2012, từ tháng 9/2016 - 31/12/2016, Công ty chỉ chịu mức thu điều tiết 10% với đối với sản phẩm xăng, bãi bỏ thu điều tiết với các sản phẩm khác.

Từ 01/01/2017, cơ chế thu điều tiết đã được bãi bỏ hoàn toàn. Theo đó, Công ty đã tự chủ quyết định giá bán sản phẩm của mình, không còn phải nộp các khoản thu điều tiết về cho Ngân sách Nhà nước.

²⁰ Căn cứ:

- Thông tư 182/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2015 về ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế;
- Thông tư số 48/2016/TT-BTC ngày 17/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi mức thuế suất nhập khẩu xăng dầu;
- Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu;
- Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ về ban hành biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi;
- Luật Thuế Xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 06/04/2016,

- *Thuế nhập khẩu thiết bị trong quá trình xây dựng:* Căn cứ Quyết định 546/QĐ-TTg ngày 17/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ, Công ty được miễn thuế Nhập khẩu đối với vật tư thiết bị trong nước không sản xuất được.
- *Thuế nhập khẩu đối với hóa phẩm xúc tác:* Căn cứ Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 13/UĐDDT ngày 15/2/2006 của Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất kinh doanh.
- *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 26 tháng 11 năm 2014, mức thuế suất áp dụng đối với các sản phẩm xăng của Công ty như sau:

Sản phẩm	Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt
RON92, RON95	10%
E5 RON92	8%
Các sản phẩm khác	Không áp dụng

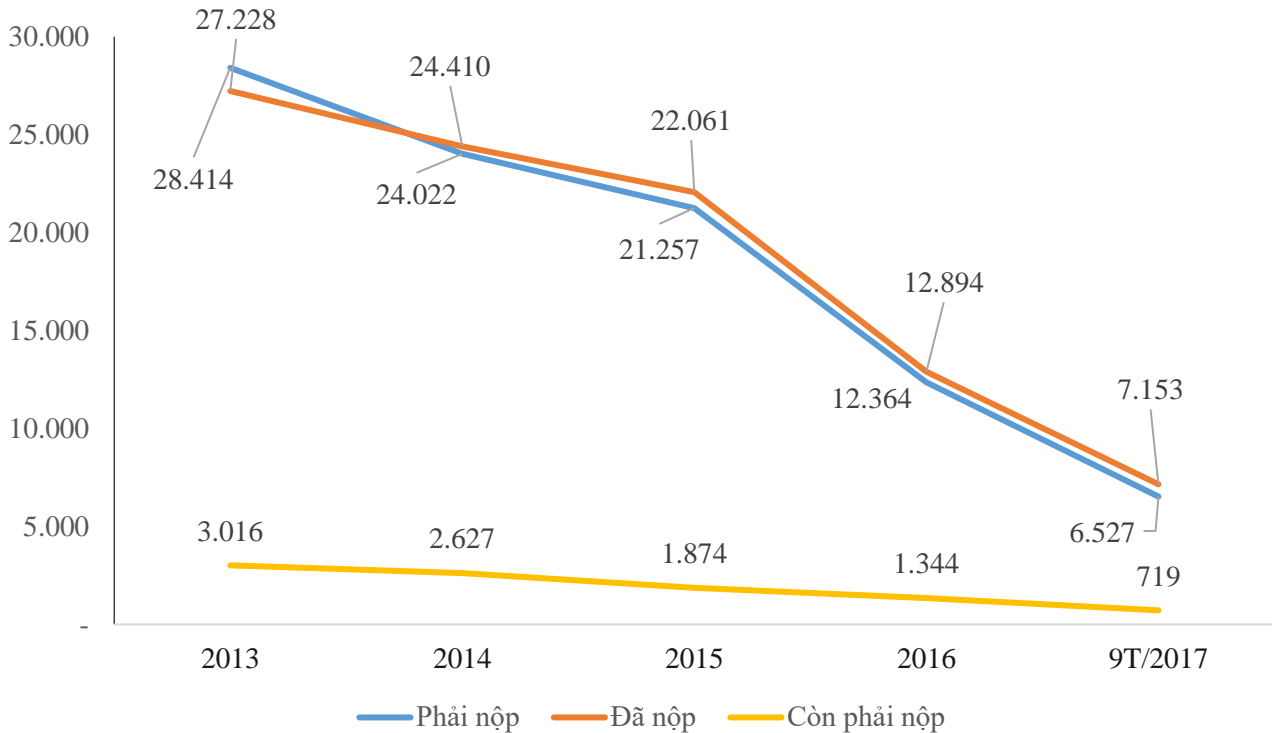
Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

- *Thuế nhà đất:* Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005, Công ty được miễn tiền thuê đất đối với mặt bằng nhà máy và phân xưởng tại Khu kinh tế Dung Quất. Căn cứ Thông tư số 153/2011/TT-BTC, Công ty được miễn tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất trong Khu kinh tế Dung Quất.
- *Thuế thu nhập cá nhân:* Người lao động/CBCNV được giảm 50% thuế đối với thu nhập chịu thuế trong thời gian làm việc tại Khu kinh tế Dung Quất theo quy định tại Thông tư số 119/2005/TT-BTC ngày 22/12/2005.

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 10, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP: “*công ty cổ phần được sử dụng toàn bộ tài sản, nguồn vốn đã nhận bàn giao để tổ chức sản xuất, kinh doanh; kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp cổ phần hóa đã bàn giao và có các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật*”. Vì vậy BSR sẽ được kế thừa toàn bộ các cơ chế, chính sách ưu đãi mà BSR đang được hưởng sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

2.4.2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của BSR giai đoạn 2013-2016 và đến 30/09/2017



Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán các năm 2013-2016 và BCTC Quý III năm 2017 của BSR

Chi tiết các khoản thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2015	31/12/2016
	(Tỷ đồng)	
Thuế giá trị gia tăng	485	584
Thuế xuất nhập khẩu	(1)	(1)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	378	395
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31	202
Các loại thuế, phí, lệ phí khác	184	15
Thu điều tiết	797	149
Tổng	1.874	1.344

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán các năm 2013-2016 của BSR

2.5. Một số chỉ tiêu tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày				Tại thời điểm ngày
31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017

Chỉ tiêu	(Tỷ đồng)				
1. Tổng giá trị tài sản.....	89.614	79.770	58.589	61.319	59.063
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	26.722	27.042	31.519	32.368	35.566
3. Nợ vay ngắn hạn	26.470	26.284	3.767	3.628	2.636
<i>Trong đó, nợ quá hạn.....</i>	-	-	-	-	-
4. Nợ vay dài hạn.....	21.175	17.116	14.541	11.783	9.691
<i>Trong đó, nợ quá hạn.....</i>	-	-	-	-	-
5. Nợ phải thu khó đòi.....	-	-	-	-	-
6. Tổng số lao động bình quân năm (Người)	1.401	1.410	1.491	1.493	1.537
7. Tổng quỹ lương	442	438	466	449	328
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng (Triệu đồng/tháng)	29,48	30,52	30,73	30,71	27,97
9. Tổng doanh thu	154.270	128.374	95.885	74.565	54.982
10. Tổng chi phí.....	151.339	128.224	89.402	69.812	49.228
11. Lợi nhuận thực hiện	2.932	149	6.483	4.753	5.754
12. Lợi nhuận sau thuế	2.932	149	6.170	4.492	5.466
13. Tỷ suất LNST/vốn nhà nước	12,05%	0,55%	21,07%	14,06%	16,09%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán các năm 2013-2016 và BCTC Quý III năm 2017 của BSR

2.6. Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động của BSR trong giai đoạn 2013-2016 và 9T/2017

2.6.1. Thuận lợi

BSR hiện là nhà máy lọc dầu duy nhất hoạt động tại Việt Nam. Nhờ có vị thế quan trọng, đồng thời với mạng lưới khách hàng rộng khắp như Petrolimex, PVOil, Thanh Lễ, Saigon Petro, trong giai đoạn từ 2013 – 2016, gần như toàn bộ sản phẩm của công ty đều được tiêu thụ hết.

Với vị thế quan trọng về an ninh năng lượng quốc gia, BSR luôn nhận được nhiều ưu đãi lớn từ Chính phủ như các ưu đãi về tiền thuê đất, thời hạn thuê và chính sách thuế cũng như công tác an ninh an toàn cho hệ thống của nhà máy.

Hệ thống máy móc của Công ty được nhập khẩu từ Nhật, Mỹ và Pháp, luôn đảm bảo công suất hoạt động ổn định ở mức trên 100% công suất thiết kế. Sau khi Dự án NCMR đi vào hoạt động, dự kiến công suất chế biến của Công ty sẽ tăng thêm 30% lên đến khoảng 8,5 triệu tấn dầu thô/năm. Cùng với đó, chất lượng sản phẩm sẽ đạt tiêu chuẩn EURO V theo tiêu chuẩn của châu Âu. Hệ thống kho bãi và bể chứa lớn cùng với hệ thống cảng biển hiện đại sẽ giảm thiểu thời gian chờ của các tàu dầu tại cảng.

BSR có đội ngũ nhân sự chất lượng cao và có quy trình quản trị nhân lực tiên tiến. Hiện nay, trên 50% số CBCNV của BSR đạt trình độ từ đại học trở lên. Nhân sự của BSR được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp ngay từ khi tiếp nhận. Nguồn nhân lực là một trong những tài sản lớn nhất và là lợi thế lớn của Công ty.

Công ty có mối quan hệ mật thiết với các NMLD trong khu vực và trên thế giới nên dễ dàng chia sẻ kinh nghiệm, xử lý các sự cố và các vấn đề cải tiến kỹ thuật, công nghệ cũng như được hỗ trợ bởi đội ngũ chuyên gia hàng đầu.

2.6.2. Khó khăn

Trước khi Dự án NCMR hoàn thành, sản phẩm của Công ty vẫn đang trong quá trình nâng cấp và chuẩn hóa để phấn đấu đạt chất lượng mức 4 và 5.

Sản phẩm của Công ty chủ yếu vẫn là các sản phẩm lọc dầu truyền thống (trừ hạt nhựa PP), chưa được đa dạng hóa, đặc biệt là các sản phẩm mang lại hiệu quả cao như các sản phẩm hóa dầu.

2.7. Vị thế và năng lực hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn trong ngành Lọc – Hóa dầu Việt Nam

2.7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

BSR hiện là nhà máy lọc dầu đang được vận hành duy nhất tại Việt Nam với công suất thiết kế là 6,5 triệu tấn dầu thô mỗi năm và vốn đầu tư được phê duyệt là 3 tỷ USD. Hàng năm, nhà máy cung cấp khoảng 30% nhu cầu xăng dầu của cả nước.

Sản lượng thiết kế của nhà máy như sau:

STT	Tên sản phẩm	Sản lượng thiết kế (Đơn vị: nghìn tấn/năm)
1	RON92	1.400 – 1.800
2	RON95	600 – 700
3	DO	2.900 – 3.200
4	FO	60 – 100
5	Jet A-1	80 – 400
6	Khí dầu hóa lỏng (LPG)	400 – 420
7	Hạt nhựa PP	135 – 150
8	Propylen	136 – 150

Với vị thế là nhà máy lọc dầu duy nhất hoạt động tại Việt Nam, BSR hiện tiêu thụ khoảng trên 40% sản lượng dầu khai thác nội địa. Việc nhà máy đi vào vận hành giúp Việt Nam hoàn thiện chuỗi ngành khai thác – chế biến dầu khí.

Về mặt đầu ra, sản phẩm đầu ra của công ty (chủ yếu là xăng và dầu diesel) được phân phối bởi các đầu mối lớn tại Việt Nam có thể kể đến như Petrolimex (chiếm khoảng 41% doanh thu bán xăng dầu công ty), PVOil (25%), Thanh Lễ, Sài Gòn Petro. Chỉ riêng hai khách hàng lớn nhất là Petrolimex và PVOil đã chiếm trên 70% thị phần trong nước.

Theo tiến độ dự kiến, tổ hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn tại Khu kinh tế Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa sẽ được đi vào hoạt động vào đầu năm 2018. Sau khi được đưa vào hoạt động chính thức, các nhà máy Dung Quất và Nghi Sơn sẽ đảm bảo cung cấp khoảng 80% nhu cầu xăng dầu cho thị trường trong nước. Qua đó, nâng cao khả năng tự chủ nguồn xăng dầu của Việt Nam.

2.7.2. Triển vọng phát triển ngành dầu khí đến năm 2040

a. Thị trường thế giới

Theo “*Báo cáo tổng quan dầu mỏ thế giới 2016*” do OPEC phát hành ngày 08/11/2016, nền kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi và sẽ giữ mức tăng trưởng khoảng 3,7%/năm đến năm 2021. Trong dài

hạn, GDP toàn cầu sẽ đạt mức 245 nghìn tỷ USD (theo sức mua tương đương - PPP năm 2011) vào năm 2040, ứng với mức tăng 235% so với năm 2015 và tương đương với tốc độ phát triển 3,5%/năm. Động lực tăng trưởng chính trong giai đoạn tới sẽ đến từ các nước đang phát triển, sẽ chiếm đến ¾ tăng trưởng GDP toàn cầu.

Dầu thô vẫn sẽ giữ vai trò là nguồn năng lượng sơ cấp chủ chốt do các nhu cầu đến từ xăng dầu nhiên liệu cho phương tiện và máy móc cùng với đó là ngành công nghiệp hóa chất. Nhựa và các vật liệu tiên tiến sẽ mang đến lợi ích cho nhà sản xuất và người tiêu dùng trong đó bao gồm cả hiệu quả trong tiêu thụ nhiên liệu.

Nhu cầu dầu thô trong trung hạn sẽ chạm mức 99,2 triệu thùng/ngày vào năm 2021 (từ 94,2 triệu thùng/ngày năm 2016) và chạm mốc 109,4 triệu thùng/ngày vào năm 2040 với mức tăng 16,4 triệu thùng/ngày trong giai đoạn 2015-2040. Các nước đang phát triển sẽ tiếp tục có mức tăng trong nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ lớn nhất (tăng thêm 6,4 triệu thùng/ngày đến năm 2021, tăng thêm 24,6 triệu thùng/ngày đến năm 2040). Trong khi các nước phát triển có xu hướng giảm mức tiêu thụ, giảm 0,5 triệu thùng/ngày đến năm 2021 và giảm 8,9 triệu thùng/ngày vào năm 2040. Trong giai đoạn này, giá dầu thô dự báo sẽ hồi phục với mức tăng hằng năm khoảng 5 USD/thùng²¹. Trong dài hạn, giá dầu được kỳ vọng sẽ chạm ngưỡng 92 USD/thùng vào năm 2040 (theo mức giá năm 2015), tương đương với mức giá danh nghĩa đạt khoảng 155 USD/thùng.

Công nghệ dầu cát (oil sands) vẫn đang được tiếp tục nghiên cứu và triển khai. Tuy nhiên, do vấp phải các chính sách về chống biến đổi khí hậu được thông qua trong Hội nghị COP 21 vào tháng 12/2015, sự phát triển của dầu cát sẽ khó dự đoán được. Theo OPEC, dự báo đến năm 2040 sản lượng dầu cát sẽ đạt khoảng 4,4 triệu thùng/ngày.

Sự phát triển của làn sóng công nghệ xanh sẽ là một xu hướng nổi bật trong các năm tới, đáng kể nhất đó là quá trình điện khí hóa các phương tiện di chuyển và máy móc. Trong đó, các nguồn năng lượng sơ cấp để sản xuất điện như gas, hạt nhân và các nguồn năng lượng tái tạo sẽ tăng trưởng mạnh để thay thế vai trò của than.

b. Thị trường Việt Nam

Kinh tế Việt Nam đang phục hồi, mặc dù tốc độ tăng trưởng năm 2016 chỉ đạt 6,21%²². Tuy nhiên trong bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế nhiều biến động và tiềm tàng nhiều yếu tố bất thường, đây là một tốc độ tăng trưởng đáng ghi nhận.

Về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2017, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam dự báo triển vọng tăng trưởng của Việt Nam được đánh giá là tích cực trong trung hạn, mức tăng trưởng GDP dự kiến sẽ cải thiện lên mức 6,3% trong 2017 và 2018²³.

Theo lộ trình triển khai áp dụng tiêu chuẩn khí thải được thông qua tại Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg, Việt Nam sẽ áp dụng chuẩn khí thải EURO IV từ ngày 01/01/2017 và EURO V từ ngày

²¹ Giá dầu thô Brent Europe Spot Price tại ngày 30/12/2016 là 54,96 USD/thùng – theo EIA- Cơ quan thông tin năng lượng Hoa Kỳ, thuộc Bộ năng lượng Hoa Kỳ.

²² Nguồn: Tổng cục thống kê

²³ Theo World Bank

01/01/2022. Theo đó, các sản phẩm xăng, dầu sản xuất ra cũng cần đáp ứng tiêu chuẩn này để phù hợp với lộ trình của Chính phủ.

Dự báo về xăng dầu của thị trường, theo Quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 được Vụ Kế hoạch, Bộ Công thương phối hợp cùng CTCP Tư vấn xây dựng Petrolimex dự thảo, đến năm 2020 Việt Nam sẽ tiêu thụ khoảng 19,35 triệu tấn/năm sản phẩm xăng dầu các loại, đến năm 2025 là 24,23 triệu tấn/năm, đến năm 2030 là 29,74 triệu tấn/năm và năm 2035 là 35,89 triệu tấn/năm.

Về các sản phẩm nhập khẩu, trong bối cảnh, xu hướng hội nhập ngày càng sâu rộng, Việt Nam đã ký các Hiệp định tự do thương mại (FTAs) trong nội khối ASEAN và với các nước khác như Hàn Quốc, Trung Quốc... dẫn đến sự cắt giảm hàng rào thuế quan, đặc biệt là thuế nhập khẩu làm cho các sản phẩm nhập khẩu có giá rất cạnh tranh so với các sản phẩm nội địa.

Như vậy, trong thời gian tới, thị trường xăng dầu Việt Nam sẽ có tính cạnh tranh rất cao, đòi hỏi các thành viên trong thị trường (trong đó có Công ty) phải không ngừng nỗ lực cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ của mình.

2.7.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của BSR với định hướng ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung của thế giới

Sự phát triển ngành công nghiệp lọc hóa dầu là đặc biệt quan trọng với nền kinh tế Việt Nam. Với nguồn tài nguyên dầu khí sẵn có, việc tăng cường phát triển công nghiệp lọc hóa dầu – lĩnh vực hạ nguồn của toàn ngành công nghiệp dầu khí và có giá trị gia tăng rất cao trong chu trình sản xuất của ngành sẽ đảm bảo nhiều lợi ích về cả kinh tế và chính trị của đất nước.

Thứ nhất, do là ngành có giá trị gia tăng rất cao nên khả năng đóng góp cho GDP, thu ngân sách và sự phát triển của nền kinh tế là rất lớn. Điều này được phản ánh qua việc nhiều quốc gia trên thế giới, mặc dù không có nguồn tài nguyên dầu khí như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan vẫn tập trung phát triển ngành công nghiệp hóa dầu với nhiều thương hiệu tên tuổi như JX Nippon của Nhật Bản, Idemitsu của Nhật Bản, SK Energy của Hàn Quốc, KNOC của Hàn Quốc, PTT của Thái Lan, SCG của Thái Lan. Điều này đặc biệt đúng với Việt Nam do Việt Nam có sẵn nguồn tài nguyên dầu khí. Nếu chỉ khai thác và xuất khẩu trực tiếp thì chỉ đem lại nguồn giá trị gia tăng không cao, trong khi phải chịu nhiều rủi ro biến động về giá dầu.

Thứ hai, việc phát triển ngành lọc hóa dầu góp phần đảm bảo an ninh năng lượng trong nước, góp phần giảm phụ thuộc vào nguồn xăng dầu nhập khẩu. Trước khi nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào hoạt động, toàn bộ xăng dầu tiêu thụ tại Việt Nam đều phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào hoạt động năm 2009 và từ khi đi vào hoạt động đến nay, nhà máy đã cung cấp khoảng 30% nhu cầu xăng dầu của thị trường. Tuy vậy, để tăng cường khả năng tự chủ nguồn cung xăng dầu, Nhà nước vẫn định hướng phát triển hơn nữa công nghiệp Lọc hóa dầu, thể hiện qua đầu tư vào Tổ hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, dự kiến đi vào hoạt động đầu năm 2018 và việc triển khai khởi công Tổ hợp Lọc hóa dầu Long Sơn.

Hiện tại, các sản phẩm của BSR đang đạt chất lượng mức 2 và 3. Để đáp ứng các nhu cầu về nhiên liệu theo quy định, BSR dự kiến sẽ triển khai dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy. Mục đích của dự án là

tăng công suất chế biến của nhà máy từ 6,5 triệu tấn dầu thô mỗi năm lên thành 8,5 triệu tấn mỗi năm, đồng thời tăng chất lượng sản phẩm dầu ra lên mức 5.

2.8. Tình hình lao động tại thời điểm lập phương án cổ phần hóa

2.8.1. Phân loại lao động

Tổng hợp cơ cấu lao động của doanh nghiệp tại thời điểm lập Phương án Cổ phần hóa (31/12/2016) được tóm lược trong bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Theo giới tính	1.567	100,00%
Nam	1.359	86,73%
Nữ	208	13,27%
Theo trình độ	1.567	100%
Từ Đại học trở lên	854	54,50%
Cao đẳng	189	12,06%
Trung cấp	137	8,74%
Công nhân kỹ thuật	387	24,70%
Lao động chưa qua đào tạo	-	-
Sơ cấp	-	-
Theo tuổi	1.567	100,00%
Từ 30 tuổi trở xuống	271	17,28%
Từ 31 - 39 tuổi	1.071	68,37%
Từ 40 - 49 tuổi	199	12,69%
Từ 50 - 55 tuổi	18	1,15%
Trên 55 tuổi	8	0,51%
Theo hợp đồng lao động	1.567	100,00%
Lao động thuộc diện không ký hợp đồng lao động (Lãnh đạo công ty)	11	0,70%
Hợp đồng không xác định thời hạn	1.327	84,68%
Hợp đồng từ 1 – 3 năm	229	14,61%
Hợp đồng thử việc	-	-

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

2.8.2. Đánh giá tổng quát về tình hình lao động

Do đặc thù ngành lọc – hóa dầu có yêu cầu rất cao về trình độ kỹ thuật công nghệ trong công việc, phát triển nguồn nhân lực luôn là một trong những mục tiêu sống còn của Công ty. Cùng với sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Tập đoàn và Ban lãnh đạo Công ty, nguồn nhân lực của Công ty đã lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, và đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua.

Trong giai đoạn 2013-2015, nhằm phục vụ cho công tác mở rộng sản xuất và dự án NCMR, tổng số lao động của Công ty đã tăng lên đáng kể từ 1.412 người (tại thời điểm ngày 31/12/2013) lên 1.547 người tại thời điểm 31/12/2015. Năm 2016 số lao động tăng lên 1.567 người tại thời điểm 31/12/2016.

Định biên lao động năm 2017 của Công ty được Tập đoàn phê duyệt là 1.610 người nhằm bổ sung nhân sự cho dự án NCMR.

Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng đến chất lượng của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đảm bảo hiệu quả vận hành Nhà máy. Theo đó, lao động tại Công ty có trình độ đại học trở lên hiện đang chiếm khoảng 54,5%. Mặt khác, số lượng cán bộ có tuổi đời dưới 40 chiếm đến trên 85% tổng số CBCNV, trong đó số lượng cán bộ từ 31 đến 39 tuổi chiếm phần lớn, sẽ đảm bảo về sự ổn định của lực lượng lao động trong tương lai cho Công ty. Đội ngũ cán bộ quản lý được đào tạo bài bản, có kiến thức, có trình độ chuyên môn sâu, rộng và bề dày kinh nghiệm trong ngành lọc – hóa dầu. Nền tảng nhân lực không chỉ đáp ứng về chất lượng, số lượng mà còn đảm bảo sự bền vững trong dài hạn của Công ty đã và đang là cơ sở cho Nhà máy vận hành sản xuất an toàn, hiệu quả.

Đối với công tác đào tạo, CBCNV của Công ty thường xuyên được tham dự các khóa đào tạo, huấn luyện để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Các CBCNV của Công ty không chỉ được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn trong nước mà còn thường xuyên được trau dồi kiến thức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ qua các khóa huấn luyện với các đối tác quốc tế có uy tín trong ngành lọc – hóa dầu đến từ Hoa Kỳ, Nga, Romania và Malaysia.

Cùng với nguồn nhân sự chất lượng cao hiện có, Công ty còn thuê đội ngũ chuyên gia bảo dưỡng và vận hành (O&M) bằng các bản hợp đồng riêng biệt để hỗ trợ hoạt động cho Công ty cũng như nâng cao trình độ cho CBCNV thông qua trao đổi và làm việc với đội ngũ chuyên gia.

3. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

3.1. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn là đơn vị được giao trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, trực tiếp vận hành sản xuất kinh doanh NMLD Dung Quất. Tài sản của Công ty chủ yếu là hệ thống các phân xưởng và máy móc, thiết bị tại NMLD Dung Quất tại Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.

Mặt bằng xây dựng NMLD Dung Quất thuộc diện đất thuê trả tiền hàng năm. Tuy nhiên, BSR được miễn tiền thuê đất đối với đất trong Khu kinh tế Dung Quất theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005, miễn tiền thuê sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất trong Khu kinh tế Dung Quất theo Thông tư số 153/2011/TT-BTC. Theo đó, trong tổng số hơn 398 héc-ta (ha) diện tích mặt bằng của NMLD Dung Quất, Công ty có khoảng 300 héc-ta (ha) có thời hạn thuê đến những năm 2055-2059 và được miễn tiền thuê đất. Diện tích còn lại tuy có thời hạn thuê ngắn hơn nhưng Công ty cũng được hưởng ưu đãi tương tự. Ngoài ra, trụ sở của Công ty tại thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thuộc diện đất trả tiền hàng năm.

3.1.1. Tài sản ngắn hạn

Thực trạng và tình hình biến động của hệ thống tài sản ngắn hạn tại Công ty trong giai đoạn trước thời điểm XDGTĐN (Giai đoạn 2013 – 2015) được trình bày trong bảng sau:

Hạng mục	31/12/2013	31/12/2014 (Tỷ đồng)	31/12/2015
Tổng tài sản	89.614	79.770	58.589
Tài sản ngắn hạn	53.635	45.686	26.502
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.568	24.983	12.837
Tiền	1.798	523	458
Các khoản tương đương tiền	21.770	24.460	12.379
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	2	2
Các khoản phải thu ngắn hạn	15.246	12.868	7.722
Hàng tồn kho	14.724	7.696	5.844
Tài sản ngắn hạn khác	97	137	98
Tài sản dài hạn	35.978	34.084	32.087

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán các năm 2013 - 2015²⁴ của BSR

Tài sản ngắn hạn của Công ty trong năm 2013 đạt 53.635 tỷ đồng, năm 2015 đạt 26.502 tỷ đồng, giảm 51%. Nguyên nhân chủ yếu là do toàn bộ giá trị hệ thống các tài sản ngắn hạn của Công ty chịu ảnh hưởng mạnh của diễn biến về giá dầu. Việc giá dầu duy trì ở mức cao trong năm 2013 (100-110 USD/thùng) đã dẫn tới giá trị các khoản phải thu và tồn kho tăng tương ứng lần lượt ở mức 15.246 tỷ đồng và 14.724 tỷ đồng. Ngược lại, khi giá dầu diễn biến giảm trong giai đoạn 2014 – 2015 và giao dịch ổn định quanh mức 50 USD, giá trị phải thu và hàng tồn kho cũng có sự sụt giảm tương ứng xuống lần lượt 7.722 và 5.844 tỷ đồng trong năm 2015, tương ứng với tỷ lệ giảm 49% và 60% so với năm 2013.

Giá trị của các khoản tiền và tương đương tiền giảm mạnh trong giai đoạn 2013 – 2015, từ 23.568 tỷ đồng xuống 12.837 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm 45%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự sụt giảm của giá dầu thô dẫn đến quy mô vốn lưu động của Công ty giảm tương ứng.

Về các khoản phải thu ngắn hạn, trong giai đoạn 2013-2015, tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng bình quân khoảng 30 ngày và không có nhiều biến động. Phải thu của Công ty chủ yếu từ nhóm khách hàng chiến lược, trong đó, xấp xỉ 30% từ Petrolimex, khoảng 30% từ các công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Về các khoản tồn kho, hàng tồn kho của Nhà máy chủ yếu gồm 04 cấu phần trọng yếu là (i) Công cụ dụng cụ (phục vụ cho hoạt động của Nhà máy và phục vụ cho quá trình sửa chữa, thay thế); (ii) Dầu thô, (iii) Thành phẩm và (iv) các dạng hàng tồn kho khác như hàng mua đang đi đường, sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, hóa phẩm xúc tác... Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2015, kho công cụ, dụng cụ chiếm khoảng 31,5%, giá trị tồn kho nguyên liệu, vật liệu chiếm 32,3%, thành phẩm chiếm khoảng 15,4% và các khoản tồn kho khác chiếm 20,8% chưa bao gồm giá trị dự phòng.

²⁴ Trên cơ sở báo cáo kiểm toán của kiểm toán Nhà nước ký ngày 13/04/2016; Biên bản thanh tra thuế của Tổng cục thuế ngày 29/12/2016 và Công văn số 3496/BTC-CST ngày 16/03/2016 của BTC, Công ty thực hiện một số bút toán điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu tài chính trong BCTC 2015

Giá trị trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2015 khoảng 603,60 tỷ đồng, do ảnh hưởng của giá dầu thô có chiều hướng giảm mạnh trong giai đoạn này (Giá dầu Brent²⁵ trung bình tháng 12/2014 là 62,53 USD/thùng xuống còn dưới 38,12 USD/thùng vào tháng 12/2015).

3.1.2. Tài sản dài hạn

Hạng mục	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
		(Tỷ đồng)	
Tổng tài sản	89.614	79.770	58.589
Tài sản ngắn hạn	53.635	45.686	26.502
Tài sản dài hạn	35.978	34.084	32.087
Tài sản cố định	35.167	33.028	31.206
Tài sản cố định hữu hình	34.793	32.688	30.861
Tài sản cố định vô hình	374	340	346
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	86	355	247
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	725	632	599
Tài sản dài hạn khác	-	70	35

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán các năm 2013 – 2015 của BSR

Tổng giá trị tài sản dài hạn của doanh nghiệp trong giai đoạn 2013 – 2015 duy trì ở mức tương đối ổn định (32.087 đến 35.978 tỷ đồng) do Nhà máy đã đi vào hoạt động và chỉ được đầu tư mới tại một số hạng mục, phân xưởng nhỏ. Sự sụt giảm về giá trị của tài sản cố định chủ yếu là do giá trị khấu hao hàng năm.

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, lọc hóa dầu, cơ cấu tài sản dài hạn chủ yếu tập trung tại khối tài sản cố định hữu hình (hệ thống máy móc, thiết bị, nhà xưởng đặt tại KKT Dung Quất), chiếm 96% tổng giá trị tài sản dài hạn trong giai đoạn 2013 - 2015.

a. Tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty chủ yếu là hệ thống máy móc, thiết bị, nhà xưởng đặt tại KKT Dung Quất phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty. Hỗ trợ cho hoạt động nhà máy là các hạng mục phụ trợ (khu sản xuất điện, hơi, xử lý nước sinh hoạt, nước lò hơi, khí nén, ni tơ ...), khu bể chứa trung gian, khu bể chứa sản phẩm, cảng biển gồm hệ thống tiếp nhận dầu thô (SPM) cho tàu trọng tải đến 110 nghìn DWT và năm 2014 SPM đã được nâng cấp tiếp nhận tàu 150 nghìn DWT, cảng xuất sản phẩm cho tàu trọng tải đến 30 nghìn DWT, đê chắn sóng... Kết nối giữa Nhà máy (địa điểm sản xuất) và hệ thống cảng biển (địa điểm xuất hàng) là hệ thống ống dẫn kéo dài 7 km được thiết kế phù hợp trên cơ sở hệ thống địa chất, địa hình và đặc thù tương quan giữa vị trí địa lý của Nhà máy và cảng biển.

Nhà máy được đưa vào vận hành năm 2009, với công suất 6,5 triệu tấn dầu thô/năm và bao gồm các sản phẩm propylen, LPG, KO (dầu hỏa dân dụng)/Jet A-1 (nhiên liệu phản lực tước bin hàng không), RON92, RON95, nhiên liệu điêzen (DO), FO (nhiên liệu đốt lò), hạt nhựa PP, lưu huỳnh. Sản phẩm của Nhà máy đáp ứng khoảng 30% nhu cầu của thị trường Việt Nam. Các phân xưởng công nghệ chính

²⁵ Nguồn: Dữ liệu giá dầu thô và sản phẩm do BSR cung cấp.

của Nhà máy thuộc bản quyền của các Nhà Công nghệ hàng đầu thế giới, cụ thể như: phân xưởng NHT/CCR/ISOM (UOP, Mỹ), phân xưởng RFCC/LCO-HDT (AXENS, Pháp), phân xưởng KTU/LTU/NTU/CNU (Merichem, Mỹ). Nhà máy được thiết kế chi tiết và xây dựng, chạy thử bởi Tổ hợp Nhà thầu Technip Pháp, JGC-Nhật, và các nhà thầu phụ nước ngoài khác. Nhà máy được trang bị hệ thống điều khiển vận hành bởi hệ thống DCS, hệ thống bảo vệ an toàn công nghệ ESD (Emergency Shutdown), hệ thống phát hiện rò rỉ khí gas và báo cháy,... đầy đủ và hiện đại. Hệ thống các phân xưởng của Công ty được trình bày như sau:

Tên phân xưởng	Tên viết tắt	Chức năng	Công suất Thiết kế (thùng/ngày)
Phân xưởng chưng cất dầu thô (Crude Distillation Unit)	CDU	Phân tách dầu thô thành các phân đoạn sản phẩm/sản phẩm trung gian khác nhau	148.000
Phân xưởng xử lý Naphtha bằng Hydro (Naphtha Hydrotreater Unit)	NHT	Tách loại S, N, nước, kim loại khỏi dòng Naphtha	23.500
Phân xưởng Reforming xúc tác (Continuous Catalytic Reformer Unit)	CCR	Sản xuất cấu tử xăng có chỉ số octan cao	21.100
Phân xưởng xử lý sản phẩm nhiên liệu phản lực (Kerosene/Jet A-1 Treatment Unit)	KTU	Loại bỏ S, axit Napthenic, nước khỏi sản phẩm nhiên liệu phản lực	10.000
Phân xưởng cracking xúc tác (Residue Fluidised Catalytic Cracking Unit)	RFCC	Xử lý cặn từ phân xưởng chưng cất khí quyển thành các sản phẩm như xăng, LPG...	69.700
Phân xưởng xử lý khí hóa lỏng LPG (LPG Treater Unit)	LTU	Xử lý LPG tạo thành từ phân xưởng RFCC	21.000
Phân xưởng xử lý Naphtha tạo thành từ phân xưởng RFCC (RFCC Naphtha Treater Unit)	NTU	Xử lý Naphtha tạo thành từ phân xưởng RFCC	45.000
Phân xưởng thu hồi Propylen (Propylene Recovery Unit)	PRU	Thu hồi Propylene để sản xuất Polypropylene	77.240 (kg/giờ)
Phân xưởng đồng phân hóa (Light Naphtha Isomerization Unit)	ISOM	Đồng phân hóa hydrocarbon để tạo cấu tử xăng có chỉ số octan cao	6.500
Phân xưởng xử lý LCO bằng hydro (LCO Hydrotreater Unit)	LCO-HDT	Loại bỏ N, S và kim loại bằng hydro nhằm làm sạch LCO	165.000 (kg/giờ)

Tên phân xưởng	Tên viết tắt	Chức năng	Công suất Thiết kế (thùng/ngày)
Nhà máy sản xuất nhựa Polypropylen (Polypropylene Plant)	PP	Sản xuất nhựa Polypropylene từ Propylene	150.000 (tấn/năm)
Phân xưởng xử lý nước chua (Sour Water Stripping Unit)	SWS	Loại bỏ khí chua khỏi dòng nước chua	82 (m ³ /giờ)
Phân xưởng tái sinh Amine (Amine Regeneration Unit)	ARU	Làm sạch, tái sinh amine	102 (m ³ /giờ)
Phân xưởng trung hòa kiềm (Spent Caustic Neutralisation Unit)	CNU	Trung hòa kiềm	1,5 (m ³ /giờ)
Phân xưởng thu hồi lưu huỳnh 1 (Sulfur Recovery 1 Unit)	SRU	Thu hồi lưu huỳnh trong khí chua	5 (tấn/ngày)
Phân xưởng thu hồi lưu huỳnh 2 (Sulfur Recovery 2 Unit)	SRU2	Thu hồi lưu huỳnh trong khí chua	13 (tấn/ngày)

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

Sửa chữa lớn hệ thống tài sản cố định

Do hệ thống các phân xưởng đều có giá trị rất lớn, đòi hỏi sự chính xác và độ an toàn cao, toàn thể Nhà máy có chu kỳ bảo dưỡng định kỳ (“Turn Around”/”TA”) 03 năm/lần ngoài việc thực hiện bảo dưỡng thường xuyên. Do chi phí bảo dưỡng định kỳ tương đối lớn, Công ty thực hiện trích trước chi phí bảo dưỡng trong chu kỳ 03 năm nêu trên, đồng thời ghi nhận giảm giá trị trích trước khi đến kỳ sửa chữa. Nhà máy đã trải qua 03 lần sửa chữa lớn vào các năm 2011, 2014 và 2017. Kỳ sửa chữa lớn lần III bắt đầu từ ngày 05/06/2017 và đã hoàn thành vào ngày 25/07/2017, sớm hơn 01 ngày so với kế hoạch đề ra. Do quá trình vận hành của nhà máy đòi hỏi tính thường xuyên liên tục, các hạng mục mang tính chất cải hoán, nâng công suất không đòi hỏi đầu tư bổ sung các phân xưởng mới cũng sẽ được thực hiện trong giai đoạn TA.

Cụ thể, chi phí sửa chữa lớn các lần I và lần II như sau:

Hạng mục	2011	2014
	(Tỷ đồng)	
Chi phí sửa chữa lớn	1.074,65	1.337,16

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

Điểm cần lưu ý là chi phí sửa chữa lớn thực tế chỉ được xác định một cách chắc chắn khi Công ty ngừng hẳn hoạt động trong giai đoạn TA để tháo các hệ thống máy móc trong một số phân xưởng ra và có đánh giá về mức độ bảo dưỡng thực tế.

Hiện Công ty trích trước chi phí sửa chữa lớn và ghi nhận dưới hạng mục chi phí phải trả theo hướng dẫn tại Điều 62 Thông tư 200/2014/TT-BTC. Ngoài việc ghi nhận chi phí, quá trình sửa chữa lớn khiến nhà máy phải dừng hoạt động trong vòng 02 tháng. Phần doanh thu/lợi nhuận tương ứng với công suất vận hành trong 02 tháng này sẽ không được duy trì. Do đó, trong năm có sửa chữa lớn, doanh thu và lợi nhuận của Công ty thường bị sụt giảm so với cùng kỳ các năm trước (không kể các yếu tố mang tính khách quan khác).

Sửa chữa thường xuyên hệ thống tài sản cố định

Quá trình kiểm tra, sửa chữa thường xuyên được quản trị qua hệ thống tự động để quản trị vòng đời của tài sản. Công ty duy trì hệ thống cảnh báo sớm, tùy theo chu trình vận hành và vòng đời của mỗi tài sản, định kỳ hàng ngày/tuần/tháng/quý phần mềm quản lý bảo trì sẽ có yêu cầu nhân sự thực hiện đo đạc, kiểm tra để phát hiện các nguy cơ hỏng hóc, từ đó đưa ra những phương án xử lý kịp thời.

Hạng mục	2013	2014	2015
		(Tỷ đồng)	
Chi phí sửa chữa thường xuyên	288	419	252

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

b. Đầu tư tài chính dài hạn

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty có hai khoản đầu tư tại các công ty con là BSR-BF và PVBuilding, hai khoản đầu tư dài hạn tại các công ty khác là PMS và PVOS. Danh sách các công ty con và đầu tư dài hạn tại các công ty khác được tổng hợp trong bảng sau:

Hạng mục	BSR-BF	PVBuilding	PMS	PVOS
		(Tỷ đồng)		
VCSH	635,81	188,03	83,02	60,35
Vốn điều lệ	1120,45	175,22	80,00	55,69
Tỷ lệ sở hữu	65,86%	96,53%	8,75%	8%
Thời điểm góp vốn	T9/2008	T3/2009	T9/2009	T7/2008
Cổ tức năm 2015	-	8,59	0,21	-
Dự phòng đã trích lập	319,18	-	-	-
Ngành nghề kinh doanh	Xăng sinh học ethanol và phụ phẩm	Thương mại, bảo bì, dịch vụ phụ trợ	Sửa chữa bảo dưỡng công trình dầu khí	Quản lý kho ngầm xăng dầu

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

3.2. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và những vấn đề cần tiếp tục xử lý

3.2.1. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Ngày 06 tháng 11 năm 2015, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 2665/QĐ-DKVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn. Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là hết ngày 31/12/2015.

3.2.2. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp

Theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP, các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp có thể áp dụng bao gồm phương pháp tài sản, phương pháp dòng tiền chiết khấu và các phương pháp khác. Theo đó, đơn vị tư vấn đã áp dụng phương pháp tài sản để thực hiện Xác định GTDN của BSR.

3.2.3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Ngày 31/05/2017, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 1938/QĐ-BCT về việc xác định giá trị Công ty TNHH MTV Lộc - Hóa dầu Bình Sơn (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) để cổ phần hóa. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cũng đã được Kiểm toán Nhà nước kết luận theo Báo cáo kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Lộc Hóa dầu Bình Sơn theo công văn số 161/KTNN-TH ngày 28 tháng 04 năm 2017. Theo đó, giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lộc - Hóa dầu Bình Sơn để cổ phần hóa như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa là 72.879.914.663.162 đồng (bằng chữ: Bảy mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi chín tỷ chín trăm mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn một trăm sáu mươi hai đồng), tăng 14.854.654.402.964 đồng so với giá trị sổ sách.
- Giá trị thực tế phân vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 44.934.562.233.107 đồng (bằng chữ: Bốn mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi tư tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn một trăm linh bảy đồng), tăng 13.929.566.073.112 đồng so với giá trị sổ sách.

Căn cứ Khoản 5, Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 06/09/2017 của Chính Phủ về phiên họp Chính Phủ thường kỳ tháng 8 năm 2017 về việc xác định giá trị doanh nghiệp và sử dụng giá trị doanh nghiệp theo sổ sách kế toán để xây dựng Phương án cổ phần hóa đối với 02 đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Chính phủ đã đồng ý đề xuất của Bộ Công thương cho phép PVN áp dụng cơ chế không điều chỉnh giá trị sổ sách kế toán theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp khi xây dựng quy mô vốn điều lệ của công ty cổ phần trong phương án cổ phần hóa và sử dụng kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để xây dựng giá khởi điểm khi bán cổ phần lần đầu đối với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí (PVPower) và Công ty TNHH MTV Lộc - Hóa dầu Bình Sơn (BSR).

Tổng hợp kết quả giá trị doanh nghiệp được trình bày trong bảng sau:

Chỉ tiêu (1)	Số liệu sổ sách kế toán (2)	Số liệu xác định lại (3)	Chênh lệch (4) = (3) – (2)
		(Đồng)	
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	58.025.260.260.198	72.879.914.663.162	14.854.654.402.964
I. Tài sản dài hạn	32.085.763.771.901	45.771.426.232.879	13.685.662.460.978
1. Tài sản cố định	31.205.142.922.921	42.618.423.372.974	11.413.280.450.053
a. Tài sản cố định hữu hình	30.859.396.493.399	42.272.676.943.452	11.413.280.450.053
b. Tài sản cố định vô hình (chưa gồm giá trị quyền sử dụng đất)	345.746.429.522	345.746.429.522	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	599.130.240.707	612.110.385.698	12.980.144.991
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	246.732.002.189	246.732.002.189	-
4. Lợi thế kinh doanh	-	1.816.013.092.442	1.816.013.092.442
5. Tài sản dài hạn khác (không bao gồm lợi thế kinh doanh)	34.758.606.084	478.147.379.576	443.388.773.492
II. Tài sản ngắn hạn	25.939.496.488.297	27.108.488.430.283	1.168.991.941.986
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	12.836.910.122.445	12.835.500.247.137	(1.409.875.308)
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	-
3. Các khoản phải thu	7.712.857.207.783	7.720.159.766.140	7.302.558.357
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	5.289.811.337.037	6.447.408.692.881	1.157.597.355.844
5. Tài sản ngắn hạn khác	97.917.821.032	103.419.724.125	5.501.903.093
B. Tài sản không cần dùng	-	-	-
I Tài sản ngắn hạn	-	-	-
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	-	-	-
C. Tài sản chờ thanh lý, bàn giao	-	-	-
1. Tài sản cố định chờ thanh lý	-	-	-
2. Tài sản cố định chờ bàn giao	-	-	-

Chỉ tiêu (1)	Số liệu sổ sách kế toán (2)	Số liệu xác định lại (3)	Chênh lệch (4) = (3) – (2)
3. Hàng tồn kho	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	1.133.662.685	1.133.662.685	-
Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (A+ B+ C+ D)	58.026.393.922.883	72.881.048.325.847	14.854.654.402.964
Trong đó: Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp	58.025.260.260.198	72.879.914.663.162	14.854.654.402.964
E1. Nợ thực tế phải trả (không bao gồm quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ) .	27.020.264.100.203	27.945.352.430.055	925.088.329.852
<i>Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN</i>	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp [A- (E1+E2)]	31.004.996.159.995	44.934.562.233.107	13.929.566.073.112
Giá trị các tài sản không cổ phần hóa	-	-	-
Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để cổ phần hóa .	31.004.996.159.995	44.934.562.233.107	13.929.566.073.112

3.2.4. Tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp

Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp là tài sản cố định hình thành từ Quỹ Khen thưởng phúc lợi có giá trị còn lại là: 1.133.662.685 đồng.

3.2.5. Các vấn đề cần tiếp tục xử lý

Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp, Công ty có trách nhiệm tiếp tục quản lý và làm thủ tục chuyển giao cho Tổ chức Công đoàn của Công ty Cổ phần quản lý theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

3.3. Thực trạng sử dụng đất

3.3.1. Thực trạng sử dụng đất

Trong tổng số 3.980.770,2 m² diện tích đất của Công ty được Nhà nước cho thuê đất, diện tích được miễn tiền thuê sử dụng là 3.974.864,7 m². Ngoài ra, diện tích đất được Nhà nước cho thuê, có thu tiền sử dụng đất hàng năm là khu đất trụ sở làm việc Công ty tại 208, Hùng Vương - TP.Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi với diện tích 5.905,5 m².

Chi tiết về các cơ sở đất và mục đích sử dụng được trình bày theo phụ lục đính kèm.

3.3.2. Đánh giá khái quát về thực trạng sử dụng đất

Trong các năm qua, Công ty đã sử dụng đất đúng mục đích và khai thác một cách có hiệu quả vào mục đích sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Việc quản lý đất đã đảm bảo theo đúng các quy định của Luật đất đai năm 2003, Luật đất đai năm 2013 cũng như các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc giao đất, thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác đăng ký, chỉnh lý biến động quản lý hồ sơ địa chính được thực hiện đúng trình tự theo quy định. Chính sách sử dụng đất của Công ty trong những năm tới là sử dụng đất đúng mục đích và hợp lý, tối đa hóa lợi nhuận sản xuất kinh doanh. Việc quản lý và sử dụng đất sẽ được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

PHẦN V: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1.1. Tên gọi và các thông tin cơ bản

Tên Tiếng Việt	Công ty Cổ phần Lộc – Hóa dầu Bình Sơn
Loại hình công ty	Công ty Cổ phần
Tên Tiếng Anh	Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company
Tên viết tắt	BSR
Trụ sở chính	208 Đại lộ Hùng Vương, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Điện thoại	0255.3825825
Website	www.bsr.com.vn
Biểu trưng (logo)	

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Sau khi chuyển thành công ty cổ phần, BSR sẽ hoạt động trong các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau:

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn và quản lý dự án (tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thiết kế, mua sắm, lắp đặt, chạy thử các dự án, tư vấn vận hành, bảo dưỡng các dự án) liên quan đến kỹ thuật công nghiệp, kỹ thuật đường ống, kho chứa dầu khí và các dự án khác liên quan đến ngành lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ phân tích dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hóa chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hóa dầu;
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu;
- Dịch vụ hàng hải, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu;
- Đào tạo nguồn nhân lực, thuê và cung cấp chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;

- Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong nước và nước ngoài;
- Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm và được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

1.3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

1.3.1. Quy mô vốn điều lệ

a. Đặc điểm của cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty Cổ phần Lộc – Hóa dầu Bình Sơn tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của điều lệ Công ty sau khi cổ phần hóa và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b. Quy mô vốn điều lệ khi chuyển đổi sang công ty cổ phần

Trên cơ sở nguyên tắc để xác định quy mô vốn điều lệ và căn cứ pháp lý, quy mô vốn điều lệ dự kiến của Công ty để thực hiện cổ phần hóa được trình bày sau đây, trong đó:

Quy mô vốn điều lệ dự kiến	Giá trị (đồng)
Giá trị phần vốn của Nhà nước theo số liệu trên sổ kế toán tại thời điểm XĐGTDN	31.004.996.159.995
Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để CPH	31.004.996.159.995
Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (làm tròn)	31.004.996.160.000
Tổng quy mô vốn điều lệ	31.004.996.160.000

1.3.2. Cơ cấu vốn điều lệ giai đoạn sau cổ phần hóa

Theo phương án cổ phần hóa của BSR đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 08/12/2017, nhà đầu tư nước ngoài được tham gia mua cổ phần tại Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn với tỷ lệ sở hữu của tất cả các nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 49% vốn điều lệ theo quy định. Cụ thể, cơ cấu vốn điều lệ của BSR như sau:

Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị cổ phần theo	Tỷ lệ
		mệnh giá (đồng)	
Nhà nước	1.333.214.835	13.332.148.350.000	43,00%
Cổ phần bán ưu đãi chào bán cho CBCNV ²⁶	6.483.000	64.830.000.000	0,21%
<i>Cổ phần bán ưu đãi chào bán cho CBCNV theo thâm niên công tác</i>	1.437.000	14.370.000.000	0,05%
<i>Cổ phần bán ưu đãi chào bán cho CBCNV theo cam kết làm việc tiếp cho công ty cổ phần</i>	5.046.000	50.460.000.000	0,16%

²⁶ Tổng số lượng cổ phần bán ưu đãi chào bán cho CBCNV đã được bao gồm số cổ phần bán ưu đãi cho 25 cán bộ biệt phái của BSR hiện đang công tác tại NSRP. 25 nhân sự này vào Danh sách người lao động cần được sử dụng sau cổ phần hóa và được mua cổ phần ưu đãi để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động và phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của BSR.

Cổ phần bán ưu đãi chào bán cho Tổ chức Công đoàn	-	-	0,00%
Cổ phần chào bán công khai trong đợt IPO	241.556.969	2.415.569.690.000	7,79%
Cổ phần chào bán cho NĐTCL	1.519.244.812	15.192.448.120.000	49,00%
Tổng cộng.	3.100.499.616	31.004.996.160.000	100,00%

1.4. Mô hình tổ chức hoạt động dự kiến

Sau cổ phần hóa, BSR sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Cơ cấu tổ chức của BSR dự kiến như sau:

1.4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

1.4.2. Hội đồng quản trị

a. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

1.4.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát: Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, thực trạng tài chính của Công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên và kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty và không phải là người trong bộ phận kế toán của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty. Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm.

1.4.4. Tổng Giám đốc và Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc (TGD) là đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm. Tổng Giám đốc có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

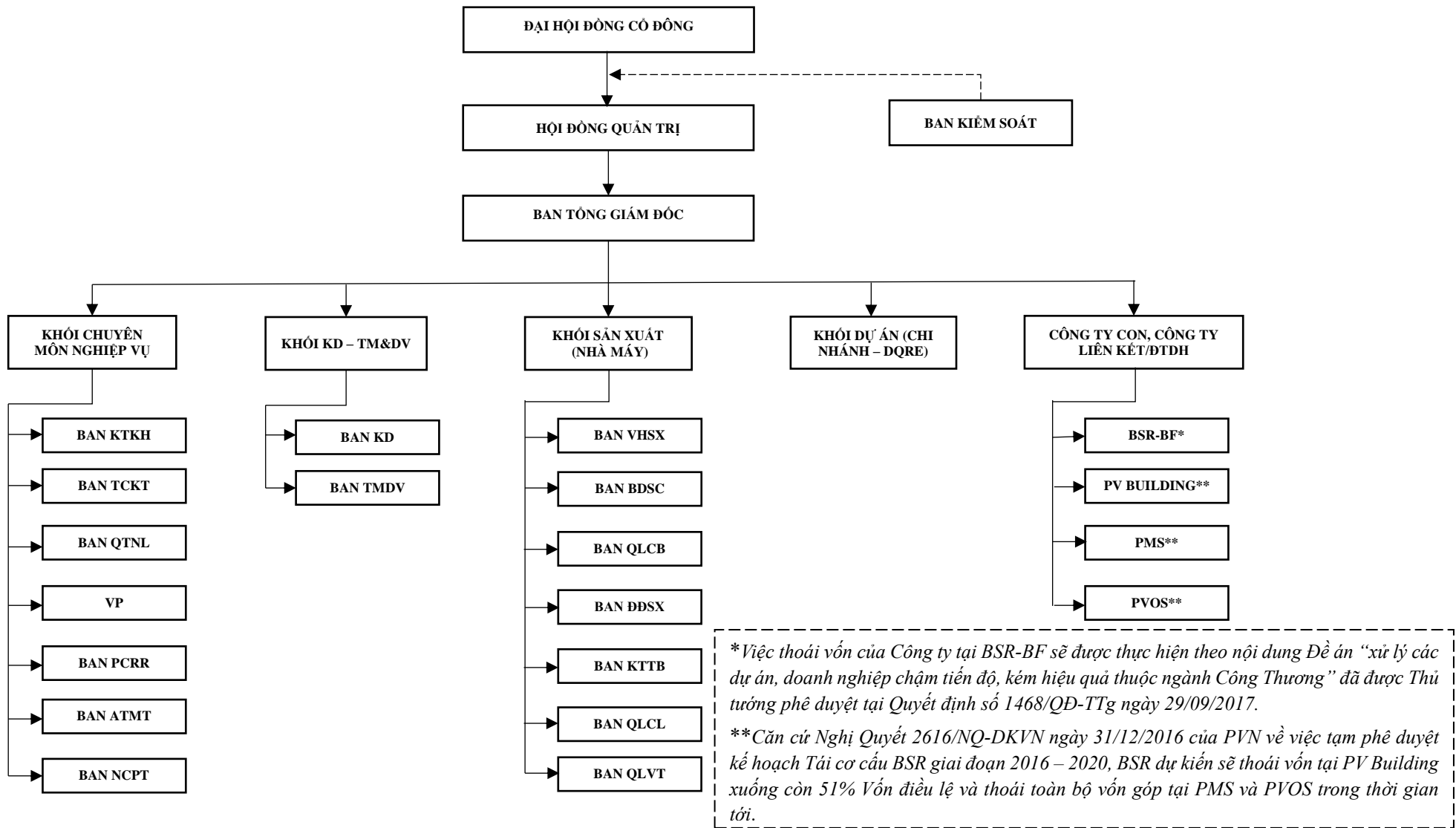
Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc: là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ và các cơ quan tương đương của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc TGD trong quản lý, điều hành công việc.

1.4.5. Bộ máy tổ chức

Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

Với phương án tổ chức như trên, sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty sau sơ đồ phân hóa dự kiến như sau:



1.5. Xử lý vốn góp bổ sung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thực hiện Dự án NCMR từ sau thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2015) đến thời điểm 30/09/2017

Giá trị vốn góp bổ sung của PVN tại BSR từ sau thời điểm XĐGTDN (31/12/2015) tính đến thời điểm 30/09/2017 là **1.127.802.519.804 đồng**.

BSR sẽ hoàn trả phần vốn góp bổ sung của PVN theo phê duyệt tại Quyết định số 1978/2017/QĐ-TTg ngày 08/12/2017, cụ thể: *“Số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thực hiện góp bổ sung vốn điều lệ cho BSR sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng NMLD Dung Quất sẽ được BSR hoàn trả lại cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hạch toán, quản lý theo quy định.”*

1.6. Thoái vốn tại các công ty con, công ty liên kết từ thời điểm 30/09/2017 đến thời điểm công bố thông tin

1.6.1. Thoái vốn tại BSR-BF

Theo BCTC Riêng Quý III/2017, tính đến thời điểm 30/09/2017, BSR hiện đã góp 742.165.320.000 đồng.

Trên cơ sở Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/09/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *“Đề án xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương”*, ưu tiên chọn phương án: Khởi động, vận hành lại Nhà máy trước khi các đơn vị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển nhượng hoặc thoái vốn khỏi Dự án.

Theo đó, BSR sẽ có lộ trình thoái toàn bộ vốn khỏi BSR-BF sau khi tái khởi động thành công Nhà máy Nhiên liệu sinh học Miền Trung. Tính đến Quý III/2017, khoản đầu tư của BSR vào BSR-BF với tỷ lệ cam kết góp vốn là 61% vốn điều lệ.

1.6.2. Thoái vốn tại PV Building

Theo BCTC Riêng Quý III/2017, tại thời điểm 30/09/2017, Công ty đã góp 145.892.845.365 đồng chiếm 83,26% vốn điều lệ của PV Building.

Căn cứ Nghị quyết số 2616/NQ-DKVN của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ngày 31/12/2016 về việc tạm phê duyệt kế hoạch Tái cơ cấu Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn giai đoạn 2016 – 2020, BSR sẽ có thoái vốn tại PV Building xuống còn 51% vốn điều lệ của PV Building trong thời gian tới.

1.6.3. Thoái vốn tại PMS và PVOS

Theo BCTC Riêng Quý III/2017, tại thời điểm 30/09/2017, Công ty hiện đã góp vốn vào CTCP Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí (PMS), tương đương với 7.000.000.000 đồng. Công ty đã góp đủ vốn.

Theo BCTC Riêng Quý III/2017, tại thời điểm 30/09/2017, Công ty góp vốn vào Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu dầu khí Việt Nam (PVOS) với tỷ lệ tham gia góp vốn là 10% vốn điều lệ của PVOS, tương đương với 160.000.000.000 đồng. Công ty đã góp được 4.244.000.000 đồng.

Căn cứ Nghị quyết số 2616/NQ-DKVN của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ngày 31/12/2016 về việc tạm phê duyệt kế hoạch Tái cơ cấu Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn giai đoạn 2016 – 2020, BSR dự kiến sẽ thực hiện thoái toàn bộ vốn góp tại PMS và PVOS trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG SAU CỔ PHẦN HÓA

STT	Nội dung	Số lao động
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	1.563
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	11
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	1.552
	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	1337
	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	215
	Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 12 tháng (bao gồm cả Hợp đồng thử việc và hợp đồng học nghề)	-
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của cơ quan, đơn vị	-
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	0
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	-
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động	-
	Hết hạn hợp đồng lao động	-
	Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	-
	Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	-
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	-
	Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP	-
	Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	-
4	Số lao động được tuyển dụng lần cuối trước ngày 21/04/1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động	-
	Số lao động nghỉ hưu trước tuổi	-
	Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH.	-
	Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động	-
4	Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21/04/1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động	-
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	1.563
1	Số lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	11
2	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	1.538
3	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	14
	Ốm đau	2
	Thai sản	12
	Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	-
4	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	-
	Nghĩa vụ quân sự	-
	Nghĩa vụ công dân khác	-
	Bị tạm giam, tạm giữ	-
	Do hai bên thỏa thuận	-

Ổm đầu	-
Thai sản	-
Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	-

Nguồn: Công ty TNHH MTV Lộc – Hóa dầu Bình Sơn

Số lượng viên chức quản lý, cán bộ công đoàn, người lao động ký hợp đồng lao động với Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 31/05/2017 là 1.563 người. Tổng số lao động không chuyển sang làm việc trong công ty cổ phần là 0 (không) người. Tổng số viên chức quản lý, người lao động, cán bộ Công đoàn sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần là 1.563 người. Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, Công ty không có lao động dôi dư.

3. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA

Sau khi chuyển sang Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty vẫn là hoạt động trong lĩnh vực lọc - hóa dầu, do vậy phương án sử dụng đất của Công ty vẫn không có sự thay đổi so với thực trạng sử dụng hiện tại. Cụ thể là Công ty sẽ tiếp tục sử dụng các thửa đất hiện tại vào mục đích sản xuất kinh doanh theo hình thức Nhà nước cho thuê đất sử dụng hàng năm.

Đối với diện tích đất phục vụ dự án NCMR, sau khi công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư hoàn thành, Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất sẽ thực hiện các thủ tục giao đất theo dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa đã được phê duyệt theo Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 08/04/2016 và Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi như sau:

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Địa chỉ	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng hiện tại	Phương án sử dụng sau khi cổ phần hóa
1	Quản lý, vận hành Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.	2.782.525,90	Xã Bình Trị và Bình Thuận, huyện Bình Sơn	- 726.410,5 m ² : đến 17/10/2027 - 2.056.115,4 m ² : đến 31/03/2058	Đất sản xuất kinh doanh: Xây dựng nhà máy Lọc dầu Dung Quất	Đất được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 31/5/2013. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 95/HĐTĐ ngày 10/12/2013 với Sở Tài nguyên và Môi trường và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất theo phương thức trả tiền hàng năm
2	Hành lang Khu bể chứa sản phẩm.	241.929,50	Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn	- 141.890,7 m ² : đến 17/10/2027 - 100.038,8 m ² sử dụng đến 31/03/2058	Đất sản xuất kinh doanh: hành lang khu bể chứa sản phẩm	Đất được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 03/12/2013. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 95/HĐTĐ ngày 03/12/2013 với Sở Tài nguyên và Môi trường và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất theo phương thức trả tiền hàng năm
3	Phân xưởng sản xuất Polypropylen.	129.014,00	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Đến ngày 19/04/2032	Đất sản xuất kinh doanh: xây dựng phân xưởng sản xuất Polypropylen	Đất được BQL KTT Dung Quất cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 349/QĐ-BQL ngày 30/12/2013. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ ngày 01/01/2015 với Ban Quản lý KKT Dung Quất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Tiếp tục thuê đất theo phương thức trả tiền hàng năm
4	Nhà máy sản xuất bao bì Dung Quất	24.069,00	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Đến ngày 22/04/2059	Đất sản xuất kinh doanh: xây dựng nhà máy sản xuất bao bì Polypropylen	Đất được BQL KTT Dung Quất cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 136/QĐ-BQL ngày 25/6/2014. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ ngày 15/12/2014 với Ban Quản lý KKT Dung Quất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Tiếp tục thuê đất theo phương thức trả tiền hàng năm

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Địa chỉ	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng hiện tại	Phương án sử dụng sau khi cổ phần hóa
5	Khu giới thiệu toàn cảnh NMLD Dung Quất.	377.609,6m 0	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Đến ngày 31/03/2058	Giới thiệu khu toàn cảnh Nhà máy Lộc dầu Dung Quất	Đất được BQL KTT Dung Quất cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 163/QĐ-BQL ngày 23/7/2014 với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Tiếp tục thuê đất theo phương thức trả tiền hàng năm
6	Khu tập trung chất thải rắn không độc hại.	36.085,60	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Đến ngày 02/11/2034	Khu Tập trung chất thải rắn không độc hại	Đất được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 03/6/2015. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 115/HĐTD ngày 31/12/2015 với Sở Tài nguyên và Môi trường và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất theo phương thức trả tiền hàng năm
7	Khu nhà ở CBCNV tại Vạn Tường.	225.756,60	Xã Bình Trị và Bình Hải, huyện Bình Sơn	Đến ngày 06/01/2055	Đất khu công nghiệp: Khu nhà ở cán bộ công nhân viên	Đất được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 06/10/2014. Hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Tiếp tục thuê đất theo phương thức trả tiền hàng năm
8	Bổ sung 02 bể chứa dầu thô.	133.396,50	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Đến ngày 31/03/2058	Đất sản xuất kinh doanh: Hai bể chứa dầu thô	Đất được BQL KTT Dung Quất cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 162/QĐ-BQL ngày 23/7/2014. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 04/HĐTD ngày 31/12/2014 với Ban Quản lý KKT Dung Quất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Tiếp tục thuê đất theo phương thức trả tiền hàng năm

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Địa chỉ	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng hiện tại	Phương án sử dụng sau khi cổ phần hóa
9	Trung tâm lưu trữ tài liệu kết hợp Văn phòng làm việc.	24.478,00	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Đến ngày 31/03/2058	Trung tâm lưu trữ tài liệu kết hợp Văn phòng làm việc	Đất được BQL KTT Dung Quất cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 217/QĐ-BQL ngày 01/10/2013. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 02/HĐTĐ ngày 31/12/2014 với Ban Quản lý KKT Dung Quất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Tiếp tục thuê đất theo phương thức trả tiền hàng năm
10	Trụ sở làm việc của Công ty tại 208 Hùng Vương - TP. Quảng Ngãi.	5.905,50	Phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi	Đến ngày 31/05/2023	Trụ sở làm việc của Công ty tại 208 Hùng Vương - TP. Quảng Ngãi.	Đất được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 12/12/2012. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 151/HĐTĐ ngày 30/12/2014 với Sở Tài nguyên và Môi trường và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất theo phương thức trả tiền hàng năm

4. KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

4.1. Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chiến lược của BSR là xây dựng đơn vị trở thành một công ty lọc – hóa dầu chủ động, năng động, có năng lực cạnh tranh ở trong nước và quốc tế, đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức cao gắn liền với bảo vệ môi trường, an toàn và tích cực tham gia hoạt động an sinh xã hội.

Các mục tiêu chính Công ty đề ra cho giai đoạn 2018-2022:

- Tập trung tổ chức hoạt động sản xuất an toàn, ổn định, hiệu quả, làm chủ công nghệ và bền vững.
- Hoàn thành Dự án NCMR NMLD Dung Quất để đưa vào vận hành trong năm 2022.

4.2. Định hướng phát triển của Công ty

4.2.1. Định hướng phát triển tổng quát

Với phương châm “An toàn – Hiệu quả – Bền vững”, Công ty đã xây dựng cho mình các nguyên tắc phát triển cơ bản để không chỉ thực hiện được các mục tiêu kinh tế mà còn đảm bảo được các mục tiêu về xã hội và môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu là chủ đạo.
- Sản phẩm luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.
- Tối ưu năng lực hiện có, đẩy mạnh nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất để nâng cao tính hiệu quả và đảm bảo phát triển bền vững.
- Phát huy nội lực và hợp tác, liên kết đầu tư với các đối tác có uy tín và tiềm lực nhằm khai thác các lợi thế, cơ hội và chia sẻ rủi ro.

4.2.2. Chiến lược kinh doanh

Trong giai đoạn 2018 – 2022, trên cơ sở đánh giá về môi trường kinh doanh nêu trên, Công ty xác định quan điểm và mục tiêu thực hiện chiến lược kinh doanh như sau:

a. Nguồn nguyên liệu

- Giai đoạn đầu trước khi NCMR hoàn thành:
 - Ổn định và duy trì ở mức hợp lý nguồn cung dầu thô trong nước: Công ty sẽ hoàn thiện danh sách dầu thô cơ bản thay thế dầu thô Bạch Hổ và danh sách dầu thô phối trộn phù hợp với cấu hình hiện tại của Nhà máy. Trong đó, Công ty sẽ tập trung vào nghiên cứu các loại dầu thiết kế cơ sở/phối trộn tiềm năng cho Nhà máy sau NCMR và mở rộng rõ dầu phối trộn tiềm năng (hiện tại 57 loại) cho Nhà máy giai đoạn trước NCMR từ các khu vực Trung Đông, Nga và các nước Liên bang Xô viết cũ, khu vực Tây và Bắc Phi, khu vực Đông Nam Á và Việt Nam;

- Tăng khối lượng sử dụng dầu thô có tỷ lệ % lưu huỳnh cao nhằm tận dụng tối đa công suất phân xưởng thu hồi lưu huỳnh (SRU);
- Tích cực thực hiện các biện pháp giảm hao hụt dầu thô;
- Áp dụng các công cụ tài chính phái sinh nhằm hạn chế các rủi ro trong biến động giá gây ra trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh tế.
- Giai đoạn từ khi hoàn thành dự án NCMR:
 - Công ty sẽ chủ động thay thế hoàn toàn dầu thô Bạch Hổ (hoặc dầu thô Bạch Hổ chỉ đóng vai trò là dầu thô phối trộn) để tăng hiệu quả kinh tế theo cấu hình mới của Nhà máy sau khi dự án NCMR hoàn thành. Loại dầu thô cơ bản dự kiến sẽ sử dụng sau khi dự án NCMR được hoàn thành là ESPO và Murban (tỷ lệ 70/30). Dầu phối trộn là các loại dầu nhập khẩu khác và tất cả các loại dầu Việt Nam phù hợp với khả năng chế biến của Nhà máy sau khi NCMR;
 - Đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào: dầu thô có API và độ chua trung bình, Naphtha, Residue, Khí (khí Cá Voi Xanh), Propylene để chế biến các sản phẩm lọc hóa dầu.

b. Sản xuất và chất lượng sản phẩm

Công ty sẽ thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng công tác vận hành và bảo dưỡng NMLD Dung Quất để đảm bảo Nhà máy hoạt động an toàn tuyệt đối, đặt mục tiêu thực hiện thành công lần sửa chữa lớn thứ IV (TA IV) vào năm 2020 và hoàn thành kết nối cụm dự án NCMR vào năm 2022.

Mặt khác, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác tối ưu hóa vận hành, sản xuất NMLD Dung Quất nhằm tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phấn đấu công suất hoạt động hằng năm đạt và vượt 98% công suất thiết kế.

Song song với việc tối ưu hóa quá trình vận hành sản xuất, Công ty cũng sẽ triển khai các giải pháp nhằm đa dạng hóa sản phẩm có giá trị cao hơn các sản phẩm hiện có, thực hiện các giải pháp để giảm lỗ cho các sản phẩm có hiệu quả kinh tế chưa cao như FO và LPG. Sau khi dự án NCMR hoàn thành, Công ty sẽ thực hiện sản xuất các sản phẩm khác như Asphalt, xăng và DO cao cấp (theo tiêu chuẩn Euro V), sản phẩm hóa dầu đi từ nguồn khí Cá Voi Xanh và các sản phẩm MTBE, Carbon Black, Reformate Residue.

Công ty cũng đặt mục tiêu từng bước nâng dần chất lượng sản phẩm đầu ra để tiệm cận chuẩn mức 4 theo QCVN 1:2015/BKHCN (Hiện tại Công ty dựa trên một số cải hoán nhỏ đã có thể sản xuất được xăng với chất lượng mức 3 theo QCVN 1:2015/BKHCN (RON95-III)). Sau NCMR, Công ty dự kiến sẽ nâng được chuẩn sản phẩm đầu ra lên EURO V để phù hợp với lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải được quy định tại Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

c. Bán hàng và thị trường tiêu thụ

Công ty sẽ triển khai các giải pháp nhằm thu hẹp khoảng cách về thời gian và địa lý từ nhà máy đến nơi tiêu thụ của các sản phẩm cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Bên cạnh đó, Công ty sẽ phát triển

các thị trường chiến lược tại khu vực Miền Trung và Miền Nam. Mặt khác, Công ty sẽ tiến hành các biện pháp nhằm nâng cao năng lực kho chứa nhằm tối đa hóa lượng sản phẩm phân phối của Nhà máy như nghiên cứu thị trường, địa điểm và khả năng phân phối tiêu thụ sản phẩm.

Đồng thời, Công ty sẽ tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng phân phối sản phẩm, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, phát triển hệ thống kho chiến lược như thuê kho hoặc hợp tác đầu tư kho với các đơn vị đầu mối, đặc biệt ở thị trường phía Nam.

Nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như đa dạng hóa ngành nghề, Công ty sẽ thực hiện gia công chế biến xuất khẩu (Deem processing). Cùng với đó, Công ty sẽ đẩy mạnh nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới như: nghiên cứu nhập Naphtha để tăng hiệu quả hoạt động của CCR, nghiên cứu nhập LSWR để tăng hiệu quả hoạt động của RFCC, phát triển dòng sản phẩm mới như nhựa đường, xăng trắng...

Mặt khác, các biện pháp tăng cường quản lý, nắm bắt thông tin thị trường/khách hàng nhằm kiểm soát tốt công tác điều độ sản xuất, quản lý hàng tồn kho và điều tiết phương án kinh doanh hợp lý sẽ được lên kế hoạch chi tiết để triển khai. Đồng thời, Công ty cũng chú trọng xây dựng một hệ thống quản trị thông tin để có thể tiến hành thu thập thông tin thống kê của khách hàng thông qua các kênh của các công ty đầu mối, bao gồm: thông tin về các đại lý/hộ tiêu thụ/khách hàng công nghiệp chính sử dụng sản phẩm; cơ cấu tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy theo vùng/miền/địa phương; phản hồi về chất lượng sản phẩm của NMLD Dung Quất. Công ty sẽ xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng hợp lý và khoa học nhằm tiết giảm chi phí và phân phối một cách hiệu quả đáp ứng nhu cầu của thị trường và khách hàng.

Song song với các công tác trên, Công ty hướng đến xây dựng chính sách bán hàng theo hướng linh hoạt với thị trường nhằm hỗ trợ tối đa, kịp thời cho khách hàng trong việc tiêu thụ sản phẩm của NMLD Dung Quất. BSR sẽ đồng hành cùng với khách hàng, coi khách hàng là trọng tâm trong hoạt động bán hàng, tiến đến đối tác tin cậy để cùng nhau phát triển. Việc xây dựng và quản trị nhóm khách hàng này cần có cơ chế chia sẻ thông tin và cơ chế hợp tác bền vững trên tinh thần đảm bảo lợi ích lâu dài cho các bên.

Công tác đầu tư phát triển và công tác nghiên cứu thị trường, phân tích đánh giá các cơ hội phát triển thị trường sẽ được đẩy mạnh. Đồng thời, việc sử dụng các công cụ tài chính phái sinh là cần thiết nhằm bảo hiểm các rủi ro về thị trường và biến động giá, ổn định sản xuất kinh doanh.

d. Chiến lược đầu tư

Một trong những mục tiêu trọng tâm của Công ty trong giai đoạn 2018-2022 đó là đảm bảo tiến độ và hoàn thành Dự án NCMR để đưa vào vận hành trong năm 2022. Dự án NCMR đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty, là đòn bẩy để Công ty nâng cao năng lực sản xuất của mình lên một tầm cao mới, nâng cấp chất lượng xăng dầu của Nhà máy đạt chất lượng EURO V đáp ứng lộ trình tiêu chuẩn sản phẩm đầu ra theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/09/2011

của Thủ tướng Chính phủ. Các cấu phần đầu tư mới, bổ sung và phụ trợ trong nội dung của dự án NCMR bao gồm:

- Bổ sung một số phân xưởng công nghệ mới, nâng công suất của các phân xưởng công nghệ hiện hữu để nâng công suất chế biến của toàn nhà máy lên 192.000 thùng/ngày (tương đương 8,5 triệu tấn/năm). Đáng chú ý, trong các phân xưởng công nghệ mới có phân xưởng chưng cất chân không (Vacuum Distillation Unit) sẽ tạo điều kiện để Công ty sản xuất đến sản phẩm cuối cùng của lọc – hóa dầu là parafin (nhựa đường).
- Bổ sung thêm một phao rót dầu không bến (SPM) cho phép tàu có tải trọng tới 300.000 DWT cập bến;
- Cảng xuất sản phẩm: nâng cấp 2 bến xa bờ cho phép xuất tàu có tải trọng tới 50.000 DWT, các bến gần bờ cho phép xuất tàu có tải trọng tới 30.000 DWT;
- Bổ sung thêm các bể chứa dầu thô, bể chứa trung gian và sản phẩm phù hợp với Quyết định số 1139/2009/QĐ-TTg, trong đó dung lượng chứa tương ứng với 15 ngày vận hành liên tục và 01 tàu có tải trọng lớn nhất (300.000 DWT) đối với bể chứa dầu thô; 7 ngày vận hành liên tục đối với các bể chứa trung gian; 10 ngày vận hành liên tục và 01 tàu có tải trọng lớn nhất đối với bể chứa sản phẩm.

e. Kế hoạch đầu tư dự án Nâng cấp mở rộng (NCMR)

Mục tiêu dự án

- Nâng công suất chế biến dầu thô từ 148.000 thùng/ngày (tương đương 6,5 triệu tấn/năm) lên 192.000 thùng/ngày (tương đương 8,5 triệu tấn/năm); (tăng công suất CDU lên 130%);
- Nâng cao độ linh động lựa chọn dầu thô, đảm bảo nguồn dầu thô cung cấp lâu dài và có hiệu quả của Nhà máy;
- Chất lượng sản phẩm xăng dầu đáp ứng tiêu chuẩn EURO V; phù hợp với lộ trình của Chính phủ về tiêu chuẩn sản phẩm theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg;
- Đáp ứng nhu cầu các sản phẩm lọc – hóa dầu trong nước;
- Góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của cả nước và khu vực Trung Trung Bộ.

Cơ cấu nguồn vốn và kế hoạch huy động vốn đầu tư

- Căn cứ Quyết định số 9016/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 12 năm 2014, tổng mức đầu tư được phê duyệt là 1.813.470.000 USD (tương ứng với khoảng 38.989,6 tỷ đồng). Trong đó, cơ cấu vốn (vốn chủ sở hữu/vốn vay) được áp dụng là 30/70.
- Về phần vốn vay: Công ty dự kiến lựa chọn thuê tư vấn thu xếp vốn cho Dự án dưới hình thức tín dụng xuất khẩu (ECA); vay các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước.

Tiến độ triển khai tới thời điểm gần nhất

- Ngày 22/12/2014, PVN đã chính thức phê duyệt Dự án Đầu tư, nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.
- Ngày 12/08/2015, HĐTV của Công ty chính thức phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Tu vấn lập thiết kế tổng thể (FEED)” của Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.

Tính đến hết tháng 11/2017, tiến độ triển khai dự án NCMR cụ thể như sau:

- **Hạng mục đền bù và thực hiện tái định cư cho người dân:**

Công tác đền bù hoàn thành 99%, công tác xây dựng khu tái định cư cho người dân đã hoàn thành 87%. Diện tích 108,2 ha của Dự án về cơ bản đã có thể tiến hành thi công san lấp.

- **Hạng mục khảo sát địa hình, địa chất sơ bộ phục vụ thiết kế FEED:** Đã hoàn thành.

- **Hạng mục rà phá bom mìn, vật nổ:**

– Đối với công tác thi công rà phá bom mìn, vật nổ trên bờ (108,2ha): Đã hoàn thành rà phá trên 95% diện tích, diện tích 5% còn lại chưa thể thi công do vướng các hộ dân chưa di dời/bàn giao mặt bằng. Phần diện tích trên biển sẽ thực hiện sau khi hoàn thành các thủ tục phê duyệt phương án bố trí tuyến ống dầu thô và vị trí SPM mới.

- **Hạng mục Thiết kế tổng thể FEED:**

– Ngày 24/3/2017, Nhà thầu AFW đã bàn giao Hồ sơ thiết kế FEED, tổng dự toán Dự án và bộ hồ sơ mời thầu (ITB) gói thầu EPC. Tổng dự toán dự án $\pm 10\%$ là 1.806,6 triệu USD, thấp hơn so với TMĐT được duyệt (1.813,4 triệu USD).

– Ngày 25/04/2017, BSR trình Tập đoàn và Bộ Công thương để thẩm định và phê duyệt hồ sơ Thiết kế tổng thể (FEED) và Tổng dự toán Dự án theo luật định.

– Gói thầu thẩm tra Thiết kế FEED và Dự toán phục vụ công tác thẩm định, phê duyệt FEED hiện đang trong giai đoạn triển khai hợp đồng, Nhà thầu dự kiến sẽ phát hành Báo cáo kết quả thẩm tra trong tháng 12/2017.

– Trong quá trình triển khai FEED, BSR cùng nhà thầu AFW phối hợp nghiên cứu tối ưu hóa một số hạng mục: dầu thô thiết kế; công suất các phân xưởng công nghệ, phụ trợ, ngoại vi; cấu hình NCMR của phân xưởng CDU; phương án tái sinh kiềm thải tại phân xưởng LTU; hệ thống PCCC; phân xưởng ETP; vị trí bể chứa Asphalt; phân xưởng NHT; phương án chạy ống SPM mới; cụm xử lý khí phân xưởng DHDT; tối đa hóa công suất RFCC; nguyên lý bể chứa sản phẩm; STG và boiler bổ sung; phương án sản xuất lưu huỳnh lỏng; dàn xuất số 3 bằng xe bồn.

- **Các hợp đồng bản quyền công nghệ:**

- Đối với các gói thầu cung cấp bản quyền công nghệ các phân xưởng mới HGU, DHDT, GHDT, SDA, ALKYL, NHT và SRU thuộc Dự án NCMR NMLD Dung Quất: BSR/DQRE đã tổ chức lựa chọn và ký 07 Hợp đồng bản quyền công nghệ các phân xưởng này. Đến nay, các nhà thầu cung cấp bản quyền công nghệ đã bàn giao thiết kế cơ sở (BEDP) và tiến hành nghiệm thu.
- Nhà thầu tư vấn thiết kế FEED (AFW) đã hoàn thành việc ký kết hợp đồng với các Nhà cung cấp bản quyền công nghệ hiện hữu là AXENS, UOP và MERICHEM để thiết kế cải hoán các phân xưởng bản quyền hiện hữu.
- Đối với các gói thầu cung cấp bản quyền công nghệ các phân xưởng hiện hữu CNU, KTU, LTU và RFCC thuộc Dự án NCMR NMLD Dung Quất: Tổ chuyên gia đã hoàn thành công tác chấm thầu và đang trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.
- Đăng ký hợp đồng bản quyền công nghệ: Ngày 24/05/2017, BSR/DQRE đã làm rõ, bổ sung tài liệu các Hợp đồng bản quyền công nghệ cho Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 2954/BSR-KTKH ngày 24/05/2017). BSR đã hoàn thành các gói thầu cung cấp bản quyền công nghệ các phân xưởng mới (HGU, DHDT, GHDT, SDA, ALKYL, NHT2 và SRU) thuộc Dự án NCMR NMLD Dung Quất. Ngày 05/06/2017, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ký giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ cho 07 phân xưởng mới này.
- Đối với các phân xưởng RFCC, KTU, LTU, CNU đã hoàn thiện các nội dung chính của Hợp đồng, hiện luật sư của Axens và Merichem đang xem xét trước khi các bên có thể triển khai thủ tục ký kết Hợp đồng (dự kiến hoàn thành trong tháng 10). Đối với hợp đồng của phân xưởng CCR và ISOM đang trong giai đoạn UOP chuẩn bị HSDT (UOP xin gia hạn thời gian nộp thầu chậm hơn 2 tuần, tức ngày 18/10/2017), theo đó thời gian dự kiến ký Hợp đồng trong tháng 1/2018 (chưa bao gồm phần cam kết bảo đảm đặc tính kỹ thuật).

- **Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM):**

BSR/DQRE đã làm việc với Nhà thầu AFW/CPSE để cập nhật Báo cáo ĐTM của Dự án theo góp ý của Bộ Tài nguyên Môi trường (TNMT) và trình lại Bộ TNMT tại Công văn số 3789/BSR-ATMT ngày 11/7/2017. Ngày 25/8/2017, Bộ TNMT đã có Công văn số 2333/TCMT-TĐ&ĐTM gửi BSR về việc tiếp tục làm rõ nội dung báo cáo ĐTM, trong đó yêu cầu BSR/DQRE tiếp tục đánh giá mức độ tối ưu về môi trường của phương án nâng cấp so với hiện hữu, tập trung vào việc đánh giá tác động môi trường cho hoạt động nạo vét và nhận chìm hơn 1,6 triệu m³ vật chất nạo vét trong quá trình triển khai Dự án.

Theo đó, ngày 1/9/2017, BSR đã có Công văn số 4868/BSR-ATMT trình Bộ TNMT về việc làm rõ các nội dung nêu trên, đồng thời kiến nghị Bộ TNMT xem xét phê duyệt có điều kiện đối với ĐTM của dự án NCMR NMLD Dung Quất, trong đó phân nạo vét và xử lý vật liệu nạo vét đáy biển sẽ được tiếp tục nghiên cứu và trình duyệt trước khi triển khai thực tế tại hiện trường.

- **Hạng mục EPC:**

- Công tác sơ tuyển: BSR/DQRE đã hoàn thành công tác đánh giá Hồ sơ dự tuyển gói thầu số 01 “Thiết kế - Mua sắm - Xây dựng (EPC)” Dự án NCMR NMLD Dung Quất. Ngày 06/05/2017, BSR đã trình Tập đoàn phê duyệt kết quả lựa chọn danh sách ngắn nhà thầu gói thầu này theo công văn số 05/BSR-HĐTV.
- Công tác phát hành Hồ sơ mời thầu giai đoạn 1 gói EPC: BSR đã hoàn thành việc phê duyệt nội dung Hồ sơ mời thầu giai đoạn 1 gói EPC và đã phát hành Hồ sơ mời thầu giai đoạn 1 Gói thầu EPC vào ngày 13/11/2017, kế hoạch đóng thầu giai đoạn 1 vào tháng 3/2018.

- **Hạng mục thu xếp vốn:**

- Về công tác lựa chọn nhà thầu tư vấn thu xếp vốn: Ngày 07/09/2017, Hội đồng thành viên Tập đoàn đã chấp thuận phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phạm vi công việc và dự toán gói thầu số 10 “Tư vấn thu xếp tài chính” Dự án tại Quyết định số 5686/QĐ-DKVN. HSMT gói Tư vấn thu xếp tài chính đã được phát hành vào ngày 08/11/2017.
- Về nguồn vốn chủ sở hữu để tham gia đầu tư cho Dự án NCMR: Theo kế hoạch kinh doanh 05 năm tới sau cổ phần hóa mà BSR đã thực hiện xây dựng trên cơ sở các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, tổng nguồn vốn dài hạn của doanh nghiệp bao gồm vốn chủ sở hữu khả dụng, khấu hao tích lũy và lợi nhuận sau thuế lũy kế sau khi tiến hành cân đối đủ để tài trợ phần vốn chủ sở hữu đối ứng cho các hoạt động đầu tư của Dự án NCMR NMLD Dung Quất, kể cả sau khi đã tính trừ một phần để chia cổ tức cho cổ đông. Trong trường hợp phát sinh các biến động thị trường diễn ra theo chiều hướng có các ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các chỉ tiêu kế hoạch dự kiến có thể không đạt được trên thực tế, BSR sẽ thực hiện các phương án phát hành thêm cổ phần để huy động nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu tại năm tài chính tương ứng trên cơ sở xin ý kiến phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần.

Kế hoạch triển khai trong giai đoạn tới

- **Hạng mục tiểu dự án:** DQRE chủ động nắm bắt thông tin, tích cực đôn đốc DEZA, phối hợp chính quyền địa phương các cấp, các Sở ban ngành liên quan tập trung đẩy nhanh tiến độ xử lý, giải quyết dứt điểm cho từng trường hợp vướng mắc còn lại.
- **Hạng mục Rà phá bom mìn:**
 - Đôn đốc Chủ đầu tư Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng tích cực, tập trung đẩy nhanh giải quyết các vướng mắc về mặt bằng là các hộ dân có nhà cửa, vật kiến trúc chưa di dời để bàn giao cho nhà thầu thực hiện thi công rà phá bom mìn, vật nổ;
 - Tiếp tục theo dõi, đôn đốc Tập đoàn xem xét chấp thuận chi phí phát sinh cho công tác RPBM trên biển theo phương án bố trí tuyến ống dầu thô và phao SPM mới như Công văn số 7695/BSR-HĐTV ngày 29/11/2016 BSR đã trình Tập đoàn.

- **Hạng mục thiết kế FEED:**

- Các phát sinh Hợp đồng (C.O): Tiếp tục yêu cầu Nhà thầu AFW gửi dự thảo sơ bộ về việc xử lý tổng thể (roll-up) các yêu cầu phát sinh thay vì xử lý từng phát sinh Hợp đồng riêng rẽ như hiện nay. Việc này giúp xác định các ảnh hưởng thực tế của các yêu cầu phát sinh và mối liên hệ giữa các yêu cầu phát sinh để các bên có thể xem xét và tiếp tục làm việc vào thời gian tới.
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tiếp tục làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường để sớm nhận được kết quả phê duyệt.

- **Công tác thẩm tra phục vụ thẩm định, phê duyệt FEED:**

- Tiếp tục bám sát, đôn đốc Tập đoàn/Bộ Công thương, các Bộ liên quan để đẩy nhanh công tác thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và Tổng dự toán dự án;
- Triển khai hợp đồng gói thầu Tư vấn thẩm tra thiết kế FEED và dự toán Dự án NCMR NMLD Dung Quất. Dự kiến thời gian tới, Nhà thầu sẽ hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế FEED và báo cáo thẩm tra Dự án.

- **Công tác lựa chọn bản quyền công nghệ các phân xưởng RFCC, KTU, LTU, CNU CCR và ISOM:**

- Đối với các phân xưởng RFCC, KTU, LTU, CNU: hoàn thiện và ký kết hợp đồng trong tháng 12/2017.
- Đối với hợp đồng của phân xưởng CCR và ISOM: UOP xin gia hạn thời gian nộp thầu và dự kiến ký Hợp đồng trong đầu năm 2018 (chưa bao gồm phần cam kết bảo đảm đặc tính kỹ thuật).

- **Hạng mục thực hiện Hợp đồng EPC:**

- Triển khai công tác đánh giá Hồ sơ dự thầu giai đoạn 1 gói thầu EPC (Thời gian nộp Hồ sơ dự thầu giai đoạn 1 gói thầu EPC dự kiến vào ngày 01/03/2018).

- **Hạng mục chuẩn bị mặt bằng:** Tiếp tục làm rõ, giải trình để Tập đoàn sớm xem xét, chấp thuận chủ trương đưa gói thầu san lấp mặt bằng vào gói thầu EPC và chủ động chuẩn bị các thủ tục liên quan để triển khai các công việc tiếp theo.

- **Hạng mục thu xếp vốn:**

- Đánh giá Hồ sơ dự thầu của các nhà thầu (theo kế hoạch thời gian nộp Hồ sơ dự thầu của các nhà thầu vào ngày 18/12/2017);
- Tiếp tục phối hợp với Ban Tài chính của Tập đoàn để làm việc với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước về tài trợ, thu xếp vốn cho Dự án;
- Tiếp tục làm việc với Bộ Tài chính để được cấp Bảo lãnh Chính phủ đối với vốn vay cho Dự án (hiện nay đang chờ Chính phủ phê duyệt Danh mục các Dự án công trình được ưu tiên cấp bảo lãnh

Chính phủ đến năm 2020 (trong đó có Dự án NCMR) để BSR bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại Công văn số 10242/BTC-QLN ngày 02/08/2017).

4.3. Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2018 - 2022

Trên quan điểm thận trọng của Công ty trước những biến động kinh tế - thị trường, kế hoạch kinh doanh đã được xây dựng với phương châm đảm bảo cân đối giữa mục tiêu lợi nhuận và các rủi ro tiềm tàng. Trên cơ sở đó, kết quả hoạt động của Công ty trong giai đoạn 2018 – 2022 được dự báo như sau:

4.3.1. Các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất

Sản phẩm	Đơn vị	2018F	2019F	2020F	2021F	2022F
RON92/E5 RON92	nghìn tấn	1.513	1.486	1.282	1.349	2.608
RON95	nghìn tấn	981	997	860	826	-
RON97	nghìn tấn	-	-	-	18	409
Jet A-1	nghìn tấn	131	131	113	138	660
Nhiên liệu điêzen (DO) .	nghìn tấn	3.315	3.333	2.875	2.902	3.079
FO	nghìn tấn	89	90	77	80	120
LPG	nghìn tấn	428	423	365	366	345
PP	nghìn tấn	154	153	132	133	148
Propylen	nghìn tấn	-	-	-	-	-
Lưu huỳnh	nghìn tấn	6	6	5	7	36
Asphalt	nghìn tấn	-	-	-	20	446
Tổng	nghìn tấn	6.619	6.618	5.709	5.840	7.851
<i>Dầu thô tiêu thụ</i>	<i>nghìn tấn</i>	<i>7.164</i>	<i>7.164</i>	<i>6.180</i>	<i>6.331</i>	<i>8.696</i>

4.3.2. Các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh

Sản lượng của Công ty mang tính chu kỳ 03 năm do ảnh hưởng của hoạt động bảo dưỡng tổng thể. Trong đó, năm 2020 Công ty sẽ tiến hành bảo dưỡng tổng thể lần IV dẫn đến sản lượng giảm còn 5,7 triệu tấn (giống như trường hợp năm 2017). Năm 2021, tổng khối lượng sản phẩm sản xuất của Công ty ước đạt ở mức 5,8 triệu tấn do quá trình kết nối với dự án NCMR sẽ khiến Nhà máy phải ngừng hoạt động dự kiến trong 2 tháng.

Ngoài các yếu tố kỹ thuật mang tính đặc điểm của ngành và đã được dự báo như trên, hoạt động của Công ty trong giai đoạn sau Cổ phần hóa diễn ra ổn định.

Từ năm 2022, sau khi dự án NCMR hoàn thành, sản lượng của Công ty tăng lên khoảng 7,9 triệu tấn cùng với đó là các dòng sản phẩm mới được sản xuất là RON97 và Asphalt (Nhựa đường parafin). Mặt khác, cơ cấu sản phẩm của Công ty có thể thay đổi tùy theo nhu cầu của thị trường. Tuy nhiên, sản phẩm chính của công ty vẫn là xăng các loại và nhiên liệu điêzen chiếm trên 90% cơ cấu sản lượng. Về kết quả kinh doanh, doanh thu của Công ty dự kiến tăng từ 78,2 nghìn tỷ đồng năm 2018 lên 133,4 nghìn tỷ đồng năm 2022, tăng 70,65%. Doanh thu của Công ty tăng trưởng nhờ có sự tăng lên về sản lượng từ năm 2022 nhờ dự án NCMR và giá dầu thô được dự báo tăng lên 70 USD/thùng từ năm 2019. Dự kiến năm 2022, Công ty đạt khoảng 3.687 tỷ đồng LNST ứng với tỷ lệ ROE 8,32%.

Chỉ tiêu	2018F	2019F	2020F	2021F	2022F
	(Tỷ đồng)				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.170	108.130	95.520	98.325	133.401
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.170	108.130	95.520	98.325	133.401
Giá vốn hàng bán	72.571	99.419	88.258	91.696	125.877
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.599	8.711	7.263	6.629	7.524
Doanh thu hoạt động tài chính	544	597	428	710	1.023
Chi phí tài chính	1.173	1.286	1.477	1.427	3.155
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	363	276	200	177	2.100
Chi phí bán hàng	1.008	1.004	898	907	1.143
Chi phí quản lý doanh nghiệp	299	299	290	291	358
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	3.663	6.719	5.025	4.713	3.891
Thu nhập khác	32	44	39	41	56
Chi phí khác	38	52	46	48	66
Lợi nhuận (lỗ) khác	(6)	(8)	(7)	(7)	(10)
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế.....	3.657	6.711	5.018	4.706	3.881
Thuế TNDN phải nộp	183	336	251	235	194
Thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-

Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	3.474	6.376	4.767	4.471	3.687
ROE²⁷	10,61%	17,43%	11,92%	10,54%	8,32%
VCSH	34.479	38.684	41.281	43.582	45.098
Vốn điều lệ	31.005	31.005	31.005	31.005	31.005
Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	7,00%	7,00%	7,00%	7,00%	7,00%

²⁷ Căn cứ Khoản 5, Nghị Quyết số 84/NQ-CP ngày 06/09/2017 của Chính Phủ, BSR đã được phê duyệt cơ chế không điều chỉnh lại SSKT theo kết quả XDGTĐN khi xây dựng quy mô vốn điều lệ của CTCP trong PA CPH. Theo đó, quy mô vốn điều lệ này được sử dụng làm cơ sở để xác định quy mô vốn chủ sở hữu, tỷ suất sinh lời trên VCSH (ROE) nêu trên và các chỉ số tài chính có liên quan.

4.4. Kế hoạch trả cổ tức

Trên cơ sở cân đối nguồn vốn, dòng tiền của BSR với nhu cầu đầu tư vào các dự án trong giai đoạn 2018 - 2022 (trong đó, trọng yếu nhất là dự án NCMR), BSR dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức trên vốn điều lệ là 7%/năm trong giai đoạn 2018-2022.

4.5. Các giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh

4.5.1. Giải pháp về tổ chức quản lý

Để tối ưu hóa bộ máy tổ chức và công tác quản lý, Công ty dự kiến sẽ triển khai các giải pháp sau:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức Công ty theo chỉ đạo của Tập đoàn (mô hình Công ty – Nhà máy);
- Đẩy mạnh các dự án hỗ trợ quản trị: Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) giai đoạn 1, quản trị rủi ro (ERM), xây dựng và hoàn chỉnh các chiến lược, mục tiêu kinh doanh, bảo dưỡng sửa chữa, công nghệ thông tin;
- Phân công những nhân sự có kinh nghiệm triển khai dự án để tham gia thực hiện Dự án NCMR NMLD Dung Quất kịp tiến độ đề ra;
- Tăng cường giám sát, kiểm tra định kỳ đảm bảo sự tuân thủ đối với các quy trình đã được ban hành, bảo dưỡng, an toàn; liên tục đánh giá, cải tiến và hoàn thiện các quy trình đáp ứng yêu cầu thực tế ngày càng tăng từ yêu cầu SXKD; định kỳ hàng năm đánh giá lại thực trạng đối với từng vị trí trong bộ máy vận hành, bảo dưỡng để từ đó hoàn thiện chương trình đào tạo/tự đào tạo nhằm nâng cao tính sẵn sàng và chủ công việc;
- Tiếp tục hoàn thiện, cập nhật, kiểm soát, việc thực hiện định kỳ các bộ định mức Kinh tế - kỹ thuật đã được ban hành.

4.5.2. Giải pháp về nguồn nguyên liệu

Theo chỉ đạo của PVN, Công ty đề ra các giải pháp chiến lược cung cấp dầu thô dài hạn cho NMLD Dung Quất (bao gồm dầu thô Việt Nam và dầu thô nhập khẩu) để đảm bảo chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào trong giai đoạn 2018-2022:

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với PVOil tìm kiếm nguồn dầu thô thay thế dầu Bạch Hổ, ký hợp đồng với đối tác cung cấp dầu thô để đảm bảo nguồn cung nguyên liệu chiến lược dài hạn và ổn định cho Nhà máy;
- Hợp tác với PVOil, Vietsovpetro để khắc phục việc suy giảm chất lượng dầu thô Bạch Hổ (hạn chế tỷ lệ dầu mỏ Ròng được pha trộn, giảm thiểu tạp chất) và tìm cơ chế khai thác phù hợp hơn tại mỏ;
- Tăng cường chế biến các loại dầu thô trong nước sẵn có như Chim Sáo, Tê Giác Trắng, Sư Tử Đen, Rạng Đông;

Về quản trị hàng tồn kho, căn cứ các điều kiện khách quan và chủ quan để Công ty linh hoạt trong điều chỉnh khối lượng dầu thô, sản phẩm tồn kho đảm bảo luôn tồn kho ở mức tối ưu:

- Trong điều kiện thị trường ổn định, Công ty sẽ giữ mức dầu thô và sản phẩm tồn kho phù hợp với định mức;
- Trong điều kiện thị trường bất ổn định, Công ty sẽ linh hoạt điều chỉnh mức tồn kho dầu thô và sản phẩm để đảm bảo Nhà máy vận hành an toàn, ổn định và đạt hiệu quả nhất.

Ngoài ra, Công ty dự kiến sẽ triển khai các giải pháp tổng thể kết hợp với việc sử dụng các công cụ dự báo và công cụ tài chính để hạn chế các biến động về giá dầu thô nguyên liệu, cụ thể như sau:

- Nâng cao năng lực dự báo đánh giá thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường dầu thô và các nguồn nguyên liệu đầu vào đối với công nghiệp lọc hóa dầu;
- Sử dụng công cụ tài chính phái sinh nhằm bảo hiểm các rủi ro do biến động thị trường và giá;
- Xây dựng đa dạng các phương án mua dầu thô nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đồng thời xây dựng chuỗi cung ứng từ mua dầu thô đến vận chuyển, chế biến chặt chẽ, hợp lý để tiết giảm chi phí cũng như tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ bản cho dầu thô phù hợp với khả năng chế biến của nhà máy để tiếp tục nghiên cứu tìm kiếm các loại dầu phù hợp và hiệu quả cao;
- Xây dựng các điều kiện chuẩn về thương mại, phù hợp với các thông lệ trên thị trường dầu trong các hợp đồng mua nguyên liệu nhằm tăng tính chặt chẽ trong thương mại quốc tế;
- Tiếp tục nghiên cứu tìm kiếm các nguồn nguyên liệu khác để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

4.5.3. Giải pháp về kỹ thuật – công nghệ

Phát triển về kỹ thuật – công nghệ luôn là một mục tiêu trọng yếu, Công ty dự kiến sẽ triển khai những giải pháp như sau:

- Tăng cường kỷ luật, khuyến khích việc phát hiện các khiếm khuyết, hổng hóc kỹ thuật;
- Tăng cường và phát huy sáng kiến cải tiến khoa học, kỹ thuật nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng mối quan hệ với các đơn vị có tính chất nghiên cứu như viện nghiên cứu, trường đại học để phối hợp triển khai các đề tài gắn với nhu cầu thực tiễn của Công ty.

4.5.4. Giải pháp về tổ chức sản xuất

Để tối ưu hóa quá trình vận hành sản xuất đồng thời thực hiện mục tiêu tiết giảm chi phí và tiêu hao nguyên vật liệu sản xuất, Công ty dự kiến sẽ tiến hành các giải pháp như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh việc chuẩn hóa nhà cung cấp, ban hành tiêu chuẩn Công ty (Công ty Codes & Standards), nâng cao chất lượng công tác thiết kế, lập đầu bài kỹ thuật;
- Lập kế hoạch, phương án tiết giảm tiêu hao, mất mát năng lượng của nhà máy với mục tiêu giảm tiêu hao và mất mát năng lượng xuống dưới 7% (trung bình hao hụt trong năm 2015 là 7,92%);
- Triển khai gói IT Master Plan trong đó xác định rõ các phần mềm quan trọng để tập trung đầu tư trong giai đoạn tới (kết hợp với Dự án NCMR);

- Thiết kế và cải hoán các hạng mục (chủ yếu liên quan đến phân xưởng CDU) để nâng công suất Nhà máy;
- Tăng cường kỷ luật, đẩy mạnh công tác giám sát việc tuân thủ quy trình vận hành, bảo dưỡng, an toàn;
- Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình, phương án và các giải pháp đã nêu trong phần vận hành, bảo dưỡng và an toàn một cách quyết liệt, khoa học để phát huy mọi nguồn lực, đảm bảo cho Nhà máy vận hành an toàn, ổn định và hiệu quả;
- Triển khai chương trình trao đổi nhân sự vận hành trung và cao cấp với các đơn vị khâu sau trong và ngoài nước;
- Kiểm soát chặt chẽ các điểm nhạy cảm về kỹ thuật, các tiềm ẩn gây sự cố và chất lượng nguyên liệu, hóa phẩm đầu vào của Nhà máy để chủ động có những giải pháp chi tiết thích hợp;
- Tiếp tục phối hợp với đối tác cung cấp đưa xúc tác mới vào sử dụng nhằm tối ưu hóa lượng tiêu thụ xúc tác tại phân xưởng RFCC.

4.5.5. Giải pháp về nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đặt mục tiêu trở thành doanh nghiệp đi đầu trong công tác đào tạo nhân lực cho ngành lọc - hóa dầu của Việt Nam là những mục tiêu hàng đầu của Công ty. Ý thức được tầm quan trọng của công tác đào tạo nguồn nhân lực, Công ty đã đề ra các giải pháp trong thời gian tới để củng cố và xây dựng đội ngũ cán bộ có chuyên môn giỏi, tay nghề cao. Cụ thể như sau:

- Ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn nhân lực doanh nghiệp (ERP) cho Công ty;
- Định kỳ hằng năm đánh giá lại thực trạng đối với từng vị trí trong bộ máy vận hành, bảo dưỡng để từ đó hoàn thiện chương trình đào tạo/tự đào tạo và nhu cầu thuê chuyên gia đối với dịch vụ O&M cho mỗi chức danh cụ thể trong sơ đồ sản xuất;
- Tiếp tục triển khai đề án xây dựng đội ngũ chuyên gia và tiêu chuẩn chức danh cho từng vị trí của Công ty;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, phát huy vai trò NMLD Dung Quất là nơi đào tạo nguồn nhân lực cung cấp cho ngành công nghiệp lọc – hóa dầu của đất nước; ưu tiên tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực là người lao động địa phương để bổ sung, thay thế cho các nhân sự dịch chuyển sang đơn vị khác, phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Cụ thể:
 - Hoàn thiện Hệ thống quản lý đào tạo – phát triển nguồn nhân lực;
 - Nghiên cứu việc thành lập Trung tâm đào tạo về OJT để tiếp nhận đào tạo OJT cho nhân sự của các dự án Lộc – hóa dầu trong nước, tiếp tục kiện toàn đội ngũ đào tạo và đào tạo chuyên gia. Mở rộng thêm mạng lưới Coordinator đào tạo, hợp tác với các cơ sở đào tạo trong nước và thành lập đội ngũ cộng tác viên về đào tạo. Nghiên cứu triển khai cung cấp một số lượng nhân sự nhất định đã qua đào tạo bài bản cho các đơn vị khác;
 - Thiết lập các mối quan hệ, xây dựng các cơ chế phối hợp cùng đào tạo và sử dụng hiệu quả nhân sự chất lượng cao ở các đơn vị có chuyên ngành liên quan;

– Tiếp tục ưu tiên tuyển dụng, đào tạo nhân sự là người địa phương và các địa bàn lân cận nhằm ổn định nguồn nhân lực cho Công ty.

4.5.6. Giải pháp về tiêu thụ sản phẩm và thị trường

Bên cạnh việc đề ra các chiến lược cụ thể để phát triển thị trường và tiêu thụ sản phẩm, Công ty cũng đưa ra các giải pháp mang tính chiến lược và khái quát để thúc đẩy công tác tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường cho Công ty như sau:

- Phát triển các thị trường tiềm năng:
 - **Miền Trung:** Thị trường nhỏ 10%, có lợi thế về chi phí vận chuyển, phần đầu là đơn vị cung cấp toàn bộ sản phẩm cho thị trường này cùng với việc tăng cường tối đa năng lực xuất hàng theo đường bộ để phát huy lợi thế về vị trí địa lý.
 - **Miền Nam:** Thị trường lớn 90%, ký kết các hợp đồng dài hạn với các khách hàng đầu mối có thị phần lớn tại khu vực phía Nam, thuê kho chứa chiến lược nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng và tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm.
 - Xây dựng hệ thống phân phối cấp 1 bền vững, đảm bảo tiêu thụ toàn bộ sản phẩm LPG Dung Quất hiệu quả và an toàn. Đồng thời, Công ty sẽ mở rộng kênh phân phối để cho các thương nhân sản xuất, chế biến và thương nhân phân phối có thể tham gia tiêu thụ sản phẩm LPG Dung Quất;
 - Mở rộng kênh phân phối sản phẩm PP Dung Quất và kết hợp phương án bán cho nhà sản xuất lớn trực tiếp sử dụng và phương án bán cho khách hàng thương mại lớn.
- Phát triển hệ thống kho chiến lược:
 - Thuê kho hoặc hợp tác đầu tư kho với các đơn vị đầu mối, đặc biệt ở thị trường phía Nam;
 - Linh hoạt với nhiều hình thức giao hàng và tăng xuất đường bộ để đáp ứng nhu cầu thị trường;
 - Mở rộng hệ thống giao hàng theo điều kiện FCA tại kho PP của BSR tại Dung Quất, TP.HCM và Hà Nội. Mặt khác, Công ty sẽ tiếp cận thị trường theo hướng đưa sản phẩm của nhà máy đến tận nơi tiêu thụ.
- Ký kết hợp đồng nguyên tắc dài hạn từ 3 – 5 năm cho đối tác chiến lược để khách hàng ổn định nguồn cung, có thời gian đầu tư phát triển thị trường, hợp tác lâu dài và giảm thiểu rủi ro biến động cho Nhà máy;
- Mở rộng đối tượng khách hàng, linh hoạt và đa dạng trong công thức giá và thời điểm tính giá cũng như phương thức kinh doanh sản phẩm;
- Sử dụng đa dạng các công cụ tài chính phái sinh nhằm giảm thiểu rủi ro do biến động giá và thị trường gây ra cũng như để kiểm soát được lợi nhuận lọc dầu, giảm thiểu rủi ro phát sinh do giá thay đổi theo thời gian, tận dụng được cơ hội thị trường;
- Nâng cao năng lực đánh giá, dự báo thị trường nhằm có đủ thông tin cơ sở phục vụ việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như các chiến lược phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty sẽ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thị trường và thông tin khách hàng nhằm xây dựng chuỗi cung ứng một cách chặt chẽ, hệ thống, hợp lý tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tăng cường xây dựng thương hiệu sản phẩm của BSR để hỗ trợ tốt công tác bán sản phẩm. Công ty sẽ xây dựng chính sách bán hàng với tiêu chí khách hàng là trung tâm cùng với việc thực hiện xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về khách hàng phục vụ cho việc marketing, theo dõi, quản lý và chăm sóc khách hàng tốt nhất.

Chiến lược kinh doanh trong thời gian tới sẽ hướng đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm, hoàn thiện chính sách bán hàng, quy chế quy trình theo hướng linh hoạt, cạnh tranh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Đây sẽ là mục tiêu xuyên suốt để Công ty có thể cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước.

4.5.7. Giải pháp về tài chính

Ngoài việc triển khai các giải pháp để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như phát triển nguồn nhân lực, Công ty sẽ thực hiện các giải pháp để đảm bảo các nhu cầu về tài chính của Công ty sẽ được đáp ứng kịp thời. Cụ thể, các giải pháp tài chính mà Công ty dự kiến sẽ tiến hành như sau:

- Đa dạng hóa các hình thức đầu tư và hình thức sở hữu; áp dụng linh hoạt chính sách huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước;
- Ưu tiên thu xếp vốn cho dự án NCMR và các dự án liên quan đến an toàn vận hành, tối ưu hóa sản xuất NMLD Dung Quất, đảm bảo tỷ lệ vốn chủ sở hữu và vốn vay một cách cân đối, hợp lý, đảm bảo tính khả thi và an toàn trong đầu tư.

4.5.8. Giải pháp về hợp tác hội nhập kinh tế quốc tế

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng, Công ty cũng đề ra các giải pháp mang tính tổng quan để bắt nhịp với xu thế mới và hội nhập kinh tế quốc tế như sau:

- Nâng cao năng lực công tác pháp chế và xây dựng đội ngũ pháp chế có kiến thức chuyên sâu về quy định, thông lệ, luật pháp quốc tế và các thỏa thuận song phương, đa phương có liên quan trong lĩnh vực năng lượng và chế biến dầu khí;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc văn hóa ngành Dầu khí Việt Nam đồng thời tiếp thu những giá trị tốt đẹp của môi trường hội nhập quốc tế.

5. KẾ HOẠCH NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Sau khi thực hiện chào bán ra công chúng trong nước và hoàn tất chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty sẽ là công ty đại chúng quy mô lớn. Việc đăng ký giao dịch UPCoM²⁸ và niêm yết cổ phiếu Công ty trên thị trường chứng khoán là rất cần thiết và mang lại nhiều lợi ích cho sự phát triển của công ty cổ phần sau này. Công ty dự kiến sẽ kết hợp đăng ký giao dịch với chào bán ra công chúng, đồng thời đăng ký niêm yết ngay sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần nếu đáp ứng đủ các điều kiện niêm yết và được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận niêm yết cổ phiếu theo quy định.

²⁸ Căn cứ Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 196/2011/TT-BTC, Công ty sẽ phải thực hiện đăng ký giao dịch UPCoM trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá.

PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

BSR khuyến nghị các nhà đầu tư nên xem xét cẩn thận những yếu tố rủi ro được trình bày bên dưới cũng như các thông tin khác được trình bày trong bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu tư vào công ty. Những rủi ro dưới đây liên quan mật thiết đến BSR, hoạt động kinh doanh của BSR và của toàn ngành Lộc hóa dầu tại Việt Nam, cũng như việc giao dịch cổ phiếu của công ty trong tương lai. Các nhân tố rủi ro này có thể ảnh hưởng trọng yếu và tiêu cực đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của BSR và khả năng chi trả cổ tức của công ty trong tương lai.

1.1. Rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1.1. Rủi ro liên quan đến tài sản và hệ thống cơ sở máy móc

NMLD Dung Quất đã đi vào hoạt động từ năm 2009 và vận hành ổn định đến nay. BSR tin tưởng rằng Công ty sẽ vẫn tiếp tục vận hành ổn định Nhà máy trong tương lai, đồng thời, thực hiện các cải tạo, bảo dưỡng và sửa chữa giúp tăng hiệu quả sản xuất của Nhà máy. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, nhà máy chịu nhiều rủi ro tiềm tàng, có thể ảnh hưởng đến sự vận hành liên tục của nhà máy gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của BSR.

1.1.2. Rủi ro gián đoạn nguồn cung

Cấu hình kỹ thuật NMLD Dung Quất được thiết kế để vận hành chế biến và sản xuất các sản phẩm xăng dầu từ nguồn dầu ngọt nhẹ, trong đó nguồn dầu từ mỏ dầu Bạch Hổ đóng góp khoảng 60% tổng lượng dầu thô nguyên liệu của BSR. Theo dự báo kỹ thuật, trữ lượng khai thác dầu thô của mỏ Bạch Hổ đang có dấu hiệu suy giảm sau 31 năm khai thác. Hiện tại BSR đã và đang thực hiện các nghiên cứu phát triển các giải pháp để đa dạng hóa các nguồn dầu thô chế biến được, nâng cao khả năng chế biến dầu thô và bổ sung thêm một phân xưởng xử lý lưu huỳnh (SRU) (Dự kiến sau NCMR, Nhà máy có khả năng chế biến được trên 200 loại dầu thô và tỷ lệ phối trộn sẽ giảm dần tỷ trọng dầu ngọt nhẹ). Tuy nhiên, sự thiếu hụt về cung nguồn nguyên liệu dầu thô hoặc sự gia tăng về chi phí nguyên vật liệu đầu vào sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR cả về sản lượng sản xuất và kết quả doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

1.1.3. Rủi ro liên quan đến các thỏa thuận với các bên thứ ba

Chuỗi sản xuất của BSR được bắt đầu từ hoạt động nhập dầu thô với đại diện ký hợp đồng với BSR là PVOil và được PVTrans vận chuyển đến cảng nhập dầu của Nhà máy. PVOil và PVTrans là các đơn vị cùng trực thuộc Tập đoàn Dầu khí, có kinh nghiệm và mối quan hệ bền chặt với BSR.

PVOil là đơn vị duy nhất thực hiện cung ứng dầu thô cho các đơn vị sản xuất xăng dầu trong nước, trong đó có NMLD Dung Quất với sự đảm bảo về chất lượng, độ tin cậy và tính chuyên nghiệp.

Tương tự, PVTrans là đơn vị vận chuyển phần lớn dầu thô và các sản phẩm xăng dầu cho các NMLD tại Việt Nam.

Trong trường hợp hoạt động của PVOil và PVTrans bị gián đoạn hoặc các thỏa thuận giữa BSR và các đơn vị này bị ngưng trệ, hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR sẽ bị ảnh hưởng đáng kể.

1.1.4. Rủi ro liên quan đến các bản quyền công nghệ

Các phân xưởng chính của Nhà máy sử dụng bản quyền công nghệ của các nhà cung cấp hàng đầu thế giới, cụ thể như phân xưởng NHT/CCR/IZOM (UOP, Mỹ), phân xưởng RFCC/LCO-HDT (AXENS, Pháp), phân xưởng KTU/LTU/NTU/CNU (Merichem, Mỹ) và phân xưởng Nhà máy PP (MCI, Nhật Bản).

Rủi ro tiềm tàng từ việc không thể đảm bảo khả năng làm chủ và bảo vệ bản quyền công nghệ sẽ có những tác động tiêu cực tới kết quả kinh doanh và hoạt động sản xuất của BSR.

1.1.5. Rủi ro liên quan đến giá sản phẩm đầu ra

Nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty, cũng như các nhà máy lọc - hóa dầu khác, là dầu thô. Đây là mặt hàng thường có biến động đáng kể về giá cả do thay đổi của các yếu tố kinh tế, chính trị, cung - cầu thị trường.

Giá sản phẩm đầu ra chủ yếu của Công ty, bao gồm xăng và dầu (chiếm khoảng trên 85% doanh thu), cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động của giá nguyên liệu. Do đó, giá các sản phẩm đầu ra cũng có biến động đáng kể trong thời gian gần đây. Sự biến động giá các sản phẩm đầu ra này có thể có tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

1.1.6. Rủi ro liên quan đến các chứng nhận và giấy phép hoạt động

Hoạt động sản xuất xăng dầu của BSR yêu cầu một số giấy phép hoạt động và chứng nhận đặc thù như giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép sử dụng nước biển và các chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Một số giấy phép, chứng nhận chỉ có hiệu lực trong một gian nhất định và/hoặc phải tiến hành các đợt kiểm tra định kỳ để tiến hành gia hạn hoặc cấp lại tùy theo đặc thù của từng loại (Ví dụ: Báo cáo quan trắc môi trường được lập định kỳ 2 đợt/năm, trong khi báo cáo quản lý chất thải nguy hại được lập định kỳ hàng năm). Nếu Công ty không tuân thủ theo yêu cầu trong các giấy phép/chứng nhận này, các chế tài nghiêm khắc sẽ được áp dụng đối với Công ty (Điển hình như Luật Bảo vệ Môi trường 2014, Nghị định 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và Thông tư 36/2015/TT-BTNMT về quản lý chất thải nguy hại).

Theo đó, hoạt động sản xuất của Công ty có thể bị ảnh hưởng tiêu cực hoặc phải buộc ngưng hoạt động tại một số phân xưởng có liên quan.

1.1.7. Rủi ro liên quan đến khả năng nâng cấp mở rộng Nhà máy

Để tăng công suất nhà máy, đồng thời nâng chất lượng sản phẩm lên mức 4 và 5 (hiện tại là 2 và 3), BSR dự kiến sẽ thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy với tổng vốn đầu tư khoảng 1,8 tỷ USD. Việc thực hiện dự án mở rộng này có nhiều rủi ro tiềm ẩn về cả tài chính lẫn hoạt động mà BSR chưa thể lường trước. Ngoài ra, chi phí đầu tư thực tế có thể phát sinh cao hơn so với chi phí dự kiến, ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của dự án trong tương lai.

1.1.8. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Đến thời điểm cuối Quý III/2017, BSR vẫn còn dư nợ vay dài hạn là ~427 triệu USD tương đương khoảng gần 10.000 tỷ VND. Sự biến động tỷ giá đồng USD có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến chi

phí tài chính của công ty (lỗ tỷ giá thông qua đánh giá lại các khoản vay bằng ngoại tệ) và dẫn tới ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty.

1.2. Rủi ro liên quan đến thị trường

1.2.1. Rủi ro cạnh tranh

Sản phẩm chính của công ty là xăng dầu chịu nhiều áp lực cạnh tranh từ cả trong nước và quốc tế. Do đó, BSR phải tăng cường chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đồng thời nâng cao công tác quản trị để có thể đáp ứng được áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng.

1.2.2. Rủi ro về chính sách đối với thị trường xăng dầu nội địa

Sự thay đổi chính sách nhà nước về thuế nhập khẩu xăng dầu sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của BSR. Trong trường hợp có thay đổi đáng kể trong thuế nhập khẩu xăng dầu, sản phẩm nhập khẩu có khả năng sẽ có giá thành cạnh tranh hơn so với của BSR và gây ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của BSR. Ngoài ra, mặt hàng chính của công ty là xăng dầu hiện đang phải chịu các loại thuế khác như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường,... Sự gia tăng các loại thuế trên có thể làm tăng đến giá cả của các mặt hàng và làm giảm tiêu thụ các sản phẩm của Công ty.

1.2.3. Rủi ro liên quan đến các vấn đề về môi trường và xã hội

Sự thay đổi trong các quy định liên quan đến các vấn đề về môi trường và xã hội có thể gây ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ sản phẩm của công ty và gây ra ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của BSR trong tương lai.

1.2.4. Rủi ro liên quan đến nền kinh tế

Tiêu thụ xăng dầu, sản phẩm chính của BSR, có sự liên quan mật thiết đến tình hình kinh tế vĩ mô trên phạm vi toàn cầu cũng như phạm vi Việt Nam. Nếu nền kinh tế vĩ mô Việt Nam hoặc toàn cầu gặp khó khăn, nhu cầu cho các sản phẩm xăng dầu sẽ giảm theo, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của toàn bộ ngành lọc-hóa dầu và hoạt động kinh doanh của BSR.

1.3. Rủi ro của đợt chào bán

Giá cổ phiếu BSR có thể không ổn định, các nhà đầu tư có thể không bán được cổ phiếu tại mức giá bằng hoặc cao hơn giá mua.

Trước đợt chào bán này, BSR là Công ty TNHH Một thành viên do PVN nắm 100% quyền sở hữu. Cổ phiếu của BSR chưa từng có giao dịch trong quá khứ. BSR, tại thời điểm hiện tại, khó có thể đưa ra nhận định về việc giao dịch và thanh khoản của cổ phiếu trong tương lai. Giá đầu giá thành công có thể sẽ không có giá trị dự báo cho giá giao dịch của cổ phiếu trong tương lai. Do đó, giá cổ phiếu BSR có thể rất không ổn định sau khi giao dịch bắt đầu diễn ra trên thị trường và có thể chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, chẳng hạn như:

- Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- Tình hình cạnh tranh trong ngành
- Nền kinh tế vĩ mô

- Biến động trên thị trường chứng khoán
- Thay đổi trong các quy định luật pháp

Sự tập trung sở hữu cổ phiếu có thể làm giảm khả năng gây ảnh hưởng đến các vấn đề điều hành doanh nghiệp của các nhà đầu tư.

BSR chỉ chào bán khoảng 7,79% lượng cổ phiếu của công ty trong đợt chào bán này. Ngoài ra, công ty mẹ của BSR là PVN dự kiến sẽ nắm giữ 43%, còn lại 49% sẽ dành để chào bán cho cổ đông chiến lược. Như vậy, với giả định là việc chào bán diễn ra thành công, hai cổ đông lớn là PVN và cổ đông chiến lược trong tương lai sẽ nắm giữ ít nhất là 92% tổng số cổ phiếu của công ty. Do vậy, các quyền điều hành doanh nghiệp sẽ được nắm giữ chủ yếu bởi cổ đông lớn là PVN và các cổ đông chiến lược nếu chào bán thành công.

1.4. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, trong quá trình hoạt động, BSR còn chịu ảnh hưởng của một số nhân tố rủi ro có tính chất bất thường, khả năng xảy ra rất thấp và không có khả năng dự báo trước tại thời điểm hiện tại như động đất, lụt bão, sóng thần, dịch bệnh, chiến tranh, bạo động chính trị,... Các rủi ro này nếu xảy ra có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cơ sở vật chất của BSR hoặc có thể làm ngừng trệ toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR, gây ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR.

2. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN

2.1. Chào bán cổ phần cho các nhà đầu tư đại chúng (IPO)

2.1.1. Đối tượng chào bán

Đối tượng IPO trong nước sẽ là các nhà đầu tư trong và ngoài nước bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa) theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011, những đối tượng sau không được tham gia đấu giá mua cổ phần lần đầu:

- Thành viên Ban chỉ đạo Cổ phần hóa doanh nghiệp, trừ các thành viên là đại diện của doanh nghiệp cổ phần hóa;
- Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn, xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp; trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh;
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;
- Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Công ty và Tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

2.1.2. Phương thức chào bán

Cổ phần phát hành lần đầu ra công chúng thông qua phương thức bán đấu giá công khai, dự kiến được tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung:

Cổ phần phát hành:	Cổ phần của Công ty Cổ phần Lộc – Hóa dầu Bình Sơn, được thành lập từ quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn.
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm:	14.600 đồng/cổ phần
Tổng số cổ phần chào bán:	241.556.969 cổ phần (7,79% vốn điều lệ)
Đối tượng chào bán:	Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn được tham gia đăng ký và đấu giá cổ phần của Công ty Cổ phần Lộc – Hóa dầu Bình Sơn
Phương thức đấu giá:	Cổ phần được chào bán theo hình thức đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo quyết định số 895/QĐ-UBCK ngày 29/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán
Thời gian và địa điểm đăng ký:	Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn do Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ban hành
Tổ chức đấu giá:	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Phương thức và thời hạn thanh toán:	Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn.

Chi tiết các nội dung có liên quan đến việc thực hiện đấu giá cổ phần sẽ được thể hiện tại “Quy chế đấu giá Cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn” do Tổ chức thực hiện bán đấu giá (Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) ban hành và công bố.

2.2. Chào bán cổ phần cho người lao động

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định 59, đối tượng mua cổ phần bao gồm người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

Việc bán cổ phần với giá ưu đãi cho CBCNV được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách được phê duyệt, gồm 02 hình thức như sau:

2.2.1. Cổ phần cán bộ công nhân viên mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là:

“... Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)...”

Nguyên tắc xác định thời gian công tác được tính để mua cổ phần:

“...Thời gian được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian (tính theo số năm đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị của doanh nghiệp. Thời gian này không bao gồm thời gian thực tế làm việc đã được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi tại doanh nghiệp cổ phần hoá trước đó; thời gian thực tế làm việc đã được tính hưởng chế độ hưu trí; thời gian thực tế làm việc đã được tính để nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần...”

Theo đó:

- Tổng số lao động người Việt Nam có tên trong danh sách lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp – 31/05/2017 của Công ty là 1.563 người.
- Tổng số lao động đăng ký mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên công tác: 1.560 người.
- Tổng số năm làm việc của lao động người Việt Nam trong khu vực nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi: 14.370 năm.
- Tổng số cổ phần ưu đãi của 1.560 cán bộ công nhân viên đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước: 1.437.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ.

2.2.2. Cổ phần cán bộ công nhân viên mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần

Người lao động trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá, thuộc đối tượng Công ty sau Cổ phần hóa cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho Công ty trong thời hạn ít nhất là 3 năm (kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp tại Công ty nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần. Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Giá bán cho các đối tượng trên bằng giá đấu thành công thấp nhất khi Công ty đấu giá công khai.

Tiêu chí xác định của Công ty cho đối tượng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc tiếp là các cán bộ đáp ứng các tiêu chí dưới đây:

- Người lao động đang đảm nhận các chức vụ cán bộ quản lý từ cấp Phó trưởng phòng (theo cơ cấu tổ chức mới – Ban chức năng) trở lên;
- Người lao động là Chuyên gia đã được công nhận của BSR;
- Người lao động hiện đang giữ bậc lương chức danh Chuyên viên/Kỹ sư bậc 3/11 trở lên;
- Người lao động đảm nhận các chức danh thuộc khối sản xuất trực tiếp từ Nhân viên vận hành chính tại hiện trường (SFO), Nhân viên vận hành tại phòng điều khiển (PO), Nhân viên bảo dưỡng chính (SMS), Thợ lặn trở lên;
- Người lao động hưởng lương theo các ngạch chức danh công nhân kỹ thuật, công nhân PCCC, công nhân đóng bao, lái xe thuộc khối trực tiếp sản xuất, cán sự/kỹ thuật viên, nhân viên văn thư/lễ tân/thủ quỹ/y tá/thủ kho thuộc khối chuyên môn nghiệp vụ hiện đang giữ bậc lương chức danh có hệ số từ 3,95 trở lên.

Tổng số cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần là: 5.046.000 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ.

2.2.3. Tổng hợp phương án chào bán cổ phần cho người lao động

Hình thức chào bán: Chào bán trực tiếp cho người lao động.

Đối tượng	Số lượng CBCNV đăng ký mua	Số cổ phần (cổ phần)	Giá chào bán
Đối tượng được mua ưu đãi cổ phần theo quy định			
Bán ưu đãi theo thâm niên công tác	1.560	1.437.000	60% giá đấu giá thành công thấp nhất
Bán ưu đãi theo cam kết làm việc .	1.540	5.046.000	Giá đấu giá thành công thấp nhất
<i>Bán ưu đãi cho các người lao động không thuộc diện chuyên gia theo cam kết làm việc</i>	823	1.599.000	<i>Giá đấu giá thành công thấp nhất</i>
<i>Bán ưu đãi cho các chuyên gia giỏi có trình độ chuyên môn cam kết làm việc</i>	717	3.447.000	<i>Giá đấu giá thành công thấp nhất</i>

2.3. Chào bán cổ phần cho tổ chức công đoàn

Thực hiện theo quy định tại Điểm c Mục 2 Điều 36, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ, theo đó:

- Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ.
- Số cổ phần này do Tổ chức Công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng.
- Giá cổ phần bán cho Tổ chức Công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa là bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

Tổ chức Công đoàn sử dụng nguồn tiền hợp lệ để thực hiện đầu tư trong đợt chào bán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, Tổ chức Công đoàn Công ty **không** đăng ký mua cổ phần.

2.4. Chào bán cổ phần cho cổ đông chiến lược

Trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp với pháp luật Việt Nam cũng như định hướng phát triển của Công ty, BSR xin đề xuất các tiêu chuẩn mang tính nguyên tắc cơ bản và hướng đích. Sau khi thực hiện bước thăm dò thị trường, BSR sẽ đề xuất các tiêu chuẩn cụ thể để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tiêu chuẩn cụ thể theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền sẽ là cơ sở để triển khai lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

Các nhà đầu tư chiến lược có thể là các nhà đầu tư tài chính, và/hoặc các nhà đầu tư trong ngành dầu khí và/hoặc tổ hợp của một số các nhà đầu tư nêu trên. Tổ hợp các nhà đầu tư được hiểu là nhóm các nhà đầu tư có liên kết với nhau để cùng tham gia đăng ký mua cổ phần BSR chào bán cho nhà đầu tư chiến lược. Nhà đầu tư chiến lược được kỳ vọng và khuyến khích tham gia mua với tỷ lệ tối thiểu từ 5% vốn điều lệ của BSR trở lên. Các quyền và nghĩa vụ của từng thành viên trong tổ hợp nhà đầu tư sẽ tương đương nhau và được áp dụng cho tất cả các thành viên theo các điều kiện, điều khoản đã được ký kết với BSR và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2.4.1. Tiêu chí chung lựa chọn cổ đông chiến lược

Tiêu chí phổ quát lựa chọn cổ đông chiến lược trong nước và ngoài nước của BSR dự kiến như sau:

- Có đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật;
- Có ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực dầu khí, bao gồm nhưng không giới hạn ở hoạt động: khai thác, chế biến, phân phối các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Có năng lực tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 02 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký mua cổ phần có lãi, không có lỗ lũy kế;
- Có vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính kiểm toán tại năm tài chính gần nhất so với thời điểm chào bán tối thiểu là từ 10.000 tỷ đồng (Mười nghìn tỷ đồng) trở lên;
- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền khi đăng ký trở thành nhà đầu tư chiến lược của doanh nghiệp cổ phần hóa trong việc:

- Tiếp tục duy trì ngành nghề kinh doanh chính và thương hiệu của doanh nghiệp cổ phần hóa trong thời gian ít nhất là 05 năm kể từ thời điểm chính thức trở thành nhà đầu tư chiến lược.
- Không chuyển nhượng cổ phần được mua trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp.
- Hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa trong việc chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- Cam kết tiếp tục thu xếp vốn theo tỷ lệ góp vốn để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của BSR, bao gồm dự án NCMR.
- Ưu tiên các nhà đầu tư chiến lược có kinh nghiệm trong vận hành NMLD và/hoặc có tiềm lực về thị trường/có hệ thống phân phối xăng dầu để hỗ trợ BSR.
- Có nghĩa vụ bồi thường khi vi phạm cam kết đã ký với mức bồi thường xác định theo thiệt hại thực tế và quyền định đoạt của nhà nước đối với toàn bộ số lượng cổ phần nhà đầu tư chiến lược mua khi vi phạm các cam kết đã ký.

Hệ thống các tiêu chí áp dụng cho từng nhà đầu tư riêng lẻ và áp dụng chung cho từng thành viên trong tổ hợp các nhà đầu tư trường hợp có nhiều hơn 01 nhà đầu tư chiến lược cùng tham gia đồng đầu tư mua cổ phần chiến lược tại BSR. Đây là bộ tiêu chí chung áp dụng đối với nhà đầu tư chiến lược căn cứ trên các quy định pháp lý hiện hành.

2.4.2. Phương thức chào bán

Theo khoản 5(b) Điều 6 Mục II Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011: Trên cơ sở danh sách các nhà đầu tư chiến lược đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn được cơ quan quyết định cổ phần hóa phê duyệt, Ban chỉ đạo Cổ phần hóa xây dựng phương án và tổ chức bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược theo các nguyên tắc:

- Trường hợp có tối đa 03 nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần, nếu số cổ phần đăng ký mua lớn hơn số cổ phần bán ra cho nhà đầu tư chiến lược thì phải tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật hiện hành; nếu số cổ phần nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua tối đa bằng số cổ phần bán ra cho nhà đầu tư chiến lược thì Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa tiến hành thỏa thuận về số cổ phần bán ra, giá bán cổ phần, báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hóa phê duyệt hoặc quyết định theo ủy quyền của cơ quan quyết định cổ phần hóa;
- Trường hợp có trên 03 nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần thì Ban chỉ đạo Cổ phần hóa phải tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.4.3. Khối lượng và tỷ lệ chào bán

Tỷ lệ chào bán cho nhà đầu tư chiến lược dự kiến sẽ tương đương 49% vốn điều lệ trong vòng 03 tháng kể từ khi Phương án cổ phần hóa được phê duyệt. Trong đó, khối lượng cụ thể như sau:

Quy mô chào bán là 49% vốn điều lệ: Số cổ phần thực hiện chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược dự kiến là 1.519.244.812 cổ phần, tổng giá trị tính theo mệnh giá là khoảng 15.192 tỷ đồng, tương đương với giá trị thu về tính theo giá khởi điểm là khoảng 22.181 tỷ đồng.

Trong trường hợp việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược có vướng mắc, không thể hoàn thành trong 03 tháng theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2.4.4. Giá bán

Điều 5 khoản 4 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính quy định: Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo nguyên tắc:

- Trường hợp bán cho các nhà đầu tư chiến lược trước khi thực hiện bán đấu giá công khai: Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận (đối với trường hợp bán thỏa thuận) hoặc giá nhà đầu tư chiến lược đặt mua được xác định là trúng thầu của cuộc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt;
- Trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận (đối với trường hợp bán thỏa thuận) hoặc giá nhà đầu tư chiến lược đặt mua được xác định là giá trúng thầu của cuộc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược) nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- BSR sẽ thực hiện theo quy định tại thời điểm thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.
- Trường hợp thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược từ thời điểm Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

Theo thông lệ chung từ các giao dịch chào bán cổ phần chiến lược của các DNNN theo phương án cổ phần hóa tại Việt nam trong thời gian qua, khung giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được căn cứ trên (i) giá đấu giá IPO thành công thấp nhất; (ii) giá định giá theo các phương pháp định giá thông lệ (phương pháp chiết khấu dòng tiền, phương pháp hệ số nhân so sánh với công ty cùng ngành và/hoặc các giao dịch tương tự trên thị trường); (iii) giá cạnh tranh cao nhất nếu có nhiều hơn 1 nhà đầu tư chiến lược tham gia và thực hiện theo hình thức đấu giá; (iv) và theo các văn bản hướng dẫn cụ thể của từng cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp chào bán.

2.5. Các giải pháp xử lý cổ phần không bán hết

Trường hợp cổ phần chào bán trong đợt IPO và cho CBCNV không bán hết, các biện pháp xử lý sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Cụ thể, tại Điều 40, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ:

“1. Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:

a) Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.

b) Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.

c) Số lượng cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt.

2. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.

3. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.”

Khoản 2, 3, Điều 8, Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần:

“2. Bán cổ phần cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá đối với số cổ phần không bán hết.

a) Căn cứ số lượng cổ phần không bán hết quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp lập danh sách và thông báo đến các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá để chào bán công khai tiếp số cổ phần không bán hết trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần.

b) Căn cứ kết quả thỏa thuận bán cổ phần với các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá, Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp và nhà đầu tư ký hợp đồng mua/bán cổ phần. Thời gian hoàn tất việc ký hợp đồng mua/bán cổ phần là 15 ngày kể từ ngày nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần.

3. Trường hợp cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công.

a) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần, Tổ chức thực hiện bán đấu giá có trách nhiệm thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa về cuộc đấu giá không thành công. Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định điều chỉnh lại mức giá khởi điểm nhưng không thấp hơn mệnh giá để chào bán công khai tiếp theo phương thức thỏa thuận trực tiếp đối với số cổ phần chưa bán được của cuộc đấu giá công khai và số cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt (nếu có) trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ ngày hết hạn đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

b) Ban chỉ đạo cổ phần hóa quyết định công bố thông tin về việc chào bán công khai tiếp cổ phần theo phương thức thỏa thuận trực tiếp (bao gồm cả thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa theo phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này) tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày các nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần.

c) Căn cứ kết quả thoả thuận bán cổ phần với các nhà đầu tư, Ban chỉ đạo cổ phần hoá chỉ đạo doanh nghiệp và nhà đầu tư ký hợp đồng mua/bán cổ phần. Thời gian hoàn tất việc ký hợp đồng mua/bán cổ phần là 10 ngày kể từ ngày nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần.”

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC BÁN CỔ PHẦN

3.1. Dự toán chi phí

Tổng dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty là **8.172.627.161 đồng**, được ước tính trên cơ sở tham khảo chi phí cổ phần hóa thực tế của các doanh nghiệp nhà nước cùng quy mô tương đương, sau khi đã có điều chỉnh một số cấu phần đặc thù phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

3.2. Quản lý và sử dụng tiền thu được

Theo quy định tại khoản 1a) Điều 42 Nghị định 59, với Công ty thuộc trường hợp bán phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, số tiền thu được từ cổ phần hóa sẽ được xử lý như sau:

“... a) Số tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và chi giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo chế độ nhà nước quy định và quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Phần còn lại được xử lý theo quy định tại điểm c khoản này.”

Để thuận tiện cho công tác tính toán, Công ty giả định giá bán thành công cho nhà đầu tư đại chúng, nhà đầu tư tài chính và nhà đầu tư chiến lược bằng giá chào bán ở mức tối thiểu là **14.600 đồng/cổ phần** là mức giá khởi điểm đầu giá giả định. Với đặc điểm và quy mô của đợt phát hành nêu trên, tổng số tiền thu được từ đợt cổ phần hóa dự kiến như sau:

Nội dung	Ghi chú	Giá trị	Đơn vị
Quy mô vốn điều lệ trước CPH	(a)	31.005	tỷ đồng
Quy mô vốn điều lệ sau CPH	(b)	31.005	tỷ đồng
Giá bán (theo phương án giá khởi điểm ước tính)	(c)	14.600	đồng/cổ phần
Tổng số cổ phần chào bán	(d)	1.767.284.781	cổ phần
Số tiền thu được từ Cổ phần hóa	(e) = (f) + (g) + (h) + (j)	25.794	tỷ đồng
Thu từ bán cổ phần cho CBCNV	(f)	86 ²⁹	tỷ đồng
Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước		13	tỷ đồng
Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần		74	tỷ đồng
Thu từ bán cổ phần cho công đoàn	(g)	-	tỷ đồng
Thu từ bán công khai trong đợt IPO	(h)	3.527	tỷ đồng
Thu từ chào bán cổ phần cho cổ đông chiến lược	(j)	22.181	tỷ đồng

²⁹ Sai số do việc làm tròn số liệu khi tính toán

Nội dung	Ghi chú	Giá trị	Đơn vị
Phần giá trị cổ phần Nhà nước bán bớt theo mệnh giá .	(i)	17.673	tỷ đồng
Phần giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá để lại doanh nghiệp	(k)	-	tỷ đồng
Chi phí cổ phần hóa.....	(l)	8	tỷ đồng
Thực hiện chính sách với người lao động dôi dư	(m)	-	tỷ đồng
Thặng dư vốn để lại doanh nghiệp	(n)=[(b-a)/b]x [e-i-k-l-m]	-	tỷ đồng
Số tiền thu từ CPH dự kiến nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định	(p) = (e) - (k) - (l) - (m) - (n)	25.786	tỷ đồng

PHẦN VII: KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tình hình tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở Phương án Cổ phần hóa đã được phê duyệt của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn và các thông tin, số liệu do Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn cung cấp, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư. Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách cẩn trọng và hợp lý dựa trên các số liệu và thông tin do Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn cung cấp.


Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đầu giá cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Lộc – Hóa dầu Bình Sơn.

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2017

NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

Đại diện Ban chỉ đạo Cổ phần hóa

Thành viên Hội đồng Thành viên

TẬP ĐOÀN
DẦU KHÍ
VIỆT NAM


Phan Đình Đức

Đại diện Doanh nghiệp Cổ phần hóa


CÔNG TY
TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
LỘC - HÓA DẦU
BÌNH SƠN
QUANG NGÀI - HƯNG NGÀI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Ngọc Nguyễn

Đại diện Thành viên đứng đầu Liên danh Tư vấn Bán đấu giá 


S.G.P. - 111 - C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Hoài

Đại diện Thành viên Liên danh Tư vấn Bán đấu giá


S.G.P. - 26 - C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
DẦU KHÍ
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Minh Quang

PHẦN VIII: DANH SÁCH TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

1. DANH MỤC ĐẤT CÔNG TY ĐANG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG

PHỤ LỤC SỐ 01: DANH MỤC ĐẤT CÔNG TY ĐANG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG

STT	Nội dung	Diện tích (m²)	Địa chỉ	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng hiện tại
1	Quản lý, vận hành Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.	2.782.525,90	Xã Bình Trị và Bình Thuận, huyện Bình Sơn	- 726.410,5 m ² : đến 17/10/2027 - 2.056.115,4 m ² : đến 31/03/2058	Đất sản xuất kinh doanh: Xây dựng nhà máy Lọc dầu Dung Quất	Đất được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 31/5/2013. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 95/HĐTĐ ngày 10/12/2013 với Sở Tài nguyên và Môi trường và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm.
2	Hành lang Khu bể chứa sản phẩm.	241.929,50	Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn	- 141.890,7 m ² : đến 17/10/2027 - 100.038,8 m ² sử dụng đến 31/03/2058	Đất sản xuất kinh doanh: hành lang khu bể chứa sản phẩm	Đất được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 03/12/2013. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 95/HĐTĐ ngày 03/12/2013 với Sở Tài nguyên và Môi trường và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm
3	Phân xưởng sản xuất Polypropylen.	129.014,00	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Đến ngày 19/04/2032	Đất sản xuất kinh doanh: xây dựng phân xưởng sản xuất Polypropylen	Đất được BQL KTT Dung Quất cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 349/QĐ-BQL ngày 30/12/2013. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ ngày 01/01/2015 với Ban Quản lý KKT Dung Quất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

STT	Nội dung	Diện tích (m²)	Địa chỉ	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng hiện tại
4	Nhà máy sản xuất bao bì Dung Quất	24.069,00	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Đến ngày 22/04/2059	Đất sản xuất kinh doanh: xây dựng nhà máy sản xuất bao bì Polypropylen	Đất được BQL KTT Dung Quất cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 136/QĐ-BQL ngày 25/6/2014. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ ngày 15/12/2014 với Ban Quản lý KKT Dung Quất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
5	Khu giới thiệu toàn cảnh NMLD Dung Quất.	377.609,6m ⁰	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Đến ngày 31/03/2058	Giới thiệu khu toàn cảnh Nhà máy Lộc dầu Dung Quất	Đất được BQL KTT Dung Quất cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 163/QĐ-BQL ngày 23/7/2014 với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
6	Khu tập trung chất thải rắn không độc hại.	36.085,60	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Đến ngày 02/11/2034	Khu Tập trung chất thải rắn không độc hại	Đất được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 03/6/2015. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 115/HĐTĐ ngày 31/12/2015 với Sở Tài nguyên và Môi trường và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm
7	Khu nhà ở CBCNV tại Vạn Tường.	225.756,60	Xã Bình Trị và Bình Hải, huyện Bình Sơn	Đến ngày 06/01/2055	Đất khu công nghiệp: Khu nhà ở cán bộ công nhân viên	Đất được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 06/10/2014. Hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

STT	Nội dung	Diện tích (m²)	Địa chỉ	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng hiện tại
8	Bổ sung 02 bể chứa dầu thô.	133.396,50	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Đến ngày 31/03/2058	Đất sản xuất kinh doanh: Hai bể chứa dầu thô	Đất được BQL KTT Dung Quất cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 162/QĐ-BQL ngày 23/7/2014. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 04/HĐTĐ ngày 31/12/2014 với Ban Quản lý KKT Dung Quất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
9	Trung tâm lưu trữ tài liệu kết hợp Văn phòng làm việc.	24.478,00	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Đến ngày 31/03/2058	Trung tâm lưu trữ tài liệu kết hợp Văn phòng làm việc	Đất được BQL KTT Dung Quất cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 217/QĐ-BQL ngày 01/10/2013. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 02/HĐTĐ ngày 31/12/2014 với Ban Quản lý KKT Dung Quất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
10	Trụ sở làm việc của Công ty tại 208 Hùng Vương - TP. Quảng Ngãi.	5.905,50	Phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi	Đến ngày 31/05/2023	Trụ sở làm việc của Công ty tại 208 Hùng Vương - TP. Quảng Ngãi.	Đất được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Công ty thuê phục vụ sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 12/12/2012. Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 151/HĐTĐ ngày 30/12/2014 với Sở Tài nguyên và Môi trường và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hình thức sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm.